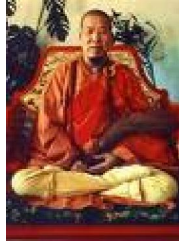


# Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca

Sa-Môn Huyền Giác soạn



Hòa Thượng Tuyên Hóa  
Thuyết Giảng tại Kim Luân Thánh Tự  
Los Angeles, California,  
Mỹ Quốc, tháng 2 năm 1985



---o0o---

**Nguồn**

<http://www.thuvienhoasen.org>

**Chuyển sang ebook 14-01-2012**

**Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)**

**[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)**

## Mục Lục

Song of Enlightenment

Chứng Đạo Ca

Lời Tựa

Vĩnh Gia Đại Sư – Chứng Đạo Ca Thiền Thích

---o0o---

*Quân bất kiến,*

*Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân?*

*Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân.*

*Vô minh thực tánh tức Phật tánh,*

Áo hóa không thân tức pháp thân.  
Pháp thân giác liễu vô nhất vật,  
Bổn nguyện tự tánh thiên chân Phật,  
Ngũ âm phù vân không khứ lai,  
Tam độc thủy bào hư xuất một.  
Chứng thực tướng vô nhân pháp,  
Sát-na diệt khước A-tỳ nghiệp.  
Nhược tương vọng ngữ cuồng chúng sanh  
Tự chiêu bạt thiết trần sa kiếp.  
Đốn giác liễu Như Lai thiền,  
Lục độ vạn hạnh thể trung viên.  
Mộng lý minh minh hữu lục thú,  
Giác hậu không không vô đại thiên.  
Vô tội phước, vô tổn ích,  
Tịch diệt tánh trung mạc vấn mịch.  
Tỷ lai trần kính vị tăng ma,  
Kim nhật phân minh tu phẫu tích.  
Thùy vô niệm, thùy vô sinh,  
Nhược thực vô sinh, vô bất sinh.  
Hoán thủ cơ quan mặc nhân vấn,  
Cầu Phật thi công tạo văn thành

Phóng tử đại, mặc bả tróc,  
Tịch diệt tính trung tùy âm trác  
Chư hành vô thường nhất thiết không  
Tức thị Như Lai đại viên giác.  
Quyết định thuyết, biểu Chân thặng  
Hữu nhân bất khăng nhiệm tình trung.  
Trực triệt căn nguyên Phật sở án,  
Trích diệp tâm chi ngã bất năng.  
Ma-ni châu, nhân bất thức,  
Như Lai tàng lý thân thâm đắc.  
Lục ban thần dụng không bất không  
Nhất lỏa viên quang sắc phi sắc.  
Tịnh ngũ nhãn, đắc ngũ lực,  
Duy chứng nãi tri nan khả trắc.  
Kính lý khán hình kiến bất nan,  
Thủy trung tróc nguyệt tranh niêm đắc.  
Thường độc hành, thường độc bộ,  
Đạt giả đồng du Niết-bàn lộ.  
Điều cổ thần thanh phong tự cao,  
Mạo tụy cốt cương nhân bất cố.  
Cùng thích-tử, khẩu xưng bản,

*Thực thị thân bản đạo bất bản.  
Bản tắc thân thường phi lỗ hạt,  
Đạo tắc tâm tàng vô giá trân.  
Vô giá trân, dụng vô tận,  
Lợi vật ứng cơ chung bất lận.  
Tam thân tứ trí thể trung viên,  
Bát giải lục thông tâm địa ẩn.  
Thượng sĩ nhất quyết nhất thiết liễu,  
Trung hạ đa văn đa bất tín.  
Đản tự hoài trung giải cấu y,  
Thùy năng hướng ngoại khoa tinh tấn.  
Tòng tha bán, nhiệm tha phi,  
Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bị.  
Ngã văn cấp tự ẩm cam lồ,  
Tiêu dung đón nhập bất tư nghị.  
Quán ác ngôn, thị công đức,  
Thử tắc thành ngô thiện tri thức.  
Bất nhân san bán khởi oán thân,  
Hà biểu vô sanh từ nhẫn lực.  
Tông diệc thông, thuyết diệc thông,  
Định huệ viên minh bất trệ không.*

Phi đản ngã kim độc đạt liễu,  
Hằng sa chư Phật thể giai đồng.  
Sư tử hống, vô úy thuyết,  
Bách thú văn chi giai nào liệt.  
Hương tượng bốn ba thất khước uy,  
Thiên long tịch thính sinh hân duyệt.  
Du giang hải, thiệp sơn xuyên,  
Tâm sư phỏng đạo vị tham thiên.  
Tự tông nhận đắc Tào Khê lộ,  
Liễu tri sinh tử bất tương quan.  
Hành diệc thiên, tọa diệc thiên,  
Ngữ mặc động tĩnh thể an nhiên.  
Túng ngộ phong đao thường thản thản,  
Giả nhiều độc dược dã nhàn nhàn.  
Ngã sư đắc kiến Nhiên-Đăng Phật,  
Đa kiếp tăng vi nhĩ nhục tiên.  
Kỷ hời sinh, kỷ hời tử?  
Sinh tử du du vô định chỉ.  
Tự tông đón ngộ liễu vô sinh,  
Ư chư vinh nhục hà ưu hỷ.  
Nhập thâm sơn, trú Lan-nhã,

Sâm cương u thúy trường tùng hạ.  
Ưu du tĩnh tọa dã tăng gia,  
Khuyến tịch an cư thực tiêu sai.  
Giác tức liễu, bất thi công,  
Nhất thiết hữu vi pháp bất đồng.  
Trú tướng bố thí sanh thiên phước,  
Do như ngưỡng tiền xạ hư không.  
Thế lực tận, tiền hoàn đọa,  
Chiêu đắc lai sanh bất như ý.  
Tranh tự vô vi thực tướng môn,  
Nhất siêu trực nhập Như Lai địa.  
Đản đắc bốn, mạc sầu mặt,  
Như tịnh lưu-ly hàm bảo nguyệt.  
Kỷ năng giải thử như ý châu,  
Tự lợi lợi tha chung bất kiệt.  
Giang nguyệt chiếu, tùng phong xuy,  
Vĩnh dạ thanh tiêu hà sở vi.  
Phật tánh giới châu tâm địa ấn,  
Vụ lộ vân hà thể thượng y.  
Hàng long bát, giải hổ tích,  
Lưỡng cổ kim hoàn minh lịch lịch.

Bất thị tiêu hình hư sự trì,  
N hư Lai bảo trượng thân tung tích.  
Bất cầu chân, bất đoạn vọng,  
Liễu tri nhị pháp không, vô tướng.  
Vô tướng, vô không vô bất không,  
Tức thị Như Lai chân thực tướng.  
Tâm kính minh, giám vô ngại,  
Quách nhiên oánh triệt châu sa giới.  
Vạn tượng sâm la ảnh hiện trung,  
Nhất lỏa viên quang phi nội ngoại.  
Khoát đạt không, bát nhân quả,  
Mãng mẽng đãng đãng chiêu vương họa.  
Khí hữu trước không bệnh diệc nhiên,  
Hoàn như tị nịch nhi đầu hỏa.  
Xả vọng tâm, thủ chân lý,  
Thủ xả chi tâm thành xảo nguy.  
Học nhân bất liễu dụng tu hành,  
Chân thành nhận tặc tương vi tử.  
Tổn pháp tài, diệt công đức,  
Mạc bất do tư tâm ý thức.  
Thị dữ thiên môn liễu khước tâm,

*Đón nhập vô sanh tri kiến lực.  
Đại trượng phu, bình huệ kiếm,  
Bát-nhã phong hệ kim cang diệm.  
Phi đản không thôi ngoại đạo tâm,  
Tảo hội lạc khước thiên ma đờm.  
Chấn pháp lôi, kích pháp cổ,  
Bố từ vân hệ sái cam lồ.  
Long tượng xúc đạp nhuận vô biên,  
Tam thừa ngũ tánh giai tịnh ngộ.  
Tuyết sơn phì nhị cánh vô tạp,  
Thuần xuất đề-hồ ngã thường nạp.  
Nhất tánh viên thông nhất thiết tánh,  
Nhất pháp biến hàm nhất thiết pháp,  
Nhất nguyệt phổ hiện nhất thiết thủy,  
Nhất thiết thủy nguyệt nhất nguyệt nhiếp  
Chư Phật pháp thân nhập ngã tánh,  
Ngã tánh đồng cộng Như Lai hợp.  
Nhất địa cụ túc nhất thiết địa,  
Phi sắc phi tâm phi hành nghiệp.  
Đàn chỉ viên thành bát vạn môn,  
Sát-na diệt khước tam kỳ kiếp.*



Nhất thiết số cú phi số cú,  
Dữ ngô linh giác hà giao thiệp.  
Bất khả hủy, bất khả tán,  
Thể nhược hư không vật nhai ngạn.  
Bất ly đương xít thường trạm nhiên,  
Mịch tức tri quân bất khả kiến.  
Thủ bất đẩu, xả bất đắc,  
Bất khả đắc trung chỉ ma đắc.  
Mặc thời thuyết, thuyết thời mặc,  
Đại thí môn khai vô ủng tắc.  
Hữu nhân vấn ngã giải hà tông?  
Báo đạo ma-ha bát-nhã lực.  
Hoặc thị hoặc phi nhân bất thức,  
Nghịch hành thuận hành thiên mạc trắc.  
Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu,  
Bất thị đẳng nhàn tương cuồng hoặc.  
Kiến pháp tràng, lập tông chỉ,  
Minh minh Phật sắc Tào-Khê thị.  
Đệ nhất Ca-diếp thủ truyền đăng,  
Nhị thập bát đại Tây thiên ky. /p>  
Pháp đông lưu, nhập thứ độ,

*Bồ-đề Đạt-ma vi Sơ tổ.*

*Lục đại truyền y thiên hạ văn,*

*Hậu nhân đắc đạo hà cùng số.*

*Chân bất lập, vọng bản không,*

*Hữu vô câu khiển bất không không.*

*Nhị thập không môn nguyên bất trước,*

*Nhất tánh Như Lai thể tự đồng.*

*Tâm thị căn, pháp thị trần,*

*Lưỡng chủng do như kính thượng ngân.*

*Ngân cầu tận trừ quang thủy hiện,*

*Tâm pháp song vong tánh tức chân.*

*Ta mặt pháp, ác thời thế,*

*Chúng sanh phước bạc nan điều chế.*

*Khí thánh viễn hệ tà kiến thâm,*

*Ma cường pháp nhược đa oán hại.*

*Văn thuyết Như Lai đốn giáo môn,*

*Hận bất diệt trừ lệnh ngã toái.*

*Tác tại tâm, ương tại thân,*

*Bất tu oán tố cánh vô nhân.*

*Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp,*

*Mạc báng Như Lai chánh pháp luân.*

Chiên đàn lâm, vô tạp thụ,  
Uất mật sâm trầm sư tử trú.  
Cảnh tĩnh lâm gian độc tự du,  
Tẩu thú phi cầm giai viễn khứ.  
Sư tử nhi, chúng tùy hậu,  
Tam tuế tiện năng đại hao hồng.  
Nhược thị dã can trực pháp vương,  
Bách niên yêu quái hư khai khẩu.  
Viên đốn giáo, một nhân tình,  
Hữu nghị bất quyết trực tu tranh.  
Bất thị sơn tăng sinh nhân ngã,  
Tu hành khủng lạc đoạn trường khanh.  
Phi bất phi, thị bất thị,  
Sai chi hào ly thất thiên lý.  
Thị tắc Long Nữ đốn thành Phật,  
Phi tắc Thiện Tinh sanh hãm trụ.  
Ngô tảo niên lai tích học vấn,  
Diệc tăng thảo số tâm kinh luận.  
Phân biệt danh tướng bất tri hư,  
Nhập hải toán sa đồ tụ khốn.  
Khước bị Như Lai khổ kha trách,

Sổ tha trần bảo hữu hà ích.  
Tòng lai thặng đặng giác hư hành,  
Đa niên uổng tác phong trần khách.  
Chủng tánh tà, thố tri giải,  
Bất đạt Như Lai viên đốn chế.  
Nhị thừa tinh tấn một đạo tâm,  
Ngoại đạo thông minh vô trí huệ.  
Diệc ngu si, diệc tiểu ngãi,  
Không quyền chỉ thượng sanh thực giải.  
Chấp chỉ vi nguyệt uổng thi công,  
Căn cảnh pháp trung hư niết quái.  
Bất kiến nhất pháp tức Như Lai,  
Phương đắc danh vi Quán Tự Tại.  
Liễu tức nghiệp chướng bốn lai không,  
Vị liễu ưng tu hoàn tức trái.  
Cơ phùng vương thiện bất năng san,  
Bệnh ngộ y vương tranh đắc sai.  
Tại dục hành thiên tri kiến lực,  
Hỏa trung sanh liên chung bất hoại.  
Dũng thi phạm trọng ngộ vô sanh,  
Tảo thời thành Phật vu kim tại.

*Sư tử hống, vô úy thuyết,  
Thâm ta mộng đồng ngoan bì đất.  
Chỉ tri phạm trọng chương bồ-đề,  
Bất kiến Như Lai khai bí quyết.  
Hữu nhị Tỳ-kheo phạm dâm sát,  
Ba-ly huỳnh quang tăng tội kết.  
Duy-ma đại sĩ đốn trừ nghi,  
Do như xích nhật tiêu sương tuyết.  
Bất tư nghi, giải thoát lực,  
Diệu dụng Hằng sa dã vô cực.  
Tứ sự cung dưỡng cảm từ lao,  
Vạn lưỡng hoàng kim diệt tiêu đắ.  
Phấn cốt toái thân vị tức thù,  
Nhất cú liễu nhiên siêu bá ức.  
Pháp trung vương, tối cao thắng,  
Hằng sa Như Lai đồng cộng chứng.  
Ngã kim giải thử như ý châu,  
Tín thọ chi giả giai tương ứng.  
Liễu liễu kiến, vô nhất vật,  
Diệt vô nhân, diệt vô Phật.  
Đại thiên sa giới hải trung âu,*

*Nhất thiết thánh hiền như điện phát.  
Giả sử thiết luân đĩnh thượng toàn,  
Định huệ viên minh chung bất thất.  
Nhật khả lãnh, nguyệt khả nhiệt,  
Chúng ma bất năng hoại chân thuyết.  
Tượng giá tranh vanh mạn tiến đồ,  
Thùy kiến đường lang năng cự triệt.  
Đại tượng bất du ư thỏ kính,  
Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết.  
Mạc tương quản kiến báng thương thương  
Vị liễu ngô kim vi quân quyết.*

---o0o---

### **Song of Enlightenment**

by Great Master Yung Chia of The T'ang Dynasty

Translated by [BUDDHIST TEXT TRANSLATION SOCIETY](#)

Have you not seen!

People whose study has ended, who do nothing, who abide in the Way at ease?

They do not banish false thoughts; they do not seek the truth.

The true nature of ignorance is the Buddha-nature;

This empty body, an illusory transformation, is the Dharma-body.

In the Dharma-body's enlightenment, there is not a single thing;

At its source the inherent nature is the Buddha of divine innocence.

The five skandhas, like floating clouds, emptily come and go;

The three poisons, like bubbles of water, rise and sink, unreal.

When one is certified to the characteristic of reality, there are no people or dharmas.

The karma of the Avichi is cancelled in a kshana.

If I were deceiving living beings with untrue words,

I'd invite upon myself the ripping out of tongues for eons as many as dust and sand.

With sudden enlightened understanding of the dhyana of the Thus Come Ones,

The six crossing-over and ten thousand practices are complete in substance.

In a dream, very clearly, there are six destinies;

After enlightenment, completely empty, there is no universe.

No offenses or blessings, no benefit or loss,

In the still, extinct nature no questions or seeking.

Recently the dusty mirror has not been polished.

Today we must analyze and make clear distinctions.

Who is without thought? Who is without birth?

If there is really no production, there is nothing not produced.

Summon a wooden statue and inquire of it.

Apply yourself to seeking Buddhahood; sooner or later you will accomplish it.

Let the four elements go. Do not grasp at them.

The nature of still quiescence accords with drinking and eating

All activities are impermanent; everything is empty.

That is the great and perfect Come One.

It is certain that these words express the True Vehicle.

Whoever does not accept them may inquire as they wish.

It cuts directly through to the source; it is sealed by all Buddhas.

I cannot pluck leaves and seek out branches.

People do not recognize the Mani-pearl.

They may receive it in person in the treasury of the Thus Come One.

The six kinds of spiritual functionings are empty, yet not empty.

This pearl of perfect brightness has form, yet has no form.

Purify the five eyes; attain the five powers.

Simply accomplish them and know what's hard to fathom.

Shapes in a mirror are not hard to see,

But the moon in the water—how can one pluck it out?

Ever practicing in solitude, ever walking alone,

Those who have penetrated, roam Nirvana's road together.

Their tune is ancient, their expression pure, their bearing naturally lofty.



Their appearance is haggard, their integrity unshakeable. People ignore them.

The Shakyān disciples say that they are poor;

They are indeed poor in body, but not poor in the Way.

As to poverty, their bodies are ever wrapped in coarse rags.

As to the Way, a priceless jewel is stored in their hearts.

A priceless jewel, its uses inexhaustible,

For benefiting beings, responding to potentials always generously.

Three bodies, four wisdoms are complete in the substance.

Eight liberations, six spiritual powers are in the mind-ground seal.

Certain about one thing, superior people understand everything.

Middling and inferior people learn much, yet doubt much

Simply cast off your own cherished dirty clothes.

Who could go out and boast about his vigor?

Let others slander me; I bear their condemnation.

Those who try to burn the sky only exhaust themselves.

When I hear it, it's just like drinking sweet dew.

Thus smelted and refined, suddenly one enters the inconceivable.

Contemplate vicious words as merit and virtue.

Then vicious words become one's Wise and Good Advisors.

Do not let abuse and slander arouse enmity or liking.

How else can the power of compassion and patience with non-production be manifest?

The school penetrated and the words penetrated.

Concentration and wisdom are completely clear; I do not stagnate in emptiness.

But I am not the only one who has got through to comprehension.

All the Buddhas, myriad as Ganges' sands, are of the very same substance.

The roar of the lion is fearless proclamation,

When the hundred wild beasts hear it, their brains split,

And the musk-elephant flees in confusion, losing his awesomeness.

The gods and dragons listen in stillness and in great joy.

Roaming the rivers and oceans, crossing mountains and streams;

Searching for a Master to ask about the Way of investigating dhyana.

Since I came to know the Ts' Ao Creek road,

I understand birth and death and have no connection with them.

Walking is dhyana, sitting is also dhyana.

In speech or silence, in movement or stillness, my substance is at peace.

Even if I meet with a knife's point, I am always completely tranquil.

If I am given a poisonous drug, I am still totally at ease.

Our Master met Burning-Lamp Buddha

After many aeons as a patient immoral.

How many births? How many deaths?

Births and deaths stretch far into the distance, with no fixed end.

Since I suddenly awakened and understood non-production,

How can I be grieved by insult, or pleased by glory?

Deep in the mountains dwelling in an Aranya,

Secluded far on a lonely peak beneath the tall pines,

Carefree, I sit in meditation, a rustic monk at home.

In quietude I live at ease in true lightheartedness.

Enlightenment is completion. There is no further effort.

It is not the same as any conditioned dharmas.

To dwell in characteristics while giving is to create the blessings of the heavens;

It is like looking up and loosing an arrow into the sky.

When its force is exhausted, an arrow falls back down;

Which is to say, future lives will not be as one wishes—

Unlike the door to the real characteristic of the unconditioned:

A single leap's straight entry to the ground of the Thus Come Ones.

Only get the root; have no concern for the branch-tips,

Like a pure crystal containing a jeweled moon,

When this wish-granting pearl can be understood,

Self-benefit and the benefit of others are forever unending.

In the river the moon shines; in the pines the wind sighs.

What needs to be done in the clear, long night?

The Buddha-nature's precept-pearl is the mind-ground seal.  
Fog and dew, clouds and mists are the body's clothing.  
The alms-bowl subdues the dragons; the tin staff vanquishes tigers,  
And the golden rings of its two parts sound in clear succession.  
It is no symbolic form unsupported by real events;  
It is the jeweled staff of the Thus Come One, which he himself passed down.  
Do not seek the true, do not cut off the false.  
Comprehend that both dharmas are empty; they have no characteristics.  
Without characteristics, there is no emptiness and no non-emptiness,  
Just that is the true characteristic of The Thus Come One.  
A pearl of perfect light, neither within nor without.  
If one passes into emptiness and denies cause and effect,  
Then gross and reckless, one invites calamities.  
This is the mistake of abandoning existence and being attached to emptiness—  
Just as if, to escape drowning, one were to leap into a fire.  
Some reject the false mind to grasp true principle.  
But the mind that grasps and rejects is ingenious and fraudulent.  
Students who do not understand and use it in cultivation,  
Really are mistaking a thief for their own son.  
Dharma wealth is lost, and merit and virtue destroyed,  
Due to nothing else than the conscious mind.

Through the door of dhyana the mind is ended,  
And one suddenly enters the powerful, unproduced knowledge and insight.  
The great hero wields the wisdom sword.  
From its Prajna point, a Vajra blaze!  
It not only destroys the mind of external paths,  
It also has long since terrified the heavenly demons!  
Roll the dharma thunder, beat the dharma drum.  
Clouds of kindness gather. Sweet dew is dispersed;  
Dragons and elephants tread upon it, moistening everything.  
The three vehicles and five natures are all roused awake.  
The Himalaya Pinodhni grass is unalloyed indeed;  
Pure Gee produced from it I have often partaken of.  
One nature completely pervades all natures.  
One dharma everywhere contains all dharmas.  
One moon universally appears in all waters.  
The moons in all waters are by one moon gathered in.  
The dharma body of all Buddhas enters my nature;  
My nature also meshes with the Thus Come Ones.  
On a single level, every level is complete.  
It is neither form, nor mind, nor the karma of action—  
In a finger-snap, eighty thousand doors are fully realized.

In a kshana, three asamkhyeya quakes are extinguished.

No number or phrase can describe it.

What relation could they have to our spiritual awakening?

It cannot be slandered and cannot be praised.

Its substance is like space; it has no shore.

It does not leave where it is; it is always clear.

If you search for it, know that you will not see it.

I cannot be grasped; I cannot be rejected.

Just what can be obtained within the unobtainable?

When silent, there is speech; when speaking, there is silence.

The great gate of giving is open and unblocked.

Should someone ask what the principle of my explanations is,

I inform him that it is the power of Mahaprajna.

People do not know what it is and what it is not.

One may oppose the flow or comply, but the gods do not fathom it.

I have already cultivated it through many aeons.

This is not the ordinary case of mutual lies and deceit.

The dharma banner is raised; the school's purport is established.

The Buddha very clearly directed that it was to be at Ts' Ao Creek.

With Kashyapa, the first, began the transmission of the Lamp.

Twenty-eight generations were recorded in India.

The Dharma flowed east and entered this land.

Bodhidharma was the First Patriarch.

The robe was transmitted to the six generation, as all the world has heard.

How could one count the people who since then have realized the Way?

The true is not established; the false is fundamentally empty.

Both existence and non-existence are banished, and non-emptiness is emptied.

The twenty doors to emptiness are basically in order to be not-attached.

The single characteristic of the Thus Come One is basic identity of self.

The mind is the root; dharmas are the dust.

The two are like streaks on a mirror.

When the streaks are entirely removed, light begins to appear.

When mind and dharmas are both forgotten, then the nature is true.

Alas! In the evil time of the Dharma-Ending Age,

Living beings' blessings are slight; it is difficult to train them.

Far indeed from the Sages of the past! Their deviant views are deep.

Demons are strong, the dharma is weak; many are the wrongs and injuries.

Hearing of the door of the Thus Come One's sudden teaching,

They hate not destroying it as they would smash a tile.

The doing is in the mind; the body suffers the calamities.

There's no need for unjust accusations that shift the blame to others.

If you don't wish to invite the karma of the unintermittent,

Do not slander the Thus Come One's roper Dharma Wheel.

In the Chandana forest there are no other trees.

Deep in the dense and luxuriant vegetation the lion dwells.

In the quietude of the forest he roams alone.

Beasts that walk and birds that fly all go far away.

The lion's cubs together follow along.

Three years, and then the too can loudly roar.

Should jackals pursue the Dharma King

They are hundred year-old goblins who open their mouths in vain.

The complete and sudden teaching is without sentiment.

If there is doubt and indecision, you should confront it direct.

It is not that the mountain Sanghan indulges in self and others;

It's only to be feared cultivators might fall into the pit of nihilism or eternalism.

"Wrong" is not wrong; "Right" is not right.

Erring by a hair's breadth, one misses by a thousand miles.

"Right" was the Dragon-maiden's suddenly achieving Buddhahood;

"Wrong" was Good Star's sinking and falling while alive.

In my early years, I set out to acquire learning,

And I studied commentaries and inquired into Sutras and Shastras.

Distinguishing among terms and characteristics, I didn't know how to stop.

Entering the sea to count the sands I exhausted myself in vain.



But the Thus Come One reprimanded this folly:

What benefit is there in counting other's treasures?

Unsuccessful all along, I felt I had practiced in vain.

Many years I wasted as a transient, like dust in the wind.

When the nature of the seed is deviant, one's knowledge and understanding will be wrong.

One will not attain the Thus Come One's complete and sudden measure.

Those of the Two Vehicles are vigorous, but lack the heart of the Way.

Those of external paths may be intelligent, but they lack wisdom.

They are stupid, petty, and foolish.

They mistake the empty first and pointing finger as producing genuine knowledge;

But becoming attached to the finger as being the moon is a waste of effort.

Amidst the dharmas of sense organs" states, it is blameworthy to make empty fabrications.

Not to perceive a single dharma: This is the Thus Come One.

Then one may be called "One Who Contemplates at Ease."

Once one has understood, karmic obstructions are basically empty.

Before one has understood, debts from the past must be repaid.

The famished encounter the royal banquet, yet cannot eat.

The sick meet the physician king, yet how can they be cured?

Practice dhyana in the midst of desire, through the power of knowledge and insight.

The lotus born in the fire is never destroyed.

Courageous donor's offense was serious; he awakened to non-production.

He realized Buddhahood early, and is here now.

The lion's roar is fearless proclamation.

I sigh deeply that confused, barbaric fools

Know only how to transgress seriously and obstruct Bodhi.

They do not perceive the mysteries revealed by the Thus Come One.

There were two Bhikshus who transgressed in sexual misconduct and killing.

Upali's firefly-light exaggerated the offense.

The Bodhisattva Vimilakirti immediately dispelled their doubts,

Just as the burning sun melts the frost and snow.

The power of liberation is inconceivable.

Its miraculous functions are as numerous as the Ganges' sands, and without end.

Does one dare shirk the toil in an offering of the four necessities?

Ten thousand ounce of gold may also be received.

One's bones may be powdered, one's body in fragments; still one can't repay the debt in full.

Understand one sentence, and transcend the hundred million.

The King among dharmas is the highest, the most supreme.

Thus Come Ones as numerous as Ganges' sand have attained it equally.

I now understand this wish-fulfilling pearl.

All who receive it in faith will evoke a response.  
It is clearly seen: There is not a single thing.  
Nor are there any people; nor are there any Buddhas.  
The great thousand worlds are bubbles in the sea.  
All the worthy Sages are like flashes of lightning.  
Even if an iron wheel were rolled over one's head,  
Samadhi and wisdom would be fully bright and never lost.  
The sun may grow cold, the moon may grow hot;  
The multitude of demons cannot destroy true speech.  
The elephant's carriage slowly and with dignity advances along the road.  
Who has seen a mantis that could deflect it from its course?  
The great elephant does not travel in the rabbit's path.  
The great awakening is not confined to a small space.  
Do not detract from the azure sky by looking at it through a reed.  
For those of you who have not understood, I now impart the secret.

**Translated by BTTS**

---o0o---

**Chứng Đạo Ca**

**Bản dịch của Cư Sĩ Trúc Thiên**

*Anh thấy chãng:*

*Dứt học, vô vi ấy đạo nhân,  
Không trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân.  
Tánh thực vô minh tức Phật tánh,  
Thân không ảo hóa tức pháp thân.  
Pháp thân giác rồi không một vật,  
Bổn nguồn tự tánh thiên chân Phật.  
Năm ám ảo hư: mây lại qua,  
Ba độc huyễn hoặc: bọt còn mất.  
Chứng thực tướng, không nhân pháp,  
Sát-na rũ sạch a-tỳ nghiệp.  
Bằng đem lời vọng dối chúng sanh,  
Tội rút lưỡi nguyền mang cùng kiếp.  
Thoắt giác rồi Như Lai thiên,  
Sáu độ muôn hạnh thể tròn nguyên.  
Trong mộng lao xao bầy sáu nẻo,  
Tĩnh ra bằng bật chẳng ba ngàn.  
Không tội phước, không thêm bớt,  
Tánh mình vắng lặng đừng hỏi bắt.  
Bấy lâu gương bụi chữa từng lau,  
Này lúc rõ phân cần dứt khoát.  
Ai không niệm, ai không sanh?*

*Ví thực không sanh, không chẳng sanh*

*Gọi người gõ hỏi nguồn cơn ấy,*

*Cầu Phật ra công sớm sẽ thành.*

*Buông bốn đại, đừng nắm bắt,*

*Tánh mình vắng lặng tùy âm trác.*

*Muôn vật vô thường thấy thấy không*

*Đáy chính Như Lai thật viên giác.*

*Dám nói quyết rõ Chân thừa,*

*Còn ai chẳng khứng cứ nghiên tâm.*

*Thẳng tận đầu nguồn phăng dấu Phật,*

*Chọn lá tìm cành ta chẳng đang*

*Ngọc ma-ni, người có biết,*

*Như Lai kho ấy thấu trọn hết.*

*Sáu ban thân dụng không chẳng không,*

*Một điểm viên quang sắc chẳng sắc.*

*Tịnh năm mắt, được năm lực,*

*Có chứng mới hay không lượng được*

*Trong gương ngấm ảnh dễ thấy hình,*

*Đáy nước mò trăng không nắm nguyệt.*

*Thường một mình, thường tản bộ,*

*Đạt giả lại qua Niết-bàn lộ.*

*Diệu xưa thần nhẹ dáng thanh thanh,  
Xương cứng thân gầy ai chiếu cố.  
Con Phật nghèo (\*), miệng xưng nghèo,  
Rõ thực thân nghèo đạo chẳng nghèo.  
Nghèo ắt thân thường manh áo chắp,  
Đạo ắt hàng châu báu đeo.  
Châu báu đeo, dùng chẳng hết,  
Tùy duyên rải khắp thêm keo kiết.  
Ba thân bốn trí thể tròn nguyên,  
Tám giải sáu thông tâm ấn hiệp.  
Bậc cao một quyết là xong hẳn,  
Kẻ thấp càng nghe lại lắm ngờ.  
Hãy vớt trong lòng manh áo bản,  
Sá gì tinh tấn hướng ngoài khoe.  
Mặc ai biếm, mặc ai dèm,  
Châm lửa đốt trời nhọc xác thêm.  
Ta nghe như uống cam lồ vậy,  
Tan hết vào trong chẳng nghĩ bàn.  
Xét lời ác ấy công đức,  
Đó mới chính là thầy ta thực.  
Chớ vì bóng bỏ khơi oán, thân,*

Sao tỏ vô sanh, nêu nhĩn lực.  
Tông cũng thông thuyết cũng thông,  
Định huệ sáng tròn chẳng trệ không.  
Nào phải mình ta riêng đạt đấy,  
Hằng sa chư Phật thể chung đồng.  
Sư tử hồng thuyết vô úy,  
Trăm thú nghe qua xé óc tủy.  
Hương tượng chạy dài hết liệt uy,  
Thiên long lạng ngóng lòng hoan hỷ.  
Chơi biển cả đạo rình thiêng,  
Tìm thầy hỏi lấy đạo tham thiên.  
Từ ngày rõ nẻo Tào-khê ấy,  
Mới hay sống chết chẳng tương can.  
Đi cũng thiên, ngồi cũng thiên,  
Nói im động tĩnh thấy an nhiên.  
Phỏng gặp gương đao thường nhẹ hững,  
Vi nhằm thuốc độc vẫn bông tênh.  
Thầy ta được thấy Nhiên-đăng Phật,  
Bao kiếp từng làm tiên nhĩn nhục.  
Mấy hồi tử, mấy hồi sanh?  
Sanh tử mơ màng không định dứt!

Tự thời thoát ngộ pháp vô sanh,  
Con vinh nhục mừng lo gì tá.  
Vào rừng sâu ở Lan-nhã,  
Núi dựng từng già ôm bóng cả,  
Thong dong ngồi tịnh mái chùa tranh,  
Cảnh lặng lòng yên thanh thoát lạ!  
Biết là xong tất chẳng cần công,  
Thấy thấy hữu vi pháp chẳng đồng.  
Cửa cho trụ tướng phước trời hưởng,  
Vi như tên bắn nhắm hư không.  
Đà bắn hết mũi tên rơi,  
Kiếp sau hận cũ lại bồi bồi,  
Sao bằng tự cửa vô vi ấy,  
Một nhảy vào liền đất Như Lai  
Cột ở góc lo chi cảnh,  
Như ngọc lưu ly ngậm ánh trăng.  
Đã hay thấu được châu như ý,  
Lợi ta lợi người không biết mấy.  
Trăng sông tỏ, gió từng lay,  
Đêm trường thanh vắng để chi đây?  
Ngọc giới hạnh, tâm in, tánh tỏ,



Trên mình mây ráng khoác làm y.  
Bát thâu rông gậy giải cạp,  
Hai dây khoen vàng khua lãnh lót,  
Phải đâu hư sự giữ làm vì,  
Gậy báu Như Lai dấu tỵ ghi.  
Không cầu chân, chẳng dứt vọng,  
Mới hay chân vọng không, chẳng tướng.  
Chẳng tướng, chẳng không không chẳng không,  
Ấy mới Như Lai chân thực tướng.  
Gương tâm sáng, soi chẳng ngại,  
Suốt thông chiếu khắp hằng sa giới.  
Muôn tượng um tùm ảnh hiện trong,  
Một điểm viên quang không nội ngoại.  
Đắm ngoan không, phá nhân quả,  
Bừa bãi, rối ren, càng thêm họa.  
Bỏ có, níu không, bệnh vẫn nguyên,  
Khác nào trốn nước sa vào lửa.  
Buông vọng tâm, giữ chân lý,  
Buông giữ tâm hoàn tâm xảo nguy.  
Đạo nhân chẳng rõ dốt lòng tu,  
Chân thành nhận giặc làm con quý.

Tốn pháp tài, dứt công đức,  
Chỉ vì điên đảo theo vọng thức.  
Cho nên thiền pháp dạy thông tâm,  
Thoắt chứng vô sanh sáng trí Phật.  
Đại trượng phu cầm kiếm huệ,  
Ánh Bát-nhã hè kim cương lóe.  
Đã hay ngoại đạo bạt tâm mê,  
Lại khiến thiên ma lùi khiếp vía.  
Nói pháp lời, đánh pháp cổ,  
Bủa mây từ hè rưới cam lồ.  
Voi rông dẫm bước nhuận ân sâu,  
Năm tánh ba thừa đều tỉnh ngộ.  
Cỏ phi-nhị đơm rông đỉnh Tuyết,  
Vị đề-hồ ta từng ném biết.  
Một tánh viên thông muôn tánh hết  
Một pháp bao gồm muôn pháp hết,  
Một trăng hiện khắp tất cả nước,  
Tất cả trăng nước một trăng nhiếp,  
Chư pháp thân Phật vào tánh ta,  
Tánh ta cùng với Như Lai hiệp.  
Một địa gồm đủ tất cả địa,

*Chẳng sắc chẳng tâm chẳng hạnh nghiệp.*

*Búng tay, tám vạn pháp môn thành,*

*Nháy mắt rủ xong ba kỳ kiếp.*

*Tất cả văn tự chẳng văn tự,*

*Cùng linh giác ấy nào can dự?*

*Không thể chê không thể khen,*

*Như hư không ấy vốn vô biên.*

*Tìm kiếm đã hay không thấy được,*

*Mà luôn trước mắt vẫn thường nhiên.*

*Lấy chẳng được, bỏ chẳng được,*

*Trong cái chẳng được gì là được.*

*Im thời nói, nói thời im,*

*Cửa đại thí mở thông thông suốt.*

*Có người hỏi ta giải tông nào,*

*Xin thưa: Ma-ha-bát-nhã lực.*

*Làm ngược làm xuôi trời biết đâu,*

*Rằng phải rằng trái ai rõ được.*

*Ta sớm từng qua bao kiếp tu,*

*Nào dám sai ngoa lời dối mị.*

*Dụng pháp tràng, lập tông chỉ,*

*Rõ ràng tâm Phật ứng Tào-khê.*

Thoạt tiên Ca-diếp đèn tâm truyền,  
Hăm tám đời tổ sư Tây thiên.  
Pháp sang đông vào trung thổ,  
Bồ-đề Đạt-ma là sơ tổ.  
Sáu đời y bát thiên hạ nghe,  
Người sau được đạo nhiều vô số.  
Chân chẳng lập, vọng vốn không,  
Hữu vô dứt trọn chẳng không không.  
Hai chục cửa không nguyên chẳng chấp,  
Một tánh Như Lai vốn thể đồng.  
Tâm là căn, pháp là trần,  
Thảy đều ngán bụi ám gương trong.  
Bao giờ ngán hết gương trong lại,  
Tâm pháp cùng quên tánh rõ chân.  
Ôi mặt pháp! Ác thời thế!  
Chúng sanh phước mỏng không cảm chế.  
Hiền thánh xa rồi tà vạy sâu,  
Ma mạnh pháp yếu nhiều ác tệ,  
Nghe nói Như Lai phép đốn tu,  
Hận chẳng nghiền tan như ngói bể.  
Tại tâm làm, tại thân chịu,

*Đừng có kêu oan chớ trách người.  
Muốn khỏi nghiệp vương muôn kiếp lụy,  
Vành xe chánh pháp chớ chê cười.  
Rừng chiên đàn không tạp thụ,  
Sâu kín um tùm sư tử trú.  
Cảnh vắng rừng im một mình chơi,  
Cao chạy xa bay chim cùng thú.  
Sư tử con, chúng theo mẹ,  
Tuổi mới lên ba đà hồng khỏe.  
Chớ rừng dầu bén gót Pháp vương,  
Trăm năm yêu quái há mồm sông!  
Pháp viên đốn vượt tình thường,  
Một niềm ngờ vực quyết không vương.  
Sãi tôi đâu sánh bàn nhân ngã,  
Sợ lạc đường tu hổ đoạn thường.  
Thị chẳng thị, phi chẳng phi,  
Sai lạc đường tơ ngàn dặm đi.  
Thị: đày Long nữ thoát thành Phật,  
Phi: đày Thiện tinh rơi địa ngục.  
Ta sớm bao năm chuyên học vấn,  
Từng viết số sao tìm kinh luận,*

Phân biệt danh tướng mãi không thôi,  
Vào biển đếm cát tự chuốc hận,  
Quả đáng bị Như Lai quả trách,  
Châu báu của người có gì ích?  
Lâu nay đấng đót rõ công suông,  
Uổng bầy làm thân phong trần khách!  
Tánh tà vậy, giải lạc làm,  
Chẳng được pháp Như Lai đốn ché.  
Hai thừa tinh tấn thiếu đạo tâm,  
Ngoại đạo thông minh không trí huệ.  
Như trẻ dại, như ngu si,  
Thấy nắm tay không quyền tướng thiệt,  
Chấp lấy ngón tay làm mặt nguyệt,  
Bóng ma căn cảnh uổng công ghi!  
Chẳng thấy một pháp tức Như Lai,  
Nên cũng kêu là Quán Tự Tại.  
Tỏ rồi, nghiệp chướng hóa thành không,  
Chưa tỏ, nợ xưa đành trang trái.  
Đói gặp tiệc vua không thể ăn,  
Bệnh tránh Y vương sao mạnh được?  
Thiền trong biển đục rõ kiến lực,

*Sen trong lửa đỏ muôn đời rực.*  
*Dũng Thi phạm giới chúng vô sanh,*  
*Sớm vẫn viên thành trong cõi tục.*  
*Sư tử hồng thuyết vô úy,*  
*Thương thay ai vẫn mê mờ tối,*  
*Mãng e tội chướng lấp bỏ đề,*  
*chẳng được Như Lai mở kho bí.*  
*Có hai tỳ-kheo phạm dâm sát,*  
*Dóm huỳnh Ba-ly thêm buộc xiết.*  
*Bồ-tát Duy-ma chốc giải ngờ,*  
*Như vừng dương hực tiêu sương tuyết.*  
*Bàn nghĩ chi sức giải thoát,*  
*Diệu dụng Hằng hà như số cát.*  
*Bốn sự cúng dường dầu nhọc bao,*  
*Muôn lượng vàng ròng dầu tiêu hết,*  
*Thịt tan xương nát chữa đèn xong,*  
*Một câu thấu suốt siêu ngàn ức.*  
*Đấng Pháp vương, bậc tối thắng,*  
*Hằng sa Như Lai cùng chung chứng.*  
*Ta nay giải vậy Như-y châu,*  
*Người người tin nhận đều tương ứng.*

*Suốt suốt thấy không một vật,  
Cũng không người, cũng không Phật.  
Thế giới ba ngàn bộn nước xao,  
Mỗi mỗi thánh hiền như điện phát.  
Vi phỏng thiết luân trên đầu chuyển,  
Định huệ sáng tròn luôn chẳng biến.  
Nguyệt dầu thành lửa, nhật thành băng,  
Ma nào phá được chân thuyết hiện.  
Xe voi dốc ngược vững đường lên,  
Sức mấy bọ trời ngăn bước tiến?  
Voi lớn đâu thềm đi dấu thỏ,  
Ngộ lớn sá gì chút tiết nhỏ.  
Đừng dòm trong ống biếm trời xanh,  
Chưa tỏ, vì anh ta mở rõ.*

*(\*) Nguyên bản Hoa ngữ 窮釋子 (Cùng Thích tử) được Cư Sĩ Trúc Thiên dịch là "Hèn con Phật", chúng tôi tạm sửa lại "Con Phật nghèo")*

---o0o---



### **Lời Tựa**

Bài *Chứng Đạo Ca* này giải bày hết mọi điều tâm đắc của Đại sư Vĩnh-Gia, kết quả một đời tu hành của ngài. Quý vị chẳng nên chỉ nghe lướt qua, mà phải đọc cho thuộc, kéo uống mất giá trị của nó. Đây là lời khuyên của



Thượng Nhân Tuyên Hóa, nhân kỳ thuyết giảng "Vĩnh-Gia Chứng Đạo Ca," năm 1985 tại Kim Luân Thánh Tự, Los Angeles, Mỹ Quốc. Với tâm bi thiết tha, và cũng như Đại sư Vĩnh-Gia, Thượng nhân đã chẳng nề hà, dùng lời phương tiện trở thặng cho chúng ta cái tướng chân thật của viên "*Ngọc Ma-ni, người chẳng biết.*"

Lần đầu giảng bài ca này tại đất Mỹ là năm 1965, Thượng nhân đã dùng *văn ngôn* để chú giải, và tập chú thích tựa đề là "*Vĩnh-Gia Đại-sư Chứng Đạo Ca Thuyên Thích.*" Nay, nhằm mục đích quảng bá, giúp các bạn trẻ chưa quen với lối *văn cổ*, có thể lãnh hội được ý nghĩa của bài ca nói trên, chúng tôi mang các băng ghi âm khóa giảng của Thượng nhân năm 1985 để ấn hành thành tập *văn bạch* thoại này. Trước khi giảng vào nội dung ca từ, và để ứng hợp với tinh thần của *Chứng Đạo Ca*, Thượng nhân đã làm mười bốn câu tụng kệ (nói rõ ở đoạn sau), trong đó có hai câu như sau:

*Duy nguyện Tam Bảo thùi gia hộ*

*Khải ngã chánh giác chuyên pháp luân*

Có nghĩa là "nguyện xin Tam Bảo gia hộ, giúp đệ tử được chân chánh giác ngộ đặng chuyên bánh xe pháp." Cho nên chúng ta thấy, từng chữ Thượng-nhân giảng, đều phát ra tự đáy lòng. Người trở thặng, không nề nà, căn bệnh của chúng ta, khích lệ chúng ta y theo bài ca mà tu hành. Người dạy chúng ta như sau: "Nếu quý vị đọc bài ca, thuộc lòng một cách trôi chảy, tự nhiên sẽ thông đạt, thấu hiểu đạo lý của nó."

Thấu hiểu đạo lý gì vậy? Chính là đạo lý *liễu tri sanh tử bất tương quan*, nghĩa là mới hay sống chết chẳng tương can. Khi gặp một hoàn cảnh khó khăn, lấy một đoạn của "Chứng Đạo Ca" ra đọc, tâm của chúng ta sẽ trở lại bình thản, vậy là cảnh ngộ dù khó khăn cũng có thể vượt qua. Thí dụ gặp chuyện oan ức, hoặc có ai nói xấu, chúng ta chỉ cần nhớ câu "*mặc ai báng, mặc ai dèm, châm lửa đốt trời nhọc xác thêm*"; như có ai mắng ta, thì đã có câu "*ngẫm lời ác, áy công đức, đấy mới chính là thầy ta thực.*"

Giả tỷ chúng ta sợ sau khi chết sẽ bị luân hồi trong lục đạo, chúng ta sẽ phải tin theo lời của Đại sư Vĩnh-Gia trong câu: "*Chứng thực tướng, không nhân pháp, sát-na rũ sạch a-tỳ nghiệp... Trong mộng lao xao bầy sáu nẻo, tỉnh ra bằng bật chẳng ba ngàn.*"

Khi đã hiểu thấu thời chúng ta phải gắng tu tập, như Đại sư đã nói: *"Không cầu chân, không dứt vọng... Tâm là căn, pháp là trần... Tâm pháp cùng quên tánh rõ chân."*

Đối với vị nào chỉ biết nghiên cứu kinh giáo, mà không dụng công tu tâm dưỡng tánh, nghĩa là không biết y theo giáo lý mà phụng hành tu tập, Vĩnh-Gia Đại sư đã có lời chỉ bảo: *"Phân biệt danh tướng mãi không thôi... Châu báu của người có ích gì?"*

Trong bài Chứng Đạo Ca, mỗi câu là một tiếng chuông cảnh tỉnh người học Phật pháp. Nếu có người lại nghĩ rằng bài ca này dành cho những người tu sĩ xuất gia mới đúng, còn như người thường thì khỏi bàn tới, như vậy chúng ta nên đọc câu sau đây: *"Thầy ta được thấy Nhiên-Đăng Phật, bao kiếp từng làm tiên nhân nhục,"* để hiểu rằng muốn thành Phật phải tu nhân tích lũy công đức. Đại sư Vĩnh-Gia cũng nói: *"Ta sớm từng qua bao kiếp tu, nào dám sai ngoa lời dối mị."*

Đại sư quả quyết với chúng ta rằng những điều nói ra trong "Chứng Đạo Ca" là để dẫn chúng ta *"Chứng thực tướng, không nhân pháp,"* đưa thẳng chúng ta vào pháp môn nhất thừa, tới chỗ ngộ đạo. Đại sư nói: *"Bằng đem lời vạy dối chúng sanh, tội rút lưỡi nguyền mang cùng kiếp."* Một tâm lượng Bò-tát, tự lợi lợi tha như vậy không lẽ chúng ta không thấy lòng rung động sao? Vậy còn chờ gì mà chúng ta không nghiên cứu, không đọc tụng?

Quốc Tế Dịch Kinh Học Viện

Đêm trước ngày lễ "Tám Phật," năm 1991

---o0o---

**Vĩnh Gia Đại Sư – Chứng Đạo Ca Thiển Thích**

**Hòa Thượng Tuyên Hóa**

**Thuyết Giảng tại Kim Luân Thánh Tự**

Tôi đến Los Angeles là muốn xem quý vị nghe kinh như thế nào? Quý vị học Phật pháp có tiến bộ và hiểu được gì không? Mặt khác, tôi cũng muốn coi thử hơn mười năm về trước tôi giảng kinh ra sao. Quý vị không nên có lòng chấp trước, bảo rằng Hòa thượng trụ trì về đây mà cũng không thuyết pháp cho chúng ta nghe; kỳ thực hằng ngày, tôi vẫn thuyết pháp cho quý vị đó! Ở

đây mỗi ngày đều có tiếng của máy ghi âm, qua các băng ghi âm để lại từ trước; lúc đó tôi còn trẻ, tinh thần tương đối sung mãn, giảng kinh còn hay hơn bây giờ nhiều. Nếu quả quý vị muốn nghe tôi giảng kinh, thì bất cứ thời khắc nào cũng có thể nghe được, chẳng cần phải đợi lúc tôi về đây mới có thể nghe kinh. Hồi đó, giọng tôi nói, ý nghĩa tôi giảng ra, so với ngày nay đều hay hơn. Chẳng qua, đây cũng do lòng tham của các vị, cứ muốn tôi giảng nữa. Hiện nay tôi gắng sức thu xếp để nghỉ ngơi, cho nên quý vị phải tự mình lo lấy, tự mình liệu cách để hoằng dương Phật pháp.

Bài Chứng Đạo Ca là do một vị tổ sư người Trung Hoa, tên là Huyền-Giác trước tác. Sư quê quán ở Vĩnh-Gia, một địa danh của Trung Quốc thuộc Ôn Châu (tỉnh Triết-Giang), huyện Vĩnh-Gia. Ôn-châu cũng như Phúc-châu, Ninh-ba, Quảng-đông, mỗi nơi đều có tiếng nói địa phương riêng, người ở vùng khác nghe rất khó hiểu. Cái đó là do tiếng nói ở Trung Quốc không thống nhất, giọng nói cũng như tiếng nói có sự khác biệt tùy theo từng vùng. Khi lên bốn tuổi, Sư đã được cha mẹ gởi vào chùa cho xuất gia, và sau này trở thành một người học rộng vô cùng. Số là, mới bốn tuổi đã xuất gia, nên nhà chùa phải kiếm người chuyên môn, đặc biệt dạy riêng cho Sư. Vì vậy mà căn bản học vấn của Sư rất vững vàng. Học đã rộng, lại dụng công tu tập nên Sư đã được khai ngộ. Ngộ rồi, Sư không giữ pháp riêng cho lợi ích của chính mình, nên đã viết thành bài ca chứng đạo khai thị mọi người, muốn cho tất cả được hiểu thấu và nhận thức đúng chánh pháp để tu hành.

Hồi đó, Sư nghe nói lời truyền **tâm ấn** (*Nhĩ đề diện mệnh, khẩu thọ tâm hội*, tức là "đối diện rỉ tai, lời trao tâm lãnh") của phái Tào-khê, tức Lục-tổ ở Chùa Nam Hoa, được truyền thừa y bát từ Phật Thích Ca, Sư bèn không quản ngàn dặm đường xa, tới kiếm Lục-tổ để cầu ấn chứng.

Sư tới Chùa Nam Hoa thì gặp Lục-tổ đương thuyết pháp. Sư đáp y, tay cầm tích trượng tiến lên pháp tòa, đi nhiều bên phải ba vòng, rồi đứng trước Lục-tổ, không cúi đầu đánh lễ mà quát lên một tiếng lớn. Tô hỏi:

–Người xuất gia gọi là Sa-môn phải có phép tắc, phải đủ ba trăm oai nghi, ba ngàn tế hạnh. Tại sao ông tới đây mà lại có thái độ thô lỗ như vậy, một chút lễ phép cũng không có?

Sư đáp:

–Sanh tử là việc lớn, vô thường quá mau.

Sư muốn nói rằng việc dụng công tu tập quá cấp bách, làm gì còn thời gian để làm lễ nữa? Làm gì còn thời gian để lo những điều tiểu tiết? Để nghiên cứu cái gì là ba trăm oai nghi, ba ngàn tế hạnh? Chẳng còn chuyện gì to lớn bằng chuyện sanh tử, quý vô thường đến bất chợt lúc nào không hay, vậy tôi còn thời gian nào để hành lễ nữa?

Tổ bèn nói:

–Sao chẳng thể giải cái không sanh và liễu ngộ cái không mau chóng?

Ý Tổ muốn nói rằng sao không nghiên cứu pháp vô sanh? Sao không minh bạch đạo lý của cái không mau? Sư thưa lại:

–Thê giải (tự tánh) tức là không sanh, liễu ngộ (tự tánh) rồi thì vốn không có mau chóng.

Ý Tổ nói rằng đừng nói tới nghiên cứu, bởi nghiên cứu không kiếm ra sanh tử, khi minh bạch rồi thì không có cái gì gọi là mau chậm, cũng không có cái vô thường.

Tổ bảo:

–Nếu ông đã nói rằng thê giải tức vô sanh, ngộ rồi thì vốn không có mau, vậy ai là kẻ phân biệt? Ý nói rằng ai là người có ý nghĩ phân biệt đó?

–Phân biệt cũng chẳng phải ý. Nghĩa là không có tâm niệm tại chỗ phân biệt.

Lúc đó, Lục-tổ bèn ấn chứng cho Đại sư Vĩnh-Gia:

–Đúng thê! Đúng thê!

Sư thấy Tổ đã ấn chứng cho mình, bèn dùng đầy đủ oai nghi lễ tạ Tổ, sau đó Sư xin cáo từ.

Tổ thấy Sư tới nơi chỉ nói mấy câu rồi ra đi, mới hỏi rằng:

–Sao lại ra đi quá mau như vậy?

Sư thưa:

–Vốn tự không động, há có mau ư? Sư muốn nói bôn lai không đến, không đi, thì có gì là mau chậm.

–Ông thiệt đã chứng được ý vô sanh.

–Vô sanh có ý sao?

–Không ý, cái gì phân biệt được?

–Phân biệt cũng không phải ý.

–Ông có thể liễu, nhưng không nên đi.

Lúc đó Sư biết rõ Lục-tổ quả đã ẩn chứng cho mình, nên Sư ở lại chùa Nam-hoa một đêm. Người đương thời gọi Sư là "Nhất-túc-giác" ngộ một đêm. Đó là công án về chuyện Đại sư Vĩnh-Gia gặp Lục-tổ và được Tổ ẩn chứng.

Đời sau có kẻ khoe tài học vẫn đưa ra giả thuyết rằng bài Chứng Đạo Ca là do Đại sư Hà-Trạch (Thần-Hội) trước tác. Chúng ta thấy cả hai vị Đại sư, Vĩnh-Gia và Hà-Trạch đều là những bậc cô đức, và chính các vị đó chẳng ai tự gán cho mình là tác giả của bài nọ hay bài kia. Xưa nay chẳng hề có điều gì tranh cãi về chuyện này, nay có người lại đặt thêm chuyện, hòng dối gạt người khác, đem cái của người này khoác vào cho người kia, làm thành một sự rối rắm. Thật ra, bài Chứng Đạo Ca là tác phẩm của Đại sư Vĩnh-Gia. Có điều, cổ nhân trước tác xong chẳng phải nhất thiết ghi lại tên mình, nên mới có người đời sau, bới lông tìm vết, cố ý sanh chuyện mà bảo là Đại sư Hà-Trạch đã trước tác.

Học vấn và đạo đức của Đại sư Vĩnh-Gia thì, vào thời đó ít có ai được như vậy. Trí huệ và biện tài của Ngài cũng ít người sánh kịp, do đó bài Chứng Đạo Ca do Sư trước tác thật là vô cùng đặc sắc vừa đơn giản, vừa sáng sủa, khiến cho người đời nay đọc lên cảm thấy tâm bồ đề dào dạt, và trí huệ cũng bừng sáng.

Tôi đến nước Mỹ, lần đầu giảng Kinh Kim Cang. Tôi không để lại bút ký hay ghi lại những lời chú giải. Lúc đó, đại chúng đều là người Trung-hoa, nên mọi người nghe giảng xong là đủ rồi. Tới khi giảng đến Tâm Kinh, cứ mỗi tuần lễ tôi giảng một câu, hai câu, hay ba câu, làm thành một đoạn. Tại mỗi đoạn tôi làm tám câu tụng kệ để giảng. Từ đó làm thành tập **"Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm Kinh Phi Trì tụng Giải."** Khi ấy, mỗi tuần lễ tôi giảng một lần, vì bình thời mọi người đều bận, không thể tới nghe được.

Trước tôi ở trong căn hầm, không có cửa sổ, chỉ có cửa ra vào, không khí thì ẩm thấp, thiếu ánh sáng mặt trời, ban đêm không nhìn thấy trăng sao. Tại

chỗ ấy tôi giảng kinh Kim Cang. Về sau, khi dọn tới đường Waverly thì tôi giảng Tâm Kinh, và tiếp theo đó tôi giảng Vĩnh-Gia Đại sư Chứng Đạo Ca (năm 1965). Tôi dùng thể văn ngôn (cổ văn) viết ra để giải thích, sau đó tôi giảng. Về sau, người ta in thành tập "**Vĩnh-Gia Đại sư Chứng Đạo Ca Thuyên Thích.**"

Quý vị như muốn biết những gì tôi đã giảng pháp năm xưa thì có thể đọc "Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm Kinh Phi Đài Tụng Giải" hoặc có thể nghiên cứu "Vĩnh-Gia Đại sư Chứng Đạo Ca Thuyên Thích."

Nói về bài Chứng Đạo Ca, khi tôi bắt tay vào nghiên cứu Phật pháp, tôi rất thích bài này. Tôi đọc đi đọc lại, đọc tới thuộc lòng. Cũng do sở thích đó, mà đây lần thứ ba, sau ngày tới đất Mỹ, tôi dùng bài ca để bố thí pháp, giảng giải cho mọi người nghe. Rất cần thiết cho bao nhiêu sinh viên, thanh niên tại đất Los Angeles này nghiên cứu về Chứng Đạo Ca.

Lần này, có người hỏi tôi có giảng kinh không? Những cuộn băng ghi âm khóa giảng ngày trước, không hiểu so với ngày nay tôi giảng kinh ra sao. Hồi xưa tinh thần còn sung mãn, thân thể không có đau yếu nhiều, giảng pháp có nghị lực, ý tưởng lại có nhiều phần sáng tạo nữa, nên lời pháp giảng ra không có chút gì là ủy mỵ, khiến người nghe phải chán nản buồn ngủ. Nay vì lẽ gì quý vị còn muốn tôi giảng kinh nữa? Có các băng ghi âm thay thế, giúp cho tôi yên ổn nghỉ ngơi, nhưng một số đệ tử không chịu buông tha, cứ thôi thúc tôi giảng. Hôm nay, ngồi trên pháp tòa, một linh cơ chợt tới, tôi nghĩ rằng giảng Vĩnh-Gia Chứng Đạo Ca cũng là tốt. Mọi người nghe xong đều biết xướng tụng bài ca, để người ta được nghe mà sớm khai ngộ.

**Đại sư:** Thế nào là đại sư? Đại, là do ý nghĩa giáo hóa chúng sanh, rộng khắp ba giới. Sư, tức là thầy của trời, người; lại còn nghĩa người nào lấy pháp làm thầy, hết mọi pháp đều tuân theo, coi pháp như một vị sư trưởng; hoặc lấy pháp để bố thí cho hết thảy chúng sanh. Đó là những ý nghĩa của chữ Sư. Đây là một thứ mẫu mực, khuôn phép, tiêu chuẩn, một cái gì để mọi người bắt chước, như vậy gọi là Sư.

Vị Đại sư này, mới bốn tuổi đã xuất gia, rồi sau đó từng giờ, từng khắc dụng công tu hành, tìm thầy học đạo, cho nên trong bài ca có ghi như sau:

Du giang hải, thiệp sơn xuyên

*Tâm sư phỏng đạo vị tu thiền*

*Tự tông nhận đắc Tào-khê lộ*

*Liễu tri sanh tử bất tương quan.*

Dịch nghĩa:

*Chơi biển cả, dạo rừng thiêng*

*Tìm thầy học lấy đạo tham thiền*

*Từ ngày rõ ngộ Tào Khê ấy*

*Mới hay sống chết chẳng tương can.*

"Du giang hải" nghĩa là đi các nơi tìm hỏi thiện tri thức; "thiệp sơn xuyên," tức leo trèo lặn lội khắp các núi cao sông lớn, tìm thầy kiếm bạn để học đạo - thỉnh giáo các thiện tri thức, những người sáng suốt để họ chỉ vẽ cho mình, cho nên nói: "tâm sư phỏng đạo vi tham thiền," một lòng hướng tới việc giải quyết vấn đề sanh tử, và chuyên học pháp môn tham thiền. "Tự tông nhận đắc Tào-khê lộ" là có ý nói từ ngày Sư hiểu thấu mục tiêu tối hậu của phái Tào-khê là truyền tâm ấn, Sư liền "liễu tri sanh tử bất tương quan," tức hiểu minh bạch vấn đề sanh tử và chẳng còn gì thắc mắc nữa.

**Chứng:** Chứng nghĩa là chứng đắc, và cũng có nghĩa là có sự chứng minh, chứng minh rằng *đạo* có thể chứng, có thể tu, có thể hành. Chứng cũng là ấn chứng, ý nói là chứng cứ (bằng chứng). Nói về ấn chứng, thì người tu đạo khi đã được khai ngộ, họ không thể tự mình ấn chứng cho mình, mà phải tìm sự ấn chứng nơi các cao tăng hay thiện tri thức lớn, để các vị này chứng minh cho. Họ không thể tự xưng mình đã khai ngộ, đã chứng quả; nếu họ làm vậy, thì tức là chưa chứng quả mà đã nói là chứng quả (vị chứng ngôn chứng, vị đắc ngôn đắc). Chưa có trí huệ chân chánh, mà tự cho là có, tức trong Phật giáo nói là phạm vào đại vọng ngữ, một tội bị rút lưỡi đọa địa ngục. Cũng vì lý do đó, người tu hành không thể tự mình xưng làm Tổ sư, mà phải có thiện tri thức đủ minh nhãn hay một Tổ sư đến ấn chứng, lúc bấy giờ mới có thể được tôn lên làm Tổ sư.

**Đạo:** Ông Hàn-Dũ rất hữu lý khi ông nói "do cái ấy mà đến gọi là đạo" (do thị nhi chí yên, thị vị đạo), từ chỗ này đi đến một chỗ khác là một đạo lộ (con đường). Nhưng cái ông nói đó là đạo lộ của người đi còn chúng ta thì nói về đạo lộ của người tu hành. Tu theo đạo lộ này thì thời tu ở bên trong, chẳng phải ở bên ngoài, cho nên nói: "*Phải thánh ở bên trong mới làm*

*vuông ở bên ngoài," cốt cách phải thông minh, độc trí, có trí huệ của thánh nhân, thì ra ngoài mới có thể giáo hóa chúng sanh được.*

Ở Trung-hoa có Thương-Hiệt là người đặt ra chữ. Thương-Hiệt là một Bô-tát tái sanh. Làm sao ông lại biết đặt chữ? Bởi ông có thiên nhãn thông, cho nên khi ông đặt ra chữ, một số lớn dùng lối tượng hình. Tượng hình nghĩa là chữ giống như hình. Lấy thí dụ chữ Đạo (?) chẳng hạn ở trên có hai chấm, một nét chấm tượng trưng cho âm, một nét chấm cho dương. Nếu hai nét này là một nét phết (?) và một nét móc (?) thì sẽ tạo thành chữ nhân (?); nếu cũng hai nét phết và móc rời nhau thì đó là chữ bát (?); nếu nét phết ngắn hơn một chút, còn nét móc dài thêm một chút thì biến thành chữ nhập (?). Như vậy là chỉ hai chấm trên đầu chữ "đạo" mà có bao nhiêu sự biến hóa! Nay hai chấm trên đầu chữ "đạo" tượng trưng cho âm dương, cũng tượng trưng cho chữ "nhân," chữ "nhân" tách ra làm một âm một dương, ở dưới hai chấm lại có một vạch ngang là chữ "nhất" (?). Cái gì làm thành chữ "nhất" vậy? Tự nhiên mà có chữ "nhất" sao? Chữ "nhất" (?) là do số không mà sanh ra. Số không bị cắt rồi đem kéo thẳng ra thì có chữ "nhất." Ta cũng có thể nói hai chấm trên đầu chữ "đạo" là do số không bị cắt thành hai khúc, biến thành một âm, một dương. Chữ "nhất" bao gồm cả âm dương, do số không biến thành, sau đó lại thêm chữ "tự" (?), ý nói tu đạo là phải do tự mình. Phối hợp lại với hai chấm và nét ngang ở trên, ta sẽ có chữ "thủ" (?), thủ tức là cái gì lớn nhất trong đời sống. "Thủ" là chỉ cái đầu, và cũng như cái đầu vậy, việc trọng yếu nhất là liễu sanh thoát tử ở ngay nơi mình, chớ không phải hướng ngoại tìm cầu mà được, cho nên chính mình phải tự tu tập; bên cạnh chữ "thủ" lại thêm chữ "tẩu" (?) mới thành đủ nét của chữ "đạo." Đạo là phải tu hành, tu là phải hành – phải thực hành, cho nên mới có chữ "tẩu" ở bên cạnh. Đó là đại khái về ý nghĩa của chữ "Đạo".

Hai chấm trên đầu chữ "đạo" biểu hiện âm dương, cũng biểu hiện hai mắt của con người, hai tai, hoặc hai lỗ mũi, đại lược tượng trưng như vậy. Mắt, tai, mũi, bất luận bộ phận nào, đều nằm trên cơ thể, cho nên không thể tìm kiếm cái ở bên ngoài để dụng công, mà công phu là phải thực hiện ở bên trong. Bởi vậy đạo tức ở ngoài là đạo hữu hình, bên trong là đạo vô hình; đạo hữu hình là đạo của sanh tử, đạo vô hình là đạo của liễu sanh thoát tử. Đại sư Vĩnh-Gia làm bài Chứng Đạo Ca là nói về đạo dứt sanh tử, đó là đạo mà trong tự tánh mỗi cá nhân phải noi theo mà tu.

**Ca:** Ca là xướng ca. Trong bài Chứng Đạo Ca, Sư không dùng thể thơ, văn xuôi, hay thể phú, thể từ, mà dùng thể *ca*, để người ta có thể xướng hát. Hát



để làm gì? Để có thể rèn nặn tâm tính, trí huệ nảy sanh, từ cái nọ lan sang cái kia, có thể nhân lời ca giọng hát mà ngộ đạo, đó là ý của Sư khi trước tác.

Bồn lai của thiền tông là nói tướng mà lia ngôn từ, chẳng có gì để nói; lia tâm duyên tướng, tâm tướng chẳng tới được; lia các tướng văn tự, chẳng có văn tự để tả. Nếu đã như vậy thì có sao Đại sư Vĩnh-Gia từ chỗ chẳng có chuyện gì bày đặt chuyện, viết thành bài ca chứng đạo? Vậy chẳng phải là thừa thãi hay sao? Không phải đâu! Sư biết rõ thiền tông là lia lời mà nói tướng, lia tâm duyên tướng, lia tướng văn tự, quét sạch mọi pháp, lia hết mọi tướng, một pháp chẳng lập, nhưng sư vẫn phải dùng lời ca ngôn ngữ để biểu dương đạo lý, đặng tiếp dẫn những người chưa hiểu, khiến họ thấy hứng khởi trong câu ca, cũng như ta thường nói đưa ra cái xấu thì có cái tốt, vị đắng mà thuốc lành. Bởi vậy không cần nói mà sư nói, không cần viết ra mà lại viết thành bài ca, ý của Sư là chỉ cốt thúc đẩy mọi người phát khởi bồ đề tâm.

Nguyên trong việc tu hành là không có gì để nói năng cả, nhưng sao lại có ca ở đây? Mà đã không có ca lại bảo giải thích ca, thuyên thích lời ca là nghĩa làm sao? Há chẳng phải là quá bày đặt hay sao? Có điều tôi thấy Đại sư Vĩnh-Gia chẳng ngại phiền hà, ráng tìm cách tiếp dẫn chúng sanh, nên tôi cũng muốn noi theo mà chẳng tự lượng sức mình, chẳng kể cái vốn học hỏi quê mùa và ít ỏi của mình, rườm rà đem ra một chút kiến thức nông cạn để chú thích bài ca lấy tên là "Vĩnh-Gia Đại sư Chứng Đạo Ca Thiển Thích."

Bài này đem ca lên khiến mọi người cảm thấy như được khai ngộ, đọc thì thuận miệng, dễ thuộc. Lần đầu tiên tôi bắt được bài này, trong lòng vui mừng vô tả, bỏ ngủ mà không mệt, bỏ ăn mà không đói, cho đến áo quần cũng chẳng cần tới nữa, cứ như vậy ngày ngày ca nó, tụng nó, cho tới thuộc lòng nó lúc nào không hay. Có điều tôi không hiểu sau khi nghe tôi giảng bài này, có vị nào cảm thấy mình cũng cao hứng giống như tôi chẳng? Lần tôi giảng Chứng Đạo Ca ở San Francisco, tôi không thấy ai đặc biệt chú ý tới nó như vậy, chẳng có ai quan thiết tới nó đến nỗi quên ăn, quên ngủ. Mới hay rằng, căn tánh mỗi người chẳng giống nhau, có người thích bộ kinh này, có người ưa bộ kinh khác, người thì bảo kinh này hay, kẻ thì nói kinh kia không hay. Thật ra đó là những quan niệm sai lầm. Trong các kinh Phật nói ra, chẳng thể nói kinh này hay, kinh kia không hay. Pháp nào Phật nói ra cũng đều là hàng đầu, cũng đều là "vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ" cả.

Nếu như chúng ta đem cái tâm cầu pháp thế gian để cầu Phật pháp, bắt tất phải đem hết cái tâm đó ra, chỉ cần có một nửa sự thành tâm đó là đủ lắm rồi! Quý vị thấy người thế gian cầu danh cầu lợi, ngày ngày tính toán làm sao để có danh, có lợi, thân được cả hai, làm sao cho mình được nổi bật, cho mọi người tin tưởng. Tài, sắc, danh, thực, thù (tài, sắc, danh, ăn, ngủ), các pháp thế gian, ai cũng hết lòng cầu mong. Nếu chúng ta cũng cầu pháp xuất thế gian với một tâm vui sướng cùng cực như vậy, lúc nào cũng canh cánh bên lòng, thì có lo chi chẳng thành đạo nghiệp? Chẳng thành Phật? Chỉ vì, mọi người đối với ngũ dục, tài, sắc, danh, thực, thù, thì đều tích cực, nhưng đối với chuyện tu hành, lại không có được sự khẩn thiết đó, không có lòng kiên thành như vậy. Tuy cũng lễ Phật, tụng kinh, nghe kinh, nhưng nói chung không có lòng sốt sắng, như họ đã dành cho các vấn đề ngũ dục, tài, sắc, danh, thực, thù của pháp thế gian, cho nên tôi mới nói rằng một phần nửa của tâm cầu pháp thế gian để cầu Phật pháp cũng là hay lắm rồi! Quý vị nghĩ lại mà coi, trong số mọi người ngày nay đi làm, chỉ có quý vị làm ở Vạn Phật là không kể công, họ làm trong tinh thần hy sinh để phục vụ Phật pháp. Thử hỏi, người đời có ai đi làm trong tinh thần đó? Nếu như cầu pháp xuất thế mà có được một nửa tinh thần như vậy, thì lợi lạc biết chừng nào! Tôi cứ thấy tâm trạng đó của người thế gian mà trong lòng không ngăn được sự cảm thán!

**Thiền Thích:** Nghĩa là làm cho hiển lộ, làm cho ý nghĩa được sáng tỏ, khiến mọi người dễ hiểu. Chẳng phải những gì có tính cách cao siêu, thâm áo. Có thể gọi đây chỉ là những lời lẽ của một kẻ có kiến thức hẹp hòi - như nhìn bầu trời xuyên qua một cái ống, hay lấy vỏ sò để đong biển cả - để mong giảng giải "Chứng Đạo Ca."

"Chứng Đạo Ca" nói lên phương pháp tu hành. Nếu chúng ta hiểu thấu phương pháp đó, quen thuộc với nó, thì cũng có thể chứng đạo. Theo cách phân loại của tông Thiên-thai thì bài ca này thuộc loại "*nhân pháp lập đề*," dùng người và pháp đặt tên vì Vĩnh-Gia là tác giả, là nhân, chứng đạo ca là pháp, lấy pháp mà chứng đạo.

Đại sư Vĩnh-Gia, bốn tuổi xuất gia, học đủ ba tạng kinh, luật, luận, đối với Thiên-thai giáo thì nghiên cứu sâu rộng. Sư thuộc họ Đái. Có thể nói Sư chưa hề bị nhiễm thế duyên, chưa từng va chạm trong xã hội, nên cốt cách tinh thuần, vô nhiễm, cho nên trong bài ca Sư trước tác, lời lẽ chân thực, từng chữ bày ra như châu ngọc, không giống như cách lái nhải chú thích của

người ta. Bởi Sư không bị nhiễm, nên lời ca của Sư mới thuần khiết và thanh tịnh như vậy.

"Chứng Đạo Ca" vừa sáng sửa lại thâm áo, văn từ cũng không thấy có chỗ nào là khó hiểu, vậy mà ý nghĩa thật là vô cùng ảo diệu, biểu lộ Phật pháp thật đầy đủ. Trước khi giảng "Chứng Đạo Ca" ngày 7 tháng 12 năm 1965, tôi có làm mười bốn câu tụng kệ, phát nguyện dốc một lòng chí thành khẩn thiết để giải thích lời ca của bài này:

*Tuyên-Hóa thanh tịnh thân, khẩu, ý*

*Quy mạng danh lễ Phật, Pháp, Tăng*

*Nãi chí thập phương tam thế Phật*

*Quá khứ hiện tại vị lai trung*

*Chư tôn Bồ-tát ma-ha-tát*

*Tây phương Đông độ lịch đại Tổ*

*Cổ vãng kim lai Hiền Thánh đấng*

*Duy nguyện Tam Bảo thù gia hộ*

*Khải ngã chánh giác chuyển pháp luân*

*Kiến văn tinh tấn chứng bất thoái*

*Đạo giá từ hàng cứu đồng luân*

*Nhất thiết chúng sanh giai diệt độ*

*Hoàn ngã bốn lai Pháp tánh thân*

*Cận kiến Uy-âm cổ từ thân.*

**Tuyên Hóa thanh tịnh thân khẩu ý:** Nghiệp của chúng ta đều do thân khẩu ý tạo ra. Thân không thanh tịnh, dễ tạo nghiệp, khẩu và ý không thanh tịnh, dễ tạo nghiệp. Thân nghiệp dễ phạm là giết hại, trộm cắp, và tà dâm (sát, đạo, dâm). Ý nghiệp thì có tham, sân, si, như bình thường chúng ta nghĩ tới chuyện thị phi, nghe chuyện thị phi, làm chuyện thị phi, đó đều thuộc tham,

sân, si. Bởi vậy, chỗ có thị phi, tuyệt đối chớ có gần, chuyện tà vạy, tuyệt đối chớ có hỏi, nếu ta hỏi liền bị nghiệp chướng thanh tịnh lôi cuốn, bởi có câu: "khẩu khai thần khí tán, thiết động thị phi sanh," nghĩa là mở miệng thì thần khí hao tán, lưỡi động thì thị phi sanh.

Trời đất phú cho ta thân thể, tánh linh, là muốn chúng ta sử dụng một cách chánh đáng, chớ không bảo chúng ta lạm dụng để làm những chuyện phi pháp. Người học Phật là phải hồi quang phản chiếu, ngày ngày xét mình xem mình đã cư xử ra sao, có làm cái gì để tranh danh danh lợi, có tranh đua cho nổi bật, có tranh quyền đoạt lợi hay không? Nếu quả có điều đó thì thật không xứng đáng là tín đồ Phật giáo; tín đồ Phật giáo là phải khiêm cung, chẳng tranh, chẳng tham, chẳng cầu, chẳng tự tư, chẳng tự lợi, không nói dối, và nếu theo đúng được sáu tông chỉ lớn này, lúc đó mới có thể gọi là tín đồ chân chánh, ý nghiệp mới gọi là thanh tịnh.

Khẩu thì có bốn nghiệp: nói thêu dệt, nói không thật, nói lời ác, nói lưỡi hai chiều.

Nói lời thêu dệt thì đại khái như kể những chuyện trai gái dâm ô, khiến mọi người tưởng đến những chuyện xấu; hoặc giả nhằm kể những điều tổn hại danh dự của Phật giáo, khiến người khác có ấn tượng xấu về Phật giáo, chẳng hạn như nói theo kiểu này: "Quý vị thấy đó! Hẳn tu học mấy năm rồi mà thái độ còn hung hăng như vậy, học Phật cái gì!" Chúng ta ngày ngày tu học Phật pháp, nếu chẳng chịu một phen dụng công phu, chính là có lỗi với Phật pháp, nên phải tự mình trách cứ chính mình, phải trị cho được cái tâm cống cao ngã mạn của mình, cũng như lòng ghen ghét đố kỵ, các loại chứng tật đó. Trong Phật giáo, đây là những chướng ngại rất lớn, giam hãm người tu không vượt được ra ngoài tam giới. Bởi vậy ba nghiệp thân, khẩu, ý là trọng yếu vô cùng.

Nói không thật, hay vọng ngữ, là điều mọi người dễ phạm phải. Nhiều khi nói không đúng sự thật, nói lời dối ngụy mà vô tình không hay biết.

Nói lời ác, là dùng lời thô lỗ mắng người khác, chọn những câu thật tục tĩu khó nghe, hay những lời độc địa, như vậy gọi là ác khẩu.

Nói lưỡi hai chiều, cũng như kẻ mang hai bộ mặt, trước mặt ông A thì nói xấu ông B, trước mặt ông B thì nói xấu ông A, gây mâu thuẫn giữa hai người, làm cho họ xích mích với nhau như nước với lửa, trong khi ấy mình thì đứng ở ngoài bàng quan xem hai bên kinh địch nhau, ngêu cò tranh chấp cho ngư ông thủ lợi.

Bởi vậy, trước khi đi vào phần giảng kinh, tôi cố gắng thanh tịnh mọi tập khí, khiến cho thân được thanh tịnh, khẩu được thanh tịnh, ý được thanh tịnh. Đó là ý của câu: "Tuyên-hóa thanh tịnh thân khẩu ý."

***Quy mạng đánh lễ Phật, Pháp, Tăng:*** Tôi xin nhất tâm quy mạng Tam Bảo, Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.

***Nãi chí thập phương Tam thế Phật, Quá khứ hiện tại vị lai trung:*** Tức là, chiều rộng trải ra cùng hết mười phương thế giới; chiều sâu, thì suốt dọc ba đời, quá khứ, hiện tại, vị lai, ba đời Phật, tôi thấy đều quy kính.

***Chư Tôn Bồ-tát ma-ha-tát:*** Các vị đại Bồ-tát trong hết thấy các Bồ-tát, tôi đều hướng tới để quy mạng đánh lễ.

***Tây phương đông độ lịch đại Tổ:*** Đây là kể thế các đời Tổ sư ở Tây-trúc và ở Đông-độ.

***Cổ vãng kim lai Hiền Thánh đấng:*** Các vị Thánh Hiền từ xưa đến nay, giống như những ngọn đuốc sáng chiếu rọi.

***Duy nguyện Tam Bảo thù gia hộ:*** Trước khi chú giải "Chứng Đạo Ca," tôi xin hết lòng chí thành nguyện cầu Tam Bảo, vô tận Pháp, Tăng, thường trú trong ba đời, khắp tận hư không, cùng khắp pháp giới, gia hộ cho tôi được đầy đủ trí huệ đặng có thể giảng giải "Chứng Đạo Ca."

***Khải ngộ chánh giác chuyển pháp luân:*** Khai mở cho tôi có được chánh tri, chánh giác, đặng tôi thấu tỏ đạo lý của "Chứng Đạo Ca."

***Kiến văn tinh tấn chứng bất thoái:*** Khiến cho người nào thấy "Chứng Đạo Ca," được nghe "Chứng Đạo Ca," hoặc thấy "Vĩnh-Gia Đại sư Chứng Đạo Ca Thiên Thích," liền được dũng mãnh tinh tấn, y pháp mà tu hành, chứng được niệm bất thoái, vị bất thoái, hạnh bất thoái, ba điều bất thoái.

***Đảo giá từ hàng cứu đồng luân:*** Quay ngược cỗ thuyền từ bi trở về cõi Sa-bà để cứu chúng sanh hữu tình khỏi cảnh khổ nạn.

***Nhất thiết chúng sanh giai diệt độ:*** Khiến hết thấy chúng sanh đều được diệt độ; lìa khổ, được hạnh phúc, chứng được Niết-bàn diệu tâm.

***Hoàn ngã bản lai Pháp tánh thân:*** Trở về gốc nguồn, khôi phục lại gốc Pháp thân Phật của mình.

**Cận kiến Uy-âm cổ từ thân:** Khiến chúng ta, tất cả mọi người được triều bái đức Phật cổ sơ nhất là Phật Uy-âm Vương, người cha từ bi cổ sơ nhất của hết thảy chúng sanh.

---o0o---

*Quân bất kiến,*

*Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân*

*Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân*

*Vô minh thực tánh tức Phật tánh*

*Ảo hóa không thân tức Pháp thân.*

Dịch:

*Anh thấy chăng:*

*Dứt học vô vi, ấy đạo nhân,*

*Không trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân?*

*Tánh thực vô minh tức Phật tánh,*

*Thân không ảo hóa tức Pháp thân.*

**Quân bất kiến:** Ở đây dùng chữ **quân** để chỉ người đối thoại, một lời xưng hô lịch sự, cũng giống như "tiên sinh," Trương tiên sinh, Lý tiên sinh. **Bất kiến** là có ý hỏi quý vị có thấy hay không? Đây là một lời ước hỏi. Thấy hay không thấy chuyện gì đây?

**Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân:** **Tuyệt học** có thể giảng là vô học, nghĩa là chứng được quả vị vô học. Sơ quả, nhị quả, tam quả, ba quả vị thánh này đều là những quả vị hữu học, tức còn phải tu học. Quả vị thứ tư là quả A-la-hán, mới là quả vị vô học.

Tuyệt học có chữ **tuyệt** nghĩa là đoạn tuyệt, dứt bỏ con đường học tập. Vì sao dứt bỏ? Vì đã chứng được trí huệ **vô vi**, chẳng làm mà chẳng có gì là không làm. Trông bên ngoài thì vị đó không có chuyện gì làm cả, nhưng thực ra ở bên trong vị đó đang chuyển bánh xe pháp, giáo hóa chúng sanh.

Chẳng qua vị này không chấp trước vào hình tướng, không muốn lưu vết tích khiến người hay biết, không muốn người đời ca tụng. **Nhàn đạo nhân** vì trông bề ngoài là thanh nhàn, vô sự, tự tại như người chẳng vướng bận việc gì. **Nhàn** là nhàn nhã; vị đó nhàn thật, nhưng là bậc đạt đạo (**đạo nhân**). **Đạo**, vị đó đã đạt đạo, chẳng phải đang tu đạo. Vậy vị đó đắc đạo gì? Chính là pháp môn tâm ấn của chư Phật, pháp môn mà "đại nhi vô ngoại, tiểu nhi vô nội," lớn đến độ chẳng gì lớn hơn, nhỏ chẳng gì nhỏ bằng. Vì vậy, vị này mới tự tại. Nhàn đạo nhân hàm ý vừa tự tại, vừa vui sướng, gồm đủ hai nghĩa bình an và tịch tĩnh. Nhìn vị đó ta thấy dường như vô sự, chẳng vội vàng áy náy, cũng chẳng ưu tư phiền não. Lúc nào cũng khoan thai, ung dung, phiêu nhiên tự tại, thật là:

*Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại*

*Tứ nhập phong vân biến thái trung.*

Dịch là:

*Đạo thông trời đất hiện ra mặt,*

*Trí nhập mây gió, tỏa hành vi.*

*Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại*, chính là nghĩa của "lớn đến độ chẳng gì ngoài nó" - vừa nói ở trên – *tứ nhập phong vân biến thái trung*, chính là "nhỏ đến độ không gì nhỏ hơn." Cảnh giới này chẳng phải là chỗ mà chúng ta, những kẻ phàm phu tục tử có thể thấu đạt. Đó là cảnh giới của **nhàn đạo nhân**. Ý nghĩa này cũng có thể nói lên như sau:

*Vạn vật tinh quán giai tự đắc*

*Tứ thời giai hưng dữ nhân đồng.*

*Vạn vật tinh quán giai tự đắc* nghĩa là vạn vật biểu hiện, có cái tinh, có cái thô, vị đó nhìn thấy rõ ràng, một cách tự nhiên, chẳng gì không thấu suốt mà chẳng cần suy nghĩ mới hiểu. *Tứ thời giai hưng dữ nhân đồng*, nghĩa là trong suốt bốn mùa, xuân, hạ, thu, đông, vị đó hòa điệu với mọi người, chẳng chút khác biệt; do đó vị đó là **nhàn đạo nhân**.

**Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân:** Bởi vì một khi vị ấy đã đắc đạo, thì đâu còn vọng tưởng để tiêu trừ, cũng sao có chân để chứng đắc. Vọng hết, chân hiện, do đó khỏi phải trừ diệt vọng tưởng, chớ không phải còn vọng tưởng

mà không chịu trừ khử. Chẳng có chân để cầu chúng đắc, bởi đã chứng đắc tới chỗ cực điểm rồi, nên chẳng còn phải mong cầu cái chân.

**Vô minh thực tánh tức Phật tánh:** Trước khi chứng đạo thì vị đó cũng như mọi người trong chúng ta, cũng vô minh, đầy phiền não, nhưng nay thì vị đó đã hiển lộ Phật tánh, đã trở về cội nguồn, bỏ mê về giác, dứt tuyệt vấn đề căn bản sanh tử. Do đó thực tánh vô minh đã chuyển thành Phật tánh.

**Ảo hóa không thân tức pháp thân:** Trước thì thân thể này là hư huyễn, nay thì chứng đắc lý thể của Pháp thân.

*Pháp thân giác liễu vô nhất vật,*

*Bổn nguyên tự tánh thiên chân Phật.*

*Ngũ uẩn phù vân không khứ lai,*

*Tam độc thủy bào hư xuất một.*

Dịch:

*Pháp thân giác rồi không một vật*

*Bổn nguồn tự tánh thiên chân Phật.*

*Năm ám ảo hư: mây lại qua,*

*Ba độc huyễn hoặc: bọt còn mất.*

**Pháp thân giác liễu vô nhất vật:** Pháp thân là gì? Đó là thực tướng, song vô hình, vô tướng. Giác nghĩa là sáng tỏ. Vô nhất vật, vì là vị đó chẳng chấp trước gì cả. Chẳng có cảnh giới nào làm vị đó mê muội, nên nói một vật cũng chẳng có.

**Bổn nguyên tự tánh thiên chân Phật:** Vị này đã chứng được cảnh giới nào? Đã đạt được trình độ nào? Chính là đạt được cái căn bản, cái nguồn gốc, tức là Phật tánh. Vì vậy, bổn nguyên tự tánh chính là Phật tánh sẵn có trong ta. Thiên chân Phật là chỉ Phật bản hữu sẵn có. Do đó, vị ấy mới là nhân đạo nhân dứt học và vô vi.

**Ngũ uẩn phù vân không khứ lai:** Ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, còn gọi là ngũ cái, hay ngũ ám. Tại sao gọi là ngũ uẩn? Uẩn nghĩa là tích



chứa lại. Tại sao gọi là ngũ cái? Bởi vì nó che khuất tự tánh không để cho tự tánh hiển lộ sáng sủa (chữ cái nghĩa là che lấp). Tại sao gọi là ngũ âm? Bởi nó thuộc âm, có tính cách ẩn sâu, dấu kín. Sắc là chỉ tất cả những gì có hình; thọ, tức là thọ lãnh; tưởng, nghĩa là suy tưởng; hành, có nghĩa là niệm niệm nối tiếp không ngưng nghỉ, niệm niệm lưu hành; thức; nghĩa là phân biệt, nhận thức rõ. Năm uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cái nào cũng che lấp tự tánh của chúng ta, và ánh sáng tự tánh bị che, do đó trí huệ của chúng ta cũng bị lu mờ. Năm loại uẩn đó thật là lợi hại vô cùng, cho nên trong tám loại khổ thì có một khổ thuộc về ngũ âm (ngũ âm xí thịnh khổ). Người ta ví nó như ngọn lửa, thiêu đốt con người, đốt chết cả tự tánh. Tuy nhiên, thể tánh của nó là hư huyền, cho nên nói "ngũ âm phù vân không khứ lai," tức như mây nổi, bay qua bay lại trên không trung, chẳng có thể chất thực hữu.

Thí dụ về năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen chẳng hạn. Chúng chỉ là màu sắc mà không có thực thể, chúng phải dựa vào vật chất để hiện ra từng màu, còn chính chúng chẳng có gì là thực. Nói cho rõ hơn, sắc - trong ngũ uẩn - tự thể là những vi trần, tức là những hạt bụi nhỏ kết hợp lại mà thành. Biết bao nhiêu bụi nhỏ đó tụ tập lại mới có thể hiện ra thành hình tướng để chúng ta trông thấy! Nếu những hạt bụi mà đứng riêng rẽ, chúng ta nhận ra chúng chẳng phải là điều dễ dàng. Năm màu cùng tụ tập lại, ta thấy được rõ ràng là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; nhưng nếu riêng biệt từng màu một, ta sẽ không thấy rõ; chỉ một màu vàng, to cỡ bằng hạt bụi, ta không nhận ra, các màu khác như đỏ, trắng, đen, đứng riêng biệt thì cũng như vậy. Ngược lại nếu chúng tụ hội với nhau, chúng sẽ hiển hiện rõ; ngũ uẩn cũng đồng một ý nghĩa như vậy.

Thọ, nghĩa là lãnh thọ; bởi có sắc nên mới có sự lãnh thọ; có lãnh thọ, nên mới có tưởng; tưởng, thì mang ý nghĩa nhanh chóng, ví như con ngựa chạy lung tung, vọng tưởng thì đi cùng khắp thiên địa; hành có nghĩa là hành động, là di chuyển; thức, chính là sự phân biệt. Cả năm uẩn này đều chẳng có thực thể, bên trong chẳng có gì là chân thực. Cho nên ngũ uẩn có thể ví như đám mây nổi trôi trên bầu trời, như màn sương, phút chốc tụ lại, phút chốc tan đi, tụ lại thành hình, tan đi thì mất dạng, tụ lại thời có, tan đi thời không, ở trong hư không tự do qua lại, muốn nắm bắt lấy cũng không bắt được.

**Tam độc thủy bào hư xuất một:** Tam độc là tham, sân, si. Ba thứ này gọi là độc, vì chúng đầu độc chúng ta, khiến cho huệ mạng pháp thân bị hôn mê bất tỉnh.

Tham, là lòng tham, lòng tham vô đáy, rất khó hàng phục, nhất là tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ. Hãy nghĩ lại coi, nếu quý vị không tham tài, thì lại tham sắc; quý vị chẳng tham sắc thì lại tham danh; nếu tài, sắc, danh chẳng tham, thì lại vướng phải tánh tham ăn, thích ăn cho ngon; ăn chẳng ham nhưng bỏ ngủ thì chẳng được. Kẻ ham ngủ thì khi ngủ chẳng còn ham thứ gì khác. Giả thử tặng cho y cả triệu đồng, bảo y tỉnh dậy, y vẫn không tin. Có sao vậy? Y đương trong cơn mê ngủ! Chẳng phải sự thật, nên y lại ngủ nữa. Bất luận chuyện gì xảy ra cũng không lay nổi người ngủ say. Người tu Phật không nên ngủ nhiều. Thí dụ như bảo tới đạo tràng để lễ Phật, thì lại nói rằng tôi ngủ chưa đủ giấc; bảo lên khóa tụng buổi sáng, thì lại nói mắt tôi không mở được, làm sao có thể tụng kinh? Vậy là ham ngủ, bỏ ngủ không nổi, đó chính là tham.

Sân, do lòng tham ngũ dục không toại nguyện mà sanh ra, hoặc bị người khác tranh của mình mà sanh tâm tức giận.

Si, như người có tâm sân hận, không có gì là không dám làm, nên hành động một cách ngu si. Bởi lý do đó nên tham, sân, si gọi là ba độc.

Ba yếu tố này đã đầu độc huệ mạng pháp thân khiến chúng ta không được giác ngộ. Tuy nhiên dầu ba độc lợi hại như vậy, chúng cũng chỉ là những bọt nổi trên mặt nước, tự sanh ra rồi tự diệt, nếu chúng ta không để cho chúng lôi cuốn theo, chúng cũng không có cách gì để hại ta được. Chúng chỉ là bọt nước, hiện ra thành hình không có thực chất, cũng giống như mây mù che lấp, bởi vậy mới nói ba độc giống như bọt nước hư huyền, khi còn khi mất, sanh ra rồi diệt.

*Chứng thật tướng, vô nhân pháp,*

*Sát-na diệt khước a-tỳ nghiệp.*

*Nhược tương vọng ngữ cuồng chúng sanh,*

*Tự chiêu bạt thiệt trần sa kiếp.*

Dịch:

*Chứng thực tướng, không nhân pháp,*

*Sát-na rũ sạch a-tỳ nghiệp.*

*Nếu đem lời vọng dối chúng sanh,*

*Kiếp như cát bụi nguyên lười rút.*

**Chứng thực tướng, vô nhân pháp:** Khi chúng được thực tướng lý thể thì không còn nhân, không còn pháp, ý niệm về nhân và pháp đều mất; sự chấp trước về pháp phá tan, chấp về người cũng không còn. Chấp về người đã không có, thì các ý niệm về phải trái của người với ta cũng không còn nữa, lúc đó sẽ không còn nói theo kiểu này: "Tôi hiểu pháp, ông không hiểu"; những ý tưởng ngạo mạn coi thường mọi người đều không còn nữa, do đó mới nói "vô nhân pháp."

**Sát-na diệt tận a-tỳ nghiệp:** Nên nhớ chữ "nghiệp" cùng một vần với chữ "pháp" (ở câu trên). Sát-na chỉ một khoảng thời gian rất ngắn. Chỉ trong một sát-na là diệt hết cái nghiệp của địa ngục vô gián. A-tỳ là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung-hoa là địa ngục vô gián - một loại địa ngục không có không gian, một người nằm lên giường ngục cũng chặt, bao nhiêu nằm lên cũng chặt; còn thời gian thì không gián đoạn, triền miên chịu khổ. Có năm loại địa ngục vô gián, được ghi rõ trong kinh Địa Tạng, mọi người có thể tra cứu. Nói một cách khác, trong khoảng một thời gian hết sức ngắn ngủi mọi nghiệp tội của địa ngục vô gián đều được tiêu trừ. Sợ nói như vậy mọi người có thể không tin, cho là bịa đặt nên Đại sư Vĩnh-Gia mới phát lời thề như sau:

**Nhược tương vọng ngữ cuồng chúng sanh:** Nếu tôi đem những lời dối nguy để gạt chúng sanh, thì:

**Tự chiêu bạt thiết trần sa kiếp:** "Tôi xin nguyện gặp quả báo, vào địa ngục rút lười để chịu tội, trải qua các đại kiếp nhiều như số cát trên sông Hằng. Lời tôi nói đây là chân, là thiết, chẳng phải lời dối gạt chúng sanh, cho nên các vị đừng có nghi ngờ."

Đại sư Vĩnh-Gia biết rằng chúng ta đa nghi thiếu lòng tin nên mới dùng những lời lẽ khẩn thiết, phát ra những lời thệ nguyện nặng sâu để dẫn dò, tăng trưởng lòng tin của chúng ta. Quý vị thử nghĩ coi chư Tổ sư từ trước tới nay thường hết lòng quan tâm chúng ta, cũng như tất cả mọi chúng sanh, một lòng mong mỗi mọi người sớm quay về bờ giác. Tấm lòng ân cần gắn bó như thế, xin mọi người chớ phụ lòng, chớ mãi miết ra đi quên bẵng về nhà. Hiện nay chúng ta đang trôi nổi trong chốn Sa-bà, chẳng phải là quê hương thực của mình. Do đó ta nên mau mau trở về quê cũ, làm bạn lữ với chư Phật và Bồ-tát. Hết thầy mười phương chư Phật, Bồ-tát cùng các vị lịch

đại Tổ sư hiên nay đương chờ đợi chúng ta, chẳng khác gì cha mẹ trông ngóng con cái về nhà.

Ngài Vĩnh-Gia bảo chúng ta đừng hoài nghi, nhưng sao trong lòng chúng ta cứ thấy ngờ vực!

Làm sao "chúng thực tướng, vô nhân pháp" mà có thể diệt hết cả tội nghiệp từ vô lượng kiếp, nhiều như số cát bụi? Làm sao tiêu trừ được hết tội nghiệp của địa ngục a-tỳ? Quá dễ vậy sao? Có lý nào lại như thế? Chẳng thể tin nổi!

Chúng được thực tướng lý thể giống như người vừa tắm gội xong nên những lớp dơ bẩn trong người được gội rửa hết. Lớp dơ bẩn coi như nghiệp tội của địa ngục a-tỳ, nay đã được gội rửa thì đâu còn nữa. Đó là ý nghĩa mà Đại sư Thân-tú nói trong bài kệ:

*Thân thị bồ-đề thụ*

*Tâm như minh kính đài*

*Thời thời cần phát thức*

*Vật xử nhạ trần ai.*

Nghĩa là:

*Thân là cây bồ-đề,*

*Tâm là đài gương sáng,*

*Ngày ngày chuyên cần lau,*

*Chớ để vương bụi dơ.*

Ý rằng chúng ta phải chùi rửa thì mới sạch sẽ. Nhưng chưa phải là lời người đã triệt ngộ.

*Lục tổ nói kệ rằng:*

*Bồ-đề bốn vô thụ,*

*Minh kính diệc phi đài,*

*Bỏ lai vô nhất vật,*

*Hà xử nhạ trần ai?*

Nghĩa là:

*Bồ-đề chẳng phải cây,*

*Gương sáng chẳng phải đài,*

*Xưa nay chẳng là vật,*

*Bụi bặm bám vào đâu?*

"Bồ-đề bỏ vô thụ." Bồ-đề chẳng phải cây nghĩa rằng Tổ chẳng cần cây nữa vì ngài đã chứng bồ-đề rồi. "Minh kính diệc phi đài," gương sáng cũng chẳng phải đài, tức là Tổ không cần gương sáng để chiếu soi. "Bỏ lai vô nhất vật," xưa nay chẳng là vật, tức là Tổ đã đến được chỗ chẳng khởi ý niệm, toàn thể chân tâm hiện bày. "Hà xử nhạ trần ai?," bụi bặm bám vào đâu? Thì còn có chỗ nào để bụi bám vào? Bụi bặm tức là nghiệp khiến đọa địa ngục a-tỳ. Tuy nghiệp tội a-tỳ là không. Tuy nhiên, chúng ta phải tu mới chứng được, chớ không phải chỉ nghe thoảng, nói suông, là thành. Nhất định phải ngày ngày luôn thực sự tu tập, hoặc tu thiền, hoặc học giáo lý, học giới luật, hoặc chuyên tu một pháp môn nào đó. Nếu không tu, vĩnh viễn chẳng thể chứng đạo. Trên đời này không sao có chuyện ngồi mát mà hưởng bát vàng, vậy tôi mong rằng quý vị chớ có nghĩ này nghĩ khác, bỏ dở đường tu, mới nửa đường đã vạch ra ranh giới cho là tới đích, để dừng bước lại, như thế muôn đời chẳng sao lên đặng "núi báu."

*Đốn giác liễu, Như Lai thiền,*

*Lục độ vạn hạnh thể trung viên.*

*Mộng lý minh minh hữu lục thú,*

*Giác hậu không không vô đại thiên.*

Dịch:

*Thoát giác rồi, Như Lai thiền,*

*Sáu độ muôn hạnh thể tròn nguyên.*

*Trong mộng lao xao bầy sáu nẻo,*

*Tỉnh ra bằng bật chẳng ba ngàn.*

**Đón giác liễu:** "Chữ đón" có người giảng là "lập khắc." Nếu dựa theo ý văn thì phải giảng là "tức khắc." Hai từ này có gì khác nhau?

"Lập khắc" có nghĩa của vô tiền vô hậu, không có liên hệ với trước, cũng không có tiếp nối với sau. Lập khắc tức là giác ngộ mà không có liên hệ với quá khứ, cũng không liên quan tới tương lai, đó là hiện tại. "Tức" có nghĩa là lúc này. Vậy "lúc này" không cùng một nghĩa với "lập khắc," vì "lúc này" tiếp nối với lúc trước, và cũng tiếp nối với lúc sau. "Lập khắc" mang ý nghĩa đoạn tuyệt, còn "tức khắc" thì không có nghĩa đoạn tuyệt.

Một số người giảng "đón giáo" là khai ngộ rất mau chóng, đó là nghĩa của lập khắc. Nhưng nếu xét lại ý nghĩa các chữ, thì "đón" là tới được chỗ này, cũng do từ trước, một lúc nào đó đã cất bước đi, rồi từng bước, từng bước đi tới, chớ đâu phải chẳng chịu cất bước mà có thể tới nơi để khai ngộ. Thật là "sai một ly, đi một dặm," một số người giảng pháp cho là lập khắc khai ngộ, có khác gì nói trước đó không tu, sau đó cũng chẳng cần tu. "Đón," chính là nghĩa trước đó đã từng tu hành, và khi tới được chỗ khai ngộ rồi, vẫn tiếp tục tu nữa. Lý là đón ngộ, còn về sự thì phải tiệm tu. Tại làm sao có thể nói như vậy? Bởi vì chúng ta nên hiểu rằng chuyện gì cũng phải hợp lý, vì trên đời chẳng có gì là không hợp lý cả. Lấy ví dụ, trông thấy một cây cao lớn kia, ta có biết nó mọc ra từ lúc nào chẳng? Nó đã mọc ra từ mấy trăm năm rồi, chẳng phải mới mọc trong ngày hôm nay, nên thân nó mới lớn như vậy! Cây đã như vậy, chúng ta cũng chẳng khác gì. Khi tới tuổi trưởng thành, tới tuổi đội mũ (thời xưa ở Trung-hoa, con trai 20 tuổi gọi là tuổi "nhược quán," có thể đội mũ), tức là cũng phải từ nhỏ, từ một tuổi rồi lớn khôn lên, chớ không phải sanh ra đời mà có ngay được tuổi 20. Từ đó suy ra, đón ngộ cũng phải từ tiệm tu mà chứng ngộ, chớ không thể chẳng tu mà lập tức đón ngộ. Thản hoặc nếu trong đời hiện tại chưa tu mà ngộ, đó chẳng qua kiếp trước đã từng tu tập, đến kiếp này đúng lúc cơ duyên hội đủ, mà bừng lên khai ngộ. Bởi vậy tôi mới nói rằng đón ngộ là do tiệm tu mà có được. Sau khi ngộ rồi lại tiếp tục tiệm tu, cho nên không thể cho rằng không có liên hệ gì với quá khứ và tương lai.

**Đón giác liễu:** Giác là giác ngộ, tức thấu suốt, cũng tức là đã khai ngộ, và khai ngộ chính là thấu suốt đạo lý. Một khi đã thấu suốt đạo lý, thì còn phải dụng công tu hành; nếu không, sự thấu suốt cũng thành vô dụng. Thí dụ ta

biết cách chế tạo máy điện não (computer), ta có vật liệu, lại hiểu biết cách ráp các bộ phận, ta lắp máy vào thì sẽ sử dụng được máy. Nếu ta chỉ biết phương pháp mà không chế tạo, thì cũng vô dụng; hiểu biết phương pháp, sau đó cụ thể chế tạo thì mới thành được máy điện não. Cũng theo nghĩa này, khi đã khai ngộ rồi, ta còn phải tiếp tục nỗ lực tu hành, đúng như lời cổ nhân nói: "Đại sự chưa xong, như đũa đâm ma mẹ"- đại sự đây chỉ việc khai ngộ - "đại sự đã xong, càn như đũa đâm ma mẹ." Câu đó có nghĩa là khi đại sự xong rồi, sự khẩn trương cũng giống như lúc cha mẹ chết, phải cần mật tu hành. Cho nên được khai ngộ rồi cũng vậy, phải thực sự dụng công tu hành thì mới chứng ngộ, thần não mới xuất hiện cũng giống như máy điện não vừa nói ở trên.

**Như Lai thiền:** Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật. Chín danh hiệu kia là gì? Là Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, Phật, Thế Tôn. Nguyên lai, mỗi vị Phật có tới tám vạn, bốn ngàn danh hiệu. Quá nhiều tên như vậy nên mọi người không thể nhớ hết, do đó về sau người ta rút xuống còn một vạn tên. Sau lại đổi thành một ngàn, lại đổi nữa thành một trăm. Vậy mà người ta vẫn không thể nhớ hết một trăm danh hiệu của mỗi vị Phật - máy điện não cũng chưa chắc đã nhớ nổi! Cho nên bây giờ chỉ còn lại mười danh hiệu là Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, Phật, Thế Tôn. Vị Phật nào cũng đủ mười danh hiệu đó, bởi vì, các đức Phật đều giống nhau, đều bình đẳng như nhau, cho nên có câu nói: "Thập phương tam thế Phật, cùng chung một pháp thân," cùng đủ cả mười danh hiệu.

**Như** là lý như như, nói về lý; **Lai** là nói về sự; đây là biểu thị lý sự vô ngại. "Như," là thừa đạo như thực; "lai" là đến, đến được chỗ chánh giác. Cho nên, Phật vốn không có nơi đến, cũng không có chỗ đi, bởi vì pháp thân Phật là trùm khắp tất cả, chẳng đến chẳng đi. **Thiền** là tiếng Phạn, bởi vì chữ thiền-na, dịch nghĩa qua tiếng Trung-hoa là tĩnh lự. Tĩnh là thanh tĩnh, lự là tư duy. Giảm bớt các suy tư nghĩ ngợi, không cho chúng động, vì động đều là vọng niệm, bất động mới là chân niệm, bởi vậy cần phải tĩnh lự, thâu mọi sự suy tư lắng tĩnh lại, không còn vọng niệm, đó gọi là tĩnh lự, và còn gọi là tư duy tu. Tĩnh lự làm cho các vọng tưởng không còn, thì thế nào có tư duy được? Cái tư duy này là như có như không, chẳng phải nhất thiết có, mà cũng chẳng phải không có, vậy cái đó là như thế nào? Cái đó là tham, trong phép tham thiền. Tham là tham thoại đầu, chẳng phải tham thoại vĩ. Thoại đầu là chỉ cái chỗ mà ngôn ngữ chưa phát ra. Tham là tham cái đầu của câu

nói, cái chưa nói, và như tham "cái đó" thì còn có gì để tư lự nữa chẳng? Không còn! Chỉ có cái tham mà thôi.

Tham cũng giống như người ta khoan lỗ bằng mũi khoan, giống như người ta đào giếng. Lấy mũi khoan, khoan xuống đất cứng, thành lỗ sâu. Đất bằng thì làm gì có lỗ! Lỗ đó là do khoan. Mũi khoan là dụ cho tham thiền. Có điều lấy vật hữu hình để ví dụ cái vô hình. Mũi khoan cứng, khoan xuống, mà chẳng xuống cũng phải khoan, khoan cho tới khi nào mũi khoan thấu qua mới được, đó là lúc "phá được bỗn tham." Tham cái gì? Tham cái tu tư duy, nên gọi là tham thiền. Trong Như Lai thiền không có vọng niệm, tạp niệm, mà chỉ toàn là chánh niệm. Cứ như vậy mà tham, mà khoan, cho tới khi nào mũi khoan thấu suốt, thì gọi là khai ngộ, còn gọi là phá bỗn tham. Công phu của đốn giác chính là Như Lai thiền.

**Lục độ vạn hạnh thể trung viên:** Lục độ gồm có bố thí, trì giới, nhẫn nại, tinh tấn, thiền định, bát nhã (trí huệ). Bố thí thì độ được nét keo kiệt, trì giới độ làm việc quấy, nhẫn nhục độ lòng tức giận, tinh tấn độ sự lười biếng, thiền định độ tán loạn, bát-nhã độ ngu si. Bố thí là để trị lòng tham, tính keo kiệt. Chúng ta tu học Phật pháp nên hiểu rõ thế nào là bố thí. Bố thí không phải là kêu gọi người khác bố thí cho mình, mà chính ta phải luôn luôn bố thí cho người. Chẳng phải bảo người khác "quí vị bố thí đi! Bố thí đi!" Quí vị bố thí cho tôi mà tôi chẳng bố thí cho quí vị, chẳng phải vậy. Cho nên làm việc bố thí là chẳng phải nhất định người ta hóa duyên cho mình, thì mình mới bố thí cho người ta. Ta thấy ai cùng khổ thì ta giúp đỡ, đó là tài thí; ai không hiểu Phật pháp, mà ham tu học như người đói ham ăn, thì ta nói Phật pháp cho họ nghe khiến họ được hiểu rõ, đó là pháp thí; hoặc thấy ai đương sợ hãi, không biết nương tựa vào đâu, ta bèn giúp đỡ, giải trừ cho họ mọi điều sợ hãi, đó là vô úy thí.

Điều nên biết là bố thí độ lòng keo kiệt. Phàm cái gì của ta, chúng ta đều không muốn bỏ ra cho người khác, chỉ muốn người khác cho mình mà thôi, đó là tánh keo kiệt. Nếu không chịu làm việc bố thí, thì tánh keo kiệt không bao giờ phá bỏ được, mà lại trở thành keo kiệt thêm. Phải xả bỏ cái của mình ra, phá bỏ tánh keo kiệt độ cho nó, thì con quỷ keo kiệt mới xấu hổ mà bỏ chạy.

Trì giới độ làm việc quấy. Trì giới là biết giữ quy củ, đúng theo quy củ, chứ ác mạc tác, chúng thiện phụng hành (chẳng làm điều ác, làm mọi điều thiện). Bố thí là làm việc cho người, thuộc về ý nghĩa chúng thiện phụng hành. Trì giới thì thuộc về nghĩa chư ác mạc tác. Nếu quí vị làm bố thí rồi sau đó đi



giết người, đốt nhà, ăn cướp, thì cũng là vô dụng. Nếu quý vị nói rằng tôi lấy của nhà giàu cho nhà nghèo, cướp của người có tiền để giúp người cùng khổ, là điều không thể làm được! Phải nhớ "chư ác mạc tác," không làm một điều ác nào, làm hết thấy việc thiện, chấm dứt điều ác, đề phòng điều sai, cải sửa những việc lỗi lầm, những điều nào đúng thì phát triển thêm, lúc nào cũng giữ chánh niệm, đó là đại lược ý nghĩa của trì giới. Trì giới là biết giữ quy củ, theo đúng luật pháp, trong gia đình không có chuyện cãi nhau, ngoài quốc gia xã hội thì giữ phép nước, trên thế giới không làm phương hại đến chuyện của người. Như vậy là trì giới.

Nhẫn nại độ tức giận. Tức giận thuộc hỏa, nhẫn nại thuộc thủy. Tánh chất của thủy là nhu hòa, tánh chất của hỏa là táo tợn. Chúng ta lên cơn tức giận, ngọn lửa vô minh vút lên cả ba ngàn trượng, tầng trời sơ thiên cũng chịu không nổi, cho nên ta phải tu hạnh nhẫn nại. Nói về nhẫn nại thì những điều nào nhẫn được không kể làm gì. Những điều nào chịu không nổi mà ta cũng cố nhẫn cho được, cái đó mới kể là nhẫn; chịu không nổi mà cũng ráng chịu, đấy mới thực sự tu hạnh nhẫn nhục. Chúng ta phải bắt chước ngài Di-lặc. Trông ngài, thân thì mập, bụng phệ, mà trong lòng chẳng chứa một chuyện gì, đúng là "bồn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?" Cho nên Ngài lúc nào cũng tươi cười, hoan hỷ, Ngài tượng trưng cho công phu tu nhẫn nhục. Tu nhẫn nhục phải học Ngài Di-lặc. Chẳng phải giả dạng tươi cười, vì cười như vậy là gian, chẳng phải cười thực. Trong lòng có điều tức giận mà lại giả hoạt làm ra bộ mặt khác để che dấu! Che dấu như vậy, đối với tín đồ Phật giáo là điều không nên. Bất luận vào lúc nào, trong trường hợp nào, bộ mặt của ta cũng phải chân thực chớ không thể giả dạng che dấu, đó mới là bộ mặt thực của tín đồ Phật giáo. Nếu che dấu bộ mặt thực của mình để lừa người khác, kết quả chính mình sẽ gặp điều không hay.

Ngoài xã hội thường thấy những chuyện như vậy. Lừa dối lẫn nhau, quý vị không thực lòng nói với tôi, tôi cũng không thực lòng nói với quý vị. Trong Phật giáo ta nên ngay thẳng thực thà, nói một là một, hai là hai; cái gì đúng thì bảo là đúng, cái gì không đúng thì bảo không đúng, chớ không thể biết rõ không đúng mà cứ cố biện bạch, đem cái lầm lỗi đẩy về phía người khác, như vậy là sai rồi. Quý vị không ngay thẳng, không chân thành, Bồ-tát sẽ không hoan hỷ, do đó chúng ta là người học Phật nhất định phải mang hết tấm lòng thực thà, thành tâm, từng giờ, từng khắc, cư xử sao cho chân thực, một chút xíu hư dối cũng không có. Đành rằng tu nhẫn nhục là biểu thị một thái độ hoan hỷ, nhưng nếu trong lòng đương sự sôi giận dữ, như muốn đánh giết người ta mà bề ngoài thì giả dạng tươi cười, làm ra vẻ hiền lành dễ thương, cũng là sai rồi. Đấy chẳng phải là nhẫn nhục, đó là giả hạt, gian trá.

Tinh tấn độ sự lười biếng. Tinh tấn chẳng phải là nói ra rằng tôi tu hành đây, tôi tinh tấn đây, tôi đọc kinh, niệm Phật, lễ Phật, hay đăng tin trên báo chí tu như thế này, thế kia, chẳng phải như vậy. Tinh tấn là nói chính bản thân mình phải tinh tấn, thân tinh tấn, tâm tinh tấn, luôn luôn siêng năng, không lười biếng, từng giờ, từng khắc, không dối lòng, một niềm cung kính như khi đứng trước trời, Phật, đứng trước tôn sư, không dối mình, đó mới là tinh tấn. Lúc nào cũng canh cánh bên lòng một niềm tu học Phật pháp, nghĩ sao làm vậy, chớ không phải vừa lễ Phật xong miệng đã chửi mắng, tay đã cầm dao giết người, đó chẳng phải là tinh tấn, tu như vậy chỉ là giả bộ mà thôi.

Thiền định độ tâm tán loạn. Tại sao chúng ta phải tu thiền định? Bởi chúng ta bị tán loạn quá nhiều, làm cho tinh thần bị tiêu hao, lãng phí biết bao khí lực. Mắt của chúng ta thì nhìn, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân thì xúc chạm, ý thì duyên với các pháp, tất cả giác quan đều quay ra ngoài, khiến cho tinh thần phân tán ra ngoài thành tán loạn. Vậy ta phải làm sao? Phải tu thiền định. Thiền định chính là ngồi lại một nơi, mang tâm ý chìm lắng xuống, tình trạng giống như mang một bát nước đục, để tại một chỗ nhất định, chẳng đụng chạm tới, để bùn đục lắng dần xuống đáy bát, nước thành trong, trông thấy tận đáy. Nước trong suốt dụ cho trí huệ được hiển bày; khi nước còn đục là dụ cho tình trạng ngu si, bị vô minh làm vẩn đục, che mờ tất cả. Do đó chúng ta tu thiền định khiến cho trí huệ tăng trưởng dần; nếu có được định, tức trí huệ phát sanh; trí huệ phát sanh là có bát-nhã; bát-nhã chính là trí huệ, giúp chúng ta không hành động ngu si.

Tại sao người ta cứ làm những chuyện phi pháp? Bởi lý do quá ngu si, không biết con đường chánh đáng. Không ngu si, chính là có trí huệ.

Nói đơn giản về lục độ là như vậy, còn muốn nói cho đủ thì nói đến hết kiếp tương lai cũng không hết.

Bây giờ giảng về **vạn hạnh**. Các hạnh tu thật là nhiều, vô lượng vô biên, giảng không thể hết. Vạn hạnh nói về sự thực hành pháp môn. Đây là những pháp môn thiện, không phải pháp môn ác. Số lượng các pháp môn thiện rất nhiều, kể không hết, nói tổng quát có thể gom lại trong câu "vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi, vật dĩ ác tiểu nhi vi chi" - chẳng vì điều thiện nhỏ mà bỏ qua không làm, chẳng vì điều ác nhỏ mà làm - tức là hết thấy mọi điều thiện nên làm, hết thấy điều ác phải tránh, giống như là trì giới, chừa ác mạc tác, chúng thiện phụng hành." Chúng thiện là các điều thiện, không nói rõ số mục là bao nhiêu, là rất nhiều, nên gọi là vạn hạnh.

**Thể trung viên:** Gọi là lục độ vạn hạnh, chẳng phải đi kiếm ở đâu bên ngoài, mà là thực hiện ở bên trong từ tự tánh mà ra, mà dụng công phu.

Lấy thí dụ về bồ thí. Mắt của chúng ta nhìn mọi vật, không nên nhìn một cách tham lam mà không chán, như vậy là bồ thí rồi, là đã cứu độ cho "giặc con mắt" rồi.

Về mũi thì ta không nên tham luyến mùi hương. Như quý vị nói quý vị giữ giới không trộm cắp, nhưng mũi của quý vị thì rất dễ phạm tội này. Như khi thấy có mùi thơm, quý vị chẳng hỏi ai mà đã hít hà. Thấy có dầu thơm, chẳng kịp hỏi người ta một tiếng: "quý vị có dầu thơm, cho tôi gửi một cái được không?" Đã vội vàng đưa lên mũi gửi, đó là giặc mũi, đã gửi lên. Như vậy tức là quý vị không giữ giới, quý vị đã phạm giới trộm cắp.

Tai thì ưa nghe âm nhạc, thích những âm thanh hay, âm thanh hay thì lòng vui sướng, thanh âm không hay thì sanh bực tức. Nghe người ta mắng mình một câu lòng đã nổi sân hận, quên cả công phu nhẫn nhục, vậy là chưa độ được giặc tai.

Tinh tấn độ lưỡi biếng. Như khi ăn uống thì dùng tới lưỡi, còn khi giảng pháp thì lại muốn lưỡi nghỉ ngơi; ăn uống thì tinh tấn, nói chuyện thì phi thì tinh tấn, còn chuyện đứng đắn thì không thích nói, đó gọi là lưỡi biếng, hay là tà tinh tấn, chẳng phải chánh tinh tấn. Nếu quả là chánh tinh tấn thì đã độ cho giặc lưỡi rồi.

Thân chúng ta, chính là phải an tĩnh, không nên vọng động, nhưng quý vị lại làm cho nó chạy lung tung, chạy tới chạy lui. Công phu thiền định chân chánh là thâm hồi cái lăng xăng của thân thể và mang lại sự an tĩnh cho thân này.

Còn về ý, nếu như có trí huệ, chúng ta sẽ không ngu si, vì trí huệ độ được ngu si.

Bởi các lý do trên, ta có thể nói rằng pháp lục độ là để độ cho sáu tên giặc của chúng ta, sáu giặc mắt, tai, mũi lưỡi, thân, ý. Sáu giặc đã tuân phục thì ta không còn vọng tưởng nữa, mà không vọng tưởng tức là tất cả lục độ vạn hạnh thấy đều viên mãn, cho nên mới nói câu "thể trung viên." Nếu quả thực chúng ta không còn vọng tưởng, không nghĩ thiện, không nghĩ ác, thể chẳng phải là "*sáu độ vạn hạnh thể tròn nguyên*" hay sao?

**Mộng lý minh minh hữu lục thú:** Mộng chính là một loại vọng tưởng hư ảo tạo nên. Cũng có loại mộng thực như trường hợp quỷ thần báo mộng chẳng hạn, cho nên mộng có thể là giả, mà cũng có thể là thực. Tuy nhiên, dầu giả hay thực, hay là do linh cảm báo trước, ta cũng không lấy gì làm căn cứ, muốn nắm lấy, nắm chẳng được, muốn thấy chẳng thấy gì, bắt không lại, đuổi chẳng đi. Có loại, ban ngày thấy cái gì, ban đêm nằm mơ thấy cái đó; có thể do sự nghĩ ngợi mà sanh ra; cũng có loại chẳng hề nghĩ gì tới, chẳng hề gặp qua, đột nhiên xuất hiện trong giấc mơ, lại còn linh nghiệm nữa, biến thành chuyện thực, và loại này là loại mộng thực. Tuy thực như vậy, mà ta vẫn không kiểm soát được nó, giữ không được, bỏ không được, muốn bắt lấy mà không xong, muốn đuổi nó mà không nổi. Có những loại linh cảm báo cho biết trước cả năm, hoặc một tháng, hoặc một tuần lễ, nằm mơ thấy cảnh tượng như thế nào, gặp gỡ những ai, làm những chuyện gì, sau đó đều xảy ra đúng in như vậy. Đây là loại mộng do linh cảm, vì phần đông những loại dự cảm này là do ta đã tạo từ kiếp trước, nhân vì kiếp xưa ta đã tu hành, được các vị thiện thần hộ pháp trợ giúp, cho ta linh cảm, nên có những sự việc ta biết được. Đại khái như bây giờ quý vị là cư sĩ tại gia, mà nằm mơ thấy mình là người xuất gia, trong giấc mơ thấy mình mặc áo tràng, đắp y, nghiêm nhiên là một thiện tri thức. Tại sao không xuất gia lại mơ thấy mình xuất gia? Có thể kiếp trước quý vị đã xuất gia, đến kiếp này quên đi, nhưng thiện thần hộ pháp âm thầm chỉ bày cho quý vị, bảo cho quý vị rõ: Kiếp xưa quý vị vốn là người xuất gia, khiến cho quý vị có thể tiếp tục tu đạo, phát tâm bồ-đề.

Chúng ta hiểu mộng là hư ảo. Vậy trước khi nằm mộng thì chúng ta là người thức tỉnh chăng? Sự thật tôi xin nói với quý vị rằng như hiện nay chúng ta sống trên cõi đời này, nếu chưa khai ngộ, chúng ta vẫn là những kẻ sống trong mộng. Có điều, nếu có người bảo chúng ta như vậy, chúng ta chẳng tin, chúng ta nói: "Tôi đâu có nằm mơ? Này! Xe hơi của tôi, đó là loại nổi tiếng, ngồi lên rất thoải mái; máy bay của tôi bay cao như vậy, tại làm sao bảo tôi đương nằm mộng? Nhà của tôi đẹp; gia đình của tôi sống đầy đủ, muốn cái gì có cái đó, sao lại bảo là trong mộng được?" Quý vị không cho là quý vị nằm mơ ư? Nếu quả là thức tỉnh thì tại sao quý vị không nhớ được kiếp trước của quý vị? Quý vị bảo: "Có kiếp trước ư?" Nếu quý vị không tin có kiếp trước thì quý vị có tin có ngày hôm qua chăng? Quý vị nói: "Tôi tin!" Những chuyện trong ngày hôm qua, quý vị có nhớ không? Ngày hôm qua quý vị đã làm những công chuyện gì? Quý vị nói: "Tôi nhớ."

—Quý vị có nhớ hết không?

–Không chắc đã nhớ hết, có những chuyện quên đi.

–Chuyện trong tháng trước thì sao, quý vị có nhớ không?

–Không chắc.

–Chuyện trong năm trước, quý vị có nhớ hết không?

–Cũng không chắc.

–Trong kiếp này, chuyện mấy năm trước quý vị đã quên rồi, huống chi những chuyện về kiếp xưa! Nếu thế quý vị chẳng sống trong mơ thì quý vị sống ở đâu?

Bởi vậy mới nói:

**Mộng lý minh minh hữu lục thú.** Trong cơn mộng, bày ra thật là minh bạch, nào cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, rất rõ ràng; lại đủ cả địa ngục, quỷ đói, súc sanh, ba đường ác, đúng là sáu nẻo (lục thú).

Trong cơn mộng thì biết rõ có lục thú, nhưng khi đã khai ngộ rồi thì:

**Giác hậu không không vô đại thiên.** Quý vị nên hiểu minh bạch, chớ có bảo rằng thân này, rồi sáu nẻo luân hồi cho đến cả tam thiên đại thiên thế giới, tất cả là không. Trong bài ca có câu:

*Liễu tức nghiệp chướng bốn lai không,*

*Vị liễu ưng tu hoàn tức trái.*

(Xong việc - ngộ đạo - thì nghiệp chướng là không, chưa xong thì còn phải trả nợ cũ).

Khi quý vị đã giác ngộ, tam thiên đại thiên thế giới chẳng còn nữa, huống chi là tấm thân này, để cho quý vị chấp trước? Để cho quý vị không chịu cái này, không chịu cái kia? Người ta nói quý vị một câu, quý vị đã nổi sùng, đánh quý vị một cái quý vị nhịn không nổi! Tại sao quý vị không bỏ qua được? Tại sao quý vị chịu không nổi? Bởi quý vị chưa giác ngộ. Nếu quả đã giác ngộ thì:

*Hành diệc thiên, tọa diệc thiên,*

*Ngữ mặc động tĩnh thể an nhiên.*

*Túng ngộ phong đao thường thản thản.*

*Giả nhiều độc được giả nhàn nhàn.*

Dịch:

*Đi cũng thản, ngồi cũng thản,*

*Nói im động tĩnh thể an nhiên.*

*Phong gặp gương đao thường nhẹ hững*

*Vì nhằm thuốc độc vẫn bông tênh.*

Như vậy đó! Có cái gì mà quý vị không bỏ qua được? Có gì mà chịu không nổi. Cho nên có câu: "Như điều hành không không vô tích, như đao trảm thủy thủy vô ngân" -nghĩa là chim bay trên không, trên không chẳng ghi vết tích, như dao chém nước, mặt nước không để lại đường cắt, việc qua rồi là hết. Khi quý vị đã giác ngộ, mọi sự đều không, không tướng nhân, không tướng ngã, không tướng chúng sanh, không tướng thọ giả; tâm quá khứ không có, tâm hiện tại không có, tâm vị lai không có; ba tâm đều bất khả đắc, bốn tướng đều không, vậy thì quý vị còn gì để chấp trước? Cả thế giới ba ngàn đều không còn thì còn gì để quý vị chấp nữa?

*Vô tội phước, vô tổn ích,*

*Tịch diệt tánh trung mạc vẫn mịch.*

*Tỷ lai trần kính vị tăng ma,*

*Kim nhật phân minh tu phẫu tích.*

Dịch:

*Không tội phước, không thêm bớt,*

*Tánh mình vắng lặng đừng hỏi bắt.*

*Bấy lâu gương bụi chưa từng lau,*

*Này lúc rõ phân cần dứt khoát.*

**Vô tội phước, vô tổn ích:** Bồn lai tự tánh của chúng ta vốn tròn đầy, sáng suốt, lớn (đến độ) không có gì ở ngoài, nhỏ (đến độ) không có gì lọt vào trong, sung mãn mà rỗng rang, trùm khắp thế giới, không có gì để gọi là tội, cũng không có gì để gọi là phước, không có tăng, không có giảm. Bởi vậy mới nói "vô tội phước vô tổn ích." Cái đó là gì? Đó là tự tánh của chính mỗi cá nhân. Tự tánh là tánh tịch diệt, cho nên nói:

**Tịch diệt tánh trung mạc vấn mịch:** Trong chỗ này, quý vị chẳng phải chạy lung tung tìm kiếm cái này cái kia, như có đầu mà đội thêm đầu, cười trên lưng lừa mà kiếm lừa trong lòng nầy sanh các sự chấp trước. Chỗ ấy không phải là chỗ để quý vị vọng tưởng.

**Tỷ lai trần kính vị tăng ma:** Tỷ dụ như tấm kính bị bụi phủ đầy, chưa ai lau.

**Kim nhật phân minh tu phẩu tích:** Bây giờ quý vị đã biết, biết một cách phân minh, rõ ràng. Khi hiểu biết phân minh rồi thì quý vị phải làm, quý vị phải bỏ công lau chùi, lau hết lớp bụi cho thật sạch sẽ. Bụi đã hết rồi, mặt gương vốn sáng liền hiện rõ, đó gọi là phẩu tích.

*Thùy vô niệm, thùy vô sanh?*

*Nhược thực vô sanh vô bất sanh.*

*Hoán thủ cơ quan mộc nhân vấn,*

*Câu Phật thi công tạo vãn thành?*

Dịch:

*Ai không niệm, ai không sanh?*

*Ví thực không sanh, không chẳng sanh*

*Gọi người gỡ hỏi nguồn cơn ấy,*

*Câu Phật ra công sớm sẽ thành.*

**Thùy vô niệm, thùy vô sanh?:** Người nào không có niệm tưởng đây? Ai không có niệm, người đó chính là vô tâm đạo nhân. Tại sao lại có chết? Bởi

vì có sống nên có chết. Ai không niệm? Ai không sanh? Ai là người không có niệm tưởng? Ai là người không có sanh?

Bây giờ, quý vị thử không cho sanh một niệm nào, quý vị làm được chăng?

**Nhược thực vô sanh vô bất sanh:** Nếu quả thực là không sanh, quý vị sẽ không có một vọng tưởng, không có một tạp niệm, và nếu không có tạp niệm, toàn thể sẽ hiện bày. Nếu thực quý vị không có vọng tưởng (vô sanh), và chẳng có không sanh (vô bất sanh, thì trong cái chân "không" tự nhiên sẽ hiện ra cái "có" nhiệm mầu (diệu hữu), và trong cái có nhiệm mầu (diệu hữu) cũng có cái chân không.

**Hoán thủ cơ quan mộc nhân vắn:** Hoán thủ cơ quan có nghĩa là người gõ hỏi mở máy như thế nào? Cũng là nói cách nào để chúng ta có thể đoạn trừ vô minh, làm cho pháp tánh hiển bày, làm sao cho phiền não được hàng phục. Cơ quan đây là nói tin tức. Nếu quý vị muốn hỏi thăm về điều này (tin tức này) thì giống như người gõ hỏi. Người gõ không có tâm, không có tình.

**Câu Phật thi công tảo vắn thành:** Nếu quả quý vị đã tới được chỗ không niệm, không sanh, không chẳng sanh, quả thực tới chỗ không sanh, thì tương lai tất thành Phật. "Tảo vắn thành" là sớm tối sẽ thành, nhất định sẽ thành Phật. Khi nào chúng ta đạt được chỗ không niệm, không sanh, chúng ta sẽ không còn xa Phật là bao nhiêu, đó là chỗ không có gì là không sanh ra, và cái sanh ra đây chính là Diệu hữu, nghĩa là cái có nhiệm mầu. Có điều chúng ta hãy còn chấp trước, chưa hiểu thấu lẽ không. Ở trên có nói: "Giác hậu không không vô đại thiên," ở dưới lại nói cái không của "chư pháp không tướng." Nếu quả quý vị đã minh bạch lẽ không, thì thực không còn cái gì là đúng hay không đúng, là tốt hay không tốt, là trái hay là phải, dụng công không phải là ở ngoài hình thức, mà đi vào cốt lõi cái gốc (triệt phá đệ nguyên), xa lìa mọi tướng.

*Phóng tứ đại, mạc bả tróc,*

*Tịch diệt tánh trung tùy ẩm trác.*

*Chư hành vô thường nhất thiết không,*

*Tức thị Như Lai đại viên giác.*

Dịch:



*Buông bốn đại, đừng nắm bắt,*

*Tánh mình vắng lặng tùy ẩm trác.*

*Muôn vật vô thường thấy thấy không*

*Đáy chính Như Lai thật viên giác.*

**Phóng tứ đại:** Tứ đại là đất, nước, gió, lửa. Đất thì rải khắp pháp giới, nước cũng rải khắp pháp giới, lửa rải khắp pháp giới, và gió rải khắp pháp giới. Đất, nước, gió, lửa, đều là vật hữu hình, còn gió là vô hình. Thân thể của chúng ta là do bốn đại giả hợp mà thành, nếu chúng lìa nhau thì chẳng còn thân thể nữa. Thân thể của chúng ta có thịt, gân, xương, cái gì cũng thuộc về yếu tố đất; nước mũi, nước dãi, nước mắt, thuộc về yếu tố nước; hơi ấm, độ nóng trong người, thuộc yếu tố lửa; hơi thở ra vào thuộc yếu tố gió. Bốn đại hòa hợp với nhau tạo nên thân thể này; khi chúng lìa nhau ra, thì yếu tố nào trở về với yếu tố ấy, chất đất trở về với đất, chất nước trở về với nước, chất lửa về với lửa, chất gió về với gió, mỗi thứ trở về bản vị của nó, cho nên nói bốn đại là giả hợp.

Do sự hòa hợp của bốn đại mà có thân thể này, thì nó với ta có quan hệ gì đâu? Nếu hiểu cho minh bạch rằng nó với ta chẳng liên quan, thì ta còn chấp trước vào cái thân nữa chẳng? Vậy thì còn lý do gì phải chấp trước vào nó, để buông xả không nổi.

**Mạc bả trác:** Nghĩa là buông bỏ; buông là nói lỏng bàn tay không giữ lại nữa, không chấp nữa, buông thả ra chẳng chấp vào bốn đại, đất, nước, gió, lửa.

**Tịch diệt tánh trung tùy ẩm trác:** Tánh tịch diệt chính là Phật tánh, một tên khác của Phật tánh. "Tùy ẩm trác" nghĩa là ăn, nhưng nói về loài chim, chim ăn thì gọi là trác, còn người ăn thì không dùng chữ đó. Ở đây "tùy ẩm trác" là một cách tự nhiên, không ép uống.

**Chư hành vô thường nhất thiết không:** Hết thấy chư hành đều là vô thường, và nếu đã vô thường thì có thể coi các hành là không, cho nên nói "nhất thiết không."

**Tức thị Như Lai đại viên giác:** Có bốn ghi là "tức thị chư Phật đại viên giác." Hai chữ Phật và Như Lai có nghĩa tương tự, không khác nhau mấy,

duy khi đọc lên thì chữ Như Lai có vẻ thuận miệng hơn, dùng để ca tụng thì hợp.

Nhất thiết không chính là bốn tánh viên giác của chư Phật mười phương.

*Quyết định thuyết biểu Chân thặng*

*Hữu nhân bất khăng nhiệm tình trung.*

*Trực triệt căn nguyên Phật sở ẩn,*

*Trích điệp tâm chi ngã bất năng.*

Dịch:

*Dám nói quyết rõ Chân thừa,*

*Còn ai chẳng khăng cứ nhiệm tâm.*

*Thẳng tận đầu nguồn phăng dấu Phật,*

*Chọn lá tìm cành ta chẳng đang.*

**Quyết định thuyết:** Nghĩa là không nói hàm hồ, nói vu vơ, mà nói một cách dứt khoát cái đạo lý này. Tại sao phải nói ra đạo lý này? Chính là:

**Biểu Chân thặng:** Chân thặng này là Phật thừa (chữ "thặng" quen đọc là thừa), đó là thừa duy nhất, chỉ có một Đại thừa, mà không có Tiểu thừa, Nhị thừa. Đây là thừa thành Phật. Có bốn ghi là "biểu chân tăng." Chân tăng là thế nào? Quý vị biết giữ giới luật, quý vị là chân tăng; quý vị không giữ giới luật, quý vị chẳng phải là chân tăng. Giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, các giới cấm này quý vị chẳng phạm, thì quý vị là chân tăng. Còn như phạm vào các giới giết hại trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, thì dầu quý vị mang áo của người xuất gia, quý vị cũng chẳng phải là chân tăng.

**Hữu nhân bất khăng nhiệm tình trung:** Giả tỷ có ai không đồng ý với đạo lý tôi vừa nói, thì xin cứ biện bạch mang lý luận ra trình bày. Chữ "trung" nghĩa là biện luận, thảo luận, cứu xét. Quý vị có cách gì, phương thức gì, lý lẽ gì xin mang ra bàn cãi, nghiên cứu.

**Trực triệt căn nguyên Phật sở ẩn:** Nghĩa là tôi xin tiếp đưa tới chỗ gốc nguồn của pháp một cách rõ ràng, mà chư Phật mười phương đã ẩn chúng.

**Trích điệp tầm chi ngã bất năng:** Nếu quý vị bỏ gốc theo ngọn, nhằm chỗ lá chỗ cành con để dụng công, mà quên mất cái gốc, thì đó là điều tôi chẳng thể làm. Tôi chẳng làm những chuyện như vậy mà tôi phải tìm cái chân thực, tôi giảng cái chân thực, tôi nói cái chân thực, tôi làm cái chân thực. Quý vị muốn tôi bỏ gốc theo ngọn, bỏ cái gần, cầu cái xa, bỏ cái lớn cầu cái nhỏ, thì tôi không thể nào làm được.

*Ma ni châu, nhân bất thức,*

*Như Lai tàng lý thân thâm đắc.*

*Lục ban thân dụng, không bất không,*

*Nhất hỏa viên quang sắc phi sắc.*

Dịch:

*Ngọc ma-ni, người có biết,*

*Như Lai kho ấy thâm trọn hết.*

*Sáu ban thân dụng không chẳng không,*

*Một điểm viên quang sắc chẳng sắc.*

**Ma-ni châu:** Là ngọc như-ý.

**Nhân bất thức:** Tuy nhiên, mọi người không nhận ra hạt ngọc này. Hạt ngọc ở trước mắt mà nhiều người không hay, có khi đã ở trong tay rồi mà để lọt mắt.

**Như Lai tàng lý thân thâm đắc:** Hạt ngọc như ý phải từ ở Như Lai tạng mà ra, từ chỗ đó mà lấy ra mới được.

**Lục ban thân dụng không bất không:** Ngọc như ý có sáu phép màu, tức là sáu loại thần thông. Nếu quý vị có được hạt ngọc như ý thì quý vị sẽ có thiên nhĩ thông, thiên nhãn thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông, đủ cả lục thông. Vậy hạt ngọc đó rốt ráo là gì? Đó là cái ở ngay trước mắt chúng ta, cái chân tâm của chúng ta vậy. Đó cũng là cái trí huệ đầy đủ của chúng ta, là đại viên kính trí, diệu quan sát trí, thành sở tác

trí, bình đẳng tánh trí, tất cả đều là công dụng của hạt ngọc như ý, và ở đây gọi là sáu ban thân dụng.

**"Không bất không"** là gì? Quý vị bảo hạt ngọc đó là không ư? Nó chẳng phải không. Quý vị bảo nó là có ư? Nó chẳng có. Chân không có đủ cả diệu hữu, diệu hữu có đủ chân không; chân không là chẳng làm trở ngại diệu hữu, diệu hữu chẳng trở ngại chân không, nghĩa là viên dung vô ngại, biến hóa vô cùng.

**Nhất lỏa viên quang sắc phi sắc:** Ở trên nói hạt ngọc là đại viên kính trí, đó là nghĩa gì? Bởi vì nó là "nhất lỏa viên quang sắc phi sắc," một hạt tròn sáng, sắc mà chẳng phải sắc. Quý vị bảo nó là sắc ư? Nó chẳng phải sắc. Nhưng nếu bảo là không sắc, thì nó là không ư? Nó chẳng phải không, bởi vậy mới nói "Sáu ban thân dụng không chẳng không, một điểm viên quang sắc chẳng sắc."

*Tịnh ngũ căn, đắc ngũ lực*

*Duy chứng nãi tri nan khả trắc.*

*Kính lý khán hình kiến bất nan,*

*Thủy trung tróc nguyệt tranh niêm đắc.*

Dịch:

*Tịnh năm mắt, được năm lực,*

*Có chứng mới hay không lượng được*

*Trong gương ngắm ảnh dễ thấy hình,*

*Đáy nước mò trăng khôn nắm nguyệt.*

**Tịnh ngũ căn, đắc ngũ lực:** Có bốn ghi là "tịnh ngũ nhãn." Ngũ căn là tín, tinh tấn, niệm, định, huệ; ngũ nhãn là Phật nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, thiên nhãn, nhục nhãn. Tịnh nghĩa là thanh tịnh, không có sự ô nhiễm. Nếu tín căn được tịnh thì không có sự hoài nghi, chỉ thuần một lòng tin; căn tinh tấn mà tịnh thì chỉ có tiến chớ không thoái; niệm căn tịnh thì niệm niệm không có vọng; định căn tịnh thì không bị tán loạn; huệ căn tịnh thì không ngu si. Tịnh có thể ví như một chất liệu bồi dưỡng làm cho các căn nói trên được tăng

trưởng, sung vượng, thêm sức lực, cho nên tịnh năm căn sẽ có được ngũ lực, tức là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực.

Vậy là năm căn đã tịnh, ngũ lực sẽ đạt được, điều này ai là người biết được? Ai uống nước, thì tự người đó biết nước nóng hay lạnh. Còn như chạy cùng khắp các nơi, tuyên bố này nọ rằng "tôi đã tịnh ngũ căn, có được ngũ lực," thì đó chỉ là giả trá. Nếu là sự thật thì đâu cần khoe trương. "Hữu xạ tự lai hương" là nghĩa như vậy. Người tu đạo phải tự mình hiểu rõ mình, không tìm kiếm ở bên ngoài, cũng không cần ai biết đến. Còn bề ngoài huênh hoang, lộ liễu, đi đâu cũng khoe mình, thì đó chỉ là loại thùng rỗng.

**Duy chứng nãi tri nan khả trắc:** Nghĩa là người ngoài cuộc không nhận ra, ai chứng được cảnh giới này thì trong lòng tự biết không thể bảo người khác biết cho, và ngay cả chính mình cũng không nói cho mình hay, như vậy chẳng tốt hay sao? Ta càng giảm bớt vọng niệm! "Nan khả trắc" nghĩa là khó đoán biết, khó mà dò được, bởi vì nó là vô minh tướng.

**Kính lý khán hình kiến bất nan:** Ngắm hình của mình trong gương thì đâu có khó khăn gì!

**Thủy trung tróc nguyệt tranh niêm đắc:** Nhưng mò trăng ở đáy nước thì làm sao mò được? Đại ý nói rằng chúng ta thấy người nào đã chứng đắc thì ngũ căn và ngũ lực khác với người thường, nhưng đó cũng chỉ là thấy một cách đại khái, chưa phải là nhận biết thực sự, mà chúng ta suy đoán cũng không được, chẳng khác gì ta mò trăng ở đáy nước. "Tranh niêm đắc" nghĩa là chẳng có cách nào mò được mặt trăng, vì dưới nước chỉ có bóng của mặt trăng mà thôi.

*Thường độc hành, thường độc bộ,*

*Đạt giả đồng tu Niết-bàn lộ.*

*Điều cổ thân thanh phong tự cao,*

*Mạo tụy cốt cương nhân bất cố.*

Dịch:

*Thường một mình, thường tản bộ,*

*Đạt giả lại qua Niết-bàn lộ.*

*Điệu xưa thần nhẹ dáng thanh thanh,*

*Xương cứng thân gầy ai chiếu cố.*

Chỗ này nói về người tu đạo. Người tu đạo là phải thường xuyên sống riêng, không giao thiệp với ai, tránh các duyên, sống một mình, như vậy mới tốt. Tuy nhiên, sống như thế thì phải ở trên núi, không thể ở các nơi đô hội, vì đời sống xã hội phức tạp khiến người tu dễ bị lung lạc, khó cho việc tu hành. Như một mình đi lên núi, trú ở một nơi không ai đi tới, mới đúng là chân chánh tu hành. Ăn những thứ rất khó ăn, mặc những đồ xấu, nằm không cần chỗ êm ái, không ham hưởng thụ, như vậy mới là cách sống của người chân tu. Cho nên quý vị nhớ cho điều này, người tu hành chân chánh, không muốn gần mọi người, không muốn liên lạc với ai, cố giảm bớt các duyên nên mới kiếm những nơi thâm sơn cùng cốc, chỗ mọi người không tới được, để làm nơi tu hành. Bởi vậy bài ca nói:

**Thường độc hành:** Thường một mình đi kinh hành. Kinh hành đi đâu? Đi lại ở nơi đó. Nhưng kinh hành là đi rất chậm, từng bước, từng bước, từng bước một, đúng như ý nghĩa:

*Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,*

*Nói im động tĩnh thấy an nhiên.*

*Phỏng gặp gương đao thường nhẹ hững,*

*Ví nhằm thuốc độc vẫn bông tênh.*

**Thường độc bộ:** Thường thường ngồi tĩnh tọa một mình, không sợ lẻ loi, không sợ vắng lặng, cũng không sợ thiếu người trò chuyện.

**Đạt giả đồng du Niết-bàn lộ:** Cùng những ai đã thông đạt (những ai trí huệ đã mở, người đã khai ngộ) đi trên con đường Niết-bàn.

**Điệu cổ thần thanh phong tự cao:** Đây là nói dáng điệu thanh cao, không thô bỉ, không giống như những kẻ có hành vi bon chen. "Điệu cổ thần thanh" tức là chỉ thái độ hào sảng, khác với kiểu cách a dua, xu nịnh. "Phong tự cao" là tác phong thanh cao.

**Mạo tụy cốt cương nhân bất cố:** Tuy thân hình gầy ốm nhưng cứng cõi, cương nghị. Tinh thần thì vững chắc, không gì lay chuyển, luôn luôn giữ nét

tôn nghiêm, chẳng ai dám xâm phạm, đến thần thánh cũng không thể khinh mạn. Đó chính là oai đức của người chân tu, như câu nói: "Hữu uy khả úy, hữu đức khả kính."

*Cùng thích tử, khẩu xưng bản,*

*Thực thị thân bản đạo bất bản.*

*Bản tắc thân thường phi lữ hạt,*

*Đạo tắc tâm tàng vô giá trân.*

Dịch:

*Con Phật nghèo, miệng xưng nghèo,*

*Rõ thực thân nghèo đạo chẳng nghèo.*

*Nghèo ắt thân thường manh áo chắp,*

*Đạo ắt tâm hằng châu báu đeo.*

**Cùng thích tử:** Tức là người xuất gia nghèo. Thích tử là người xuất gia, là đệ tử của Phật Thích Ca.

**Khẩu xưng bản:** Thường thường tự xưng mình là bản tăng, chứ không phải phú tăng.

**Thực thị thân bản đạo bất bản:** Tuy trông bề ngoài thân hình có vẻ nghèo khổ, nhưng bên trong thì đạo không nghèo, bởi vì có đạo đức, đạo đức rất giàu.

**Bản tắc thân thường phi lữ hạt:** Trên thân thì khoác áo vá, vậy là nghèo. Chữ "hạt" nghĩa là màu sắc bị phai. Áo quần bạc màu thì chẳng ai thích mặc.

**Đạo tắc tâm tàng vô giá trân:** Tuy nhiên, nói về đạo thì bên trong chứa chất một thứ trân quý vô giá, đó là hạt ngọc như ý. Viên ngọc này là của quý vô tận, dùng không bao giờ hết, biến hóa vô cùng, mầu nhiệm không thể nghĩ bàn.

*Vô giá trân, dụng vô tận,*

*Lợi vật ứng cơ chung bất lận.*

*Tam thân tứ trí thể trung viên,*

*Bát giải lục thông tâm địa ẩn.*

Dịch:

*Châu báu đeo dùng chẳng hết,*

*Tùy duyên rải khắp thềm keo kiết.*

*Ba thân bốn trí thể tròn nguyên,*

*Tám giải sáu thông tâm ẩn hiệp.*

**Vô giá trân:** Của báu này là vô giá. Châu báu này chẳng phải là loại có hình tướng như châu báu ở thế gian, chẳng phải là loại đá mấy chục carat, hoặc đáng mấy trăm lạng vàng ròng, hay bao nhiêu cân lạng bạc, bấy nhiêu lưu ly, pha-lê, xà-cừ, xích-châu, mã-nã các loại bảy báu. Của báu vô giá này chính là trí huệ cố hữu của chúng ta, có tên là viên ngọc như ý.

**Dụng vô tận:** Của báu này lấy ra thì vô tận, dùng không bao giờ hết, khỏi cần tìm kiếm nó ở đâu, tự chúng ta đã sẵn có nó một cách trọn vẹn.

**Lợi vật ứng cơ chung bất lận:** "Lợi vật" là lợi ích hết thảy mọi chúng sanh. Ứng cơ là tùy cơ mà giáo hóa, tùy người mà nói pháp, tùy bệnh mà cho thuốc, tất cả đều đúng chỗ. "Chung bất lận" là không giống như kiểu cách bòn xén, chặt chia, của loại người biển lận.

**Tam thân tứ trí thể trung viên:** Nếu được của báu vô giá thì sẽ có ba thân: Pháp thân, tức là Tỳ-lô-giá-na Phật, trùm khắp pháp giới; báo thân, tức là Lô-xá-na Phật, quang minh thanh tịnh; hóa thân, tức là ngàn vạn ức hóa thân Phật Thích-ca Mâu-ni. Trong tự tánh của chúng ta cũng có đủ ba thân này, giống như của Phật, không sai khác.

Tứ trí cũng vậy, nếu được của báu vô giá thì chúng ta cũng có tứ trí như Phật. Thứ nhất là đại viên kính trí, tức là thức thứ tám hay A-lại-da, khi các chủng tử trong thức này đã hoàn toàn thanh tịnh, không còn bị nhiễm ô, trí huệ hiện ra sáng chói như một tấm kính lớn tròn, chiếu khắp mọi vật, thấu suốt mọi pháp, hữu vi cũng như vô vi, không hề bị trở ngại. Thứ đến là diệu



quan sát trí. Chúng ta ai cũng có trí quan sát, nhưng nó không mầu nhiệm, chỉ biết được những vật có hình tướng, còn những vật vô hình vô tướng, hay những sự việc trong quá khứ hay vị lai thì không thể biết được. Có được loại trí huệ này thì bất luận muốn biết chuyện đã qua, chuyện xảy ra trong hiện tại hay trong tương lai, chỉ cần quan sát là biết liền. Thứ ba là bình đẳng trí. Thể nghiệm được loại trí huệ này là khi tự mình cảm thấy ta và vạn sự vạn vật chỉ là một thể, lúc đó không còn ý niệm đối đãi giữa ta và những gì không phải của ta, tất cả hữu tình và vô tình, đồng viên chủng trí, tại thánh chẳng tăng, tại phàm chẳng giảm, không thiếu không dư, hoàn toàn bình đẳng. Thứ tư là thành sở tác trí. Trí huệ này khiến cho năm thức thuộc mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có công năng hóa độ rộng lớn, lợi ích cho các chúng sanh.

**Bát giải lục thông tâm địa ấn:** Của báu vô giá gồm đủ tam thân tứ trí, bát giải thoát, ngũ nhãn, lục thông. "Tâm địa ấn" nghĩa là của báu vô giá chính là pháp môn tâm địa của chúng ta, một cái ấn quý trong tâm, và trong ấn này chứa chất công năng của tam thân, tứ trí, bát giải và lục thông.

Quý vị phải ghi nhớ rằng của báu vô giá là vật sở hữu của mỗi người chúng ta, chúng ta phải giữ gìn chớ để thất thoát. Thất thoát ra sao? Quý vị tham tiền tài, của báu vô giá đó sẽ mất; quý vị tham sắc, nó cũng sẽ mất; tham danh, tham ăn, tham ngủ, tức là quý vị đã lãng phí của báu vô giá của quý vị. Còn như quý vị muốn giữ nó, thì quý vị phải nghiêm chỉnh, nhìn nhận rõ ràng, từng bước từng bước ràng tu tập. Chớ ham đi cho mau, ham đi lối tắt, ham vượt bậc, mà phải y chiếu các pháp môn Phật dạy mà tu tập, không thể tự dối mình để ngày sau lừa dối thế gian. Quý vị nên biết rằng, dối người tức là dối mình, mà dối mình tức là dối người khác, cho nên chúng ta chớ để trong lòng những điều quanh co, phàm là tu hành hay làm bất cứ chuyện gì cũng luôn luôn thành thực, như vậy thì nhất định sẽ có tam thân, tứ trí, bát giải, lục thông.

*Thượng sĩ nhất quyết nhất thiết liễu,*

*Trung hạ đa văn đa bất tín.*

*Đản tự hoài trung giải cấu y,*

*Thùy năng hướng ngoại khoa tinh tấn.*

Dịch:

*Bậc cao một quyết là xong hẳn*

*Kẻ thấp càng nghe lại lằm ngò.*

*Hay vớt trong lòng manh áo bán,*

*Sá gì tinh tấn hướng ngoài khoe.*

**Thượng sĩ nhất quyết nhất thiết liễu:** Thượng sĩ là những bậc thuộc loại thượng đẳng, loại thượng căn, có trí huệ sắc bén, kiếp trước đã dày công tu trì, nên rất thông minh. Đây là trí thông minh chân thực, không phải thứ thông minh của thế gian. Thông minh của thế gian là sự lanh lợi biện bác. Những loại người này hết sức thông minh, nhưng cũng vì thông minh mà gây lằm lổ, và chính sự thông minh đã giúp họ làm những việc hồ đồ. Những người đó không gọi là thượng sĩ. Thượng sĩ chính là vô-thượng sĩ, chính là các vị Bồ-tát theo nguyện lực mà trở lại thế gian, do đó họ là những bậc "nhất văn thiên ngộ?" một lần nghe ngàn lần khai ngộ; đạo lý chỉ nghe qua là tức khắc lãnh hội, hết thấy đều minh bạch, do đó mới nói "thượng sĩ nhất quyết." Họ không giống như loại người nhu nhược quả đoán, bởi lẽ lối của họ là quyết đoán, hiểu đạo lý tới tận cùng, cho nên đối với hết thấy mọi sự họ đều thấu đáo, có thể ví như mặt gương trong soi các vật thể, có vật liền soi, không vật thì vắng lặng.

**Trung hạ đa văn đa bất tín:** Có bốn ghi là "đa nghi" thay vì "đa văn." Thật ra ý nghĩa không khác nhau, tức là, đọc thật nhiều sách, mà lòng vẫn hoài nghi, vì không nhận thức ý nghĩa cho rõ ràng nên không khởi được tín tâm, cho nên nói "đa văn đa bất tín," nghe nhiều mà chẳng tin gì hết. Thí dụ như nghe kinh chẳng hạn, có người thường không được nghe kinh, đến khi ngẫu nhiên được nghe, liền thấy đạo lý sáng tỏ môn một; nhưng nếu ngày ngày nghe kinh, quen tai chẳng thấy gì đặc biệt, nên không chịu dụng tâm chú ý lắng nghe, có khi vừa nghe đã ngủ gục, bởi vậy cần phải để hết tinh thần để chú ý nghe kinh. "Đa văn đa bất tín" cũng có nghĩa là nghe nhiều lần mà không tin; ngẫu thì nghe một lần, mà ấn tượng lại sâu đậm.

**Đản tự hoại trung giải cấu y:** Việc tu hành cũng giống như giặt bộ quần áo dơ bẩn đang khoác trên mình.

**Thùy năng hướng ngoại khoa tinh tấn:** Tu không phải như người đi ra ngoài rao bán hàng hóa, để quảng cáo việc tu hành của mình, nào tự khoe mình đã khai ngộ, nào tôi đã từng bé quan (đóng cửu tĩn tu), công phu của tôi như thế này, tôi đã lạy kinh này, đã trì chú kia..., đâu đâu cũng chỉ nói về

mình, như vậy tức là "hướng ngoại khoa tinh tấn." Tu đạo có thể ví như mình giặt quần áo của chính mình, mang quần áo dơ bẩn ra giặt cho sạch, có vậy thôi, hà cớ gì ta giặt quần áo của ta mà lại khoe với mọi người rằng: "Bộ quần áo này tôi giặt thật là sạch!" Chẳng có ai lại khoe giỏi, khoe hay kiểu đó, người ta nghe xong nhất định sẽ cho là quý vị phát cuồng, phát dại, nếu không, sao lại ăn nói điên khùng như vậy? Tu hành mà khoe khoang trước mọi người thì cũng giống như thế. Hoặc giả, chúng ta làm được chút xíu công đức, rồi loan truyền ra ngoài, cũng là "hướng ngoại khoa tinh tấn." Tu đạo thực sự là "thời thời cần phát thức, mạc sử nhạ trần ai," tức là ngày ngày ta phải mang gương của chính mình ra lau chùi cho sạch sẽ. Tấm gương của ta là gì? Đó chính là Phật tánh sẵn có của chúng ta, giống như một tấm gương lớn tròn, và cũng là nguồn sáng, trí huệ của chính chúng ta vậy.

*Tòng tha báng, nhiệm tha phi,*

*Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bị.*

*Ngã văn cáp tự ẩm cam lồ,*

*Tiêu dung đôn nhập bất tư nghị.*

Dịch:

*Mặc ai biếm, mặc ai dèm,*

*Châm lửa đốt trời nhọc xác thêm.*

*Ta nghe như uống cam lồ vậy,*

*Tan hết vào trong chẳng nghĩ bàn.*

**Tòng tha báng, nhiệm tha phi:** "Tòng" là tùy theo; "tha" là người khác; "báng" là hủy báng, nói xấu; "nhiệm" là phó mặc; "phi" là dèm pha một cách không chánh đáng, cũng cùng nghĩa với hủy báng. Câu này nghĩa là mặc người ta hủy báng, mặc người ta muốn phê bình ra sao cũng được, mọi người cứ tùy tiện nói xấu ta, hay bảo ta sai, ta cũng mặc họ.

**Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bị:** Mang mồi lửa đốt trời, đốt cách nào cũng không thấu trời, chỉ tự chuốc lấy sự mỏi mệt, mình thì hứng lấy tro bụi, có khi mang họa lửa vào thân. Đó là ý của hai câu "tòng tha báng, nhiệm tha phi, bảo hỏa thiêu thiên đồ tự bị."

Bỗng nhiên, vô duyên vô cớ, có người đến gây sự với ta, nói xấu ta đổ tội lên đầu ta; rõ ràng là ta chẳng làm điều gì mà người ta nhất định bảo chính ta đã gây ra; ta luôn luôn giữ đúng quy củ; đại khái họ mang những chuyện không đâu, chẳng liên hệ gì với ta để nói xấu ta; phải chi, điều họ nói là đúng, thì không nói làm gì, đó chẳng phải là nói xấu mà là công đạo; đảng này, họ nói một cách vô lý, chẳng cho ta có dịp để giải thích mà cứ một mực hủy báng ta như vậy, lúc đó chúng ta nên mặc kệ họ, mặc họ nói xấu, mặc họ dèm pha, họ muốn nói gì thì họ nói. Vô duyên vô cớ hủy báng như thế cũng giống như người cầm mồi lửa đốt trời, cuối cùng chỉ kẻ đó chuốc lấy sự mỗi tay, tự mình làm khổ mình.

**Ngã văn cấp tự ẩm cam lồ:** Khi nghe những người chỉ trích rằng ta không đúng, nói xấu ta, vô duyên vô cớ vu oan cho ta, đại khái những điều tiếng như thế, ta nghe xong cảm thấy như được uống nước cam lồ, hay uống những vị ngọt ngào như đường, như mật.

**Tiêu dung đốn nhập bất tư nghị:** "Đốn nhập bất tư nghị," là lập tức có ngay một sức mạnh giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, một công phu làm cho tâm không động. Chuyện vừa ý nghịch ý, cũng lãnh thọ dễ dàng, hay hay dở chẳng động tâm, bất cứ là hủy báng hay khen ngợi, trong lòng vẫn bình thường chẳng nao núng. Đó chính là "tự ẩm cam lồ," chính là "tiêu dung đốn nhập bất tư nghị."

*Quán ác ngôn, thị công đức,*

*Thử tắc thành ngô thiện tri thức.*

*Bất nhân san báng khởi oán thân,*

*Hà biểu vô sanh từ nhẫn lực.*

Dịch:

*Xét lời ác ấy công đức,*

*Đó mới chính là thầy ta thực.*

*Chớ vì báng bỏ khởi oán, thân,*

*Sao tỏ vô sanh, nêu nhẫn lực.*

**Quán ác ngôn:** Quán, là quán sát, là nhìn nghe, cũng cùng nghĩa như chữ thính là nghe, nhưng tại sao ở đây không dùng chữ "thính" - thính ác ngôn? Mà lại nói là quán ác ngôn? Quán là hồi quang phản chiếu, quay ngược lại mà quán tự tánh. Câu "phản cầu chư kỳ," cũng cùng nghĩa như công phu hồi quang phản chiếu.

Gặp người nói với ta bằng ác ngôn, ta nên hồi quang phản chiếu, lấy diệu quan sát trí để quán sát. Quán sát như vậy chính là diệu quán, là cách phân tích. Khi chúng được thánh quả thì sẽ có bốn trí. Khi chưa chúng, thì bốn trí đó có chăng? Cũng có, nhưng có sơ sơ, chưa đến chỗ rốt ráo. Ai cũng đều có một chút diệu quan sát trí, cũng biết quán, cũng có quán lực, và khi quán rồi thì sát, sát cái gì? Quán cái gì? Tức là quán sát ác ngôn.

Có bốn thứ ác, thuộc về lời nói: Nói thêu dệt, nói dối, ác khẩu, nói lưỡi hai chiều. Ác ngôn chính là ác khẩu, tức là buông ra những lời vô lễ, không hợp lý, vô cớ gây sự.

**Thị công đức:** Chúng ta nên nghĩ rằng những lời đó chính là các chất béo, các sinh tố, các chất bổ dưỡng, rất tốt cho cơ thể chúng ta. Chúng ta đang thiếu chất sinh tố, nay có người mắng ta, chính là họ cho ta sinh tố; ta vốn chẳng có công đức gì, nay được nghe người chửi mắng ta, tức là người cho ta công đức; phước báo ta không có, nay có người mắng ta, đó là phước báo. Thí dụ như quý vị tin Phật tức là quý vị đã có chút công đức rồi, nhưng quý vị cũng còn phải qua sự thử thách mới biết được, cho nên có câu nói:

*Nhất thiết thị khảo nghiệm,*

*Khán nhĩ chảm ma biện*

*Địch diện nhược bất thức,*

*Tu tái tòng đầu lai.*

Câu trên nghĩa là hết thấy đều là sự thử thách, coi quý vị xử sự ra sao. Gặp thử thách mà quý vị xử sự không đúng, thì quý vị phải tập lại từ đầu.

Nếu quả quý vị nghĩ được như vậy tức là theo được câu "quán ác ngôn thị công đức."

**Thử tắc thành ngô thiện tri thức:** Người nào dùng lời ác nói với ta, ta cho rằng đó là điều hay cho ta, như vậy là họ đã giúp ta, họ chính là vị thiện tri

thức của ta vậy. Ta tu đạo mà chẳng thành tựu, có người giúp ta thành tựu; ta làm công đức mà không thành tựu, có người giúp ta thành tựu công đức; ta cầu mà không mãn nguyện, có người tác thành cho ta, giúp ta mãn nguyện.

**Bất nhân san báng khởi oán thân:** Chẳng vì người nói xấu và chê cười ta mà ta sanh lòng oán hận. Đối với những lời dèm pha, nói xấu, ta chẳng hề có chút gì gọi là tức giận, gọi là buồn bực, gọi là oán ghét, mà ngược lại ta còn đem lòng biết ơn. Ta giữ lòng bình đẳng, không oán không thân, bởi vì ta đủ sức từ bi nhẫn nhục, không tham, sân, si, ba thứ độc này, ta nghe người mắng ta, ta không oán, không ghét, cũng không sanh tâm hoan hỷ, đó chính là tâm bình đẳng, giống như nghe mà chẳng nghe.

**Hà biểu vô sanh từ nhẫn lực:** Nếu như chẳng đạt tới trình độ này, thì làm sao biểu hiện nổi vô sanh pháp nhẫn, cũng như lòng từ bi nhẫn nại?

Do đó chúng ta phải làm thế nào để khi gặp cảnh nghịch mà coi như cảnh thuận; để tìm thấy cái hay trong cái dở; để đối với kẻ thù địch mà có thái độ hòa giải, không đối đầu, không mang trong lòng ý nghĩ cừu hận. Nếu hiểu được đạo lý đó mới gọi là hiểu

Phật pháp một cách chân chánh.

*Tông diệc thông, thuyết diệc thông*

*Định huệ viên minh bất trệ không.*

*Phi dân ngã kim độc đạt liễu,*

*Hằng sa chư Phật thể giai đồng.*

Dịch:

*Tông cũng thông thuyết cũng thông,*

*Định huệ sáng tròn chẳng trệ không.*

*Nào phải mình ta riêng đạt đấy,*

*Hằng sa chư Phật thể chung đồng.*

**Tông diệc thông, thuyết diệc thông:** Nói về "Tông" thì nguyên tại Trung-hoa có năm tông phái Phật giáo lớn: Thiên, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Chữ

"tông" ở đây là nói về tông Thiên bởi Đại sư chú trọng về tông này. "Thông" nghĩa là thông suốt, "thuyết" là thuyết giảng, đây chỉ về "Giáo tông."

**Định huệ viên minh bất trệ không:** Do giới luật mà có định huệ. Phải trì giới mới có định, có định mới có huệ. "Viên" nghĩa là viên dung, không bị chướng ngại; "minh" là sáng, là soi sáng khắp nơi. "Trệ" là trì trệ; "không" là hư không, cũng có nghĩa là chân không.

**Phi dẫn ngã kim độc đạt liễu:** Không phải chỉ có một mình ta là thông suốt được các pháp đó.

**Hằng sa chư Phật thể giai đồng:** Chư Phật, nhiều như số cát sông Hằng, đều cùng một bản thể.

Cớ sao nói "tông" là Thiên tông, và "thuyết" là "Giáo tông"? Đại sư Vĩnh-Gia là hàng pháp tượng của thiên tông cho nên bất cứ một lời nào của ngài cũng thuộc phạm vi Thiên tông. "Tông diệc thông" tức là đối với Thiên tông, ngài đã thông hiểu, thông suốt, không còn một chướng ngại nào. "Thuyết diệc thông" tức là đối với giảng kinh, thuyết pháp, ngài cũng thông suốt, không chướng ngại.

Trong Thiên tông, có người phê bình Giáo tông là không đúng, cũng có người thuộc Giáo tông chỉ trích Thiên tông. Đúng như lời Hàn Dũ nói: "Nhập giả chủ chi, xuất giả nô chi; nhập giả phụ chi, xuất giả vu chi." Tại sao lại có sự trạng "nhập chủ xuất nô, nhập phụ xuất vu" như vậy? Nguyên do vì người ta chẳng "thông," thiên không thông, giáo cũng không thông, chưa tới chỗ viên dung vô ngại, hóa cho nên thấy mình là đúng còn người thì sai. Căn bệnh này sanh ra lối nhận thức "nhập chủ xuất nô," vì ưa thích tông của mình nên cho nó là đúng, không thích tông kia bèn cho nó là sai. Vì cố chấp thiên kiến nên chỉ trích sai lầm, dẫn tới sự phê bình cả Phật pháp, một pháp diệu mâu vô thượng. Bởi vậy mới có câu:

*Tác tại tâm, vọng tại thân,*

*Bất tu oán tố cánh vu nhân.*

*Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp*

*Mạc báng Như Lai chánh pháp luân.*

Dịch:

*Tại tâm làm, tại thân chịu,*

*Đừng có kêu oan chớ trách người.*

*Muốn khỏi nghiệp vương muôn kiếp lụy,*

*Vành xe chánh pháp chớ chê cười.*

Bởi chúng chưa đạt tới trình độ viên thông vô ngại, tông chưa thông, giáo cũng chưa thông, nên mới cố chấp vào thiên kiến của mình, và buông lời chỉ trích giáo lý mà Phật đã để lại. Những loại người này, thật là đáng thương, họ đã báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, để phải đọa vào địa ngục. Tới lúc đọa, mà vẫn không hay biết! Quý vị thấy như vậy có phải là đáng thương không?

Tông cũng thông, giáo cũng thông! Tại sao nói như vậy? Bởi vì định huệ đều viên minh. Định đầy đủ, huệ đầy đủ. Như thế nào mới có định huệ viên minh? Chính là do trì giới. Bởi vậy người tu hành, nếu không trì giới cũng giống như thức ăn ngon mà trộn lẫn phân của súc vật, chẳng ai ham, thậm chí còn bịt mũi xa lánh; không trì giới lại cũng có thể ví như lấy cát để nấu thành cơm ăn vậy. Cho nên người tu đạo tất phải chú trọng vấn đề trì giới kéo đi tới chỗ lừa người lừa mình, dối người dối mình. Dối mình thì không thể định huệ viên minh, dối người thì làm cho mọi người mất lòng tin.

Từ đó, định huệ viên minh chẳng trệ không. Trệ không, tức là ngừng nghỉ ở chỗ *không*, dừng bước lại không tiến nữa. Vậy thì có thoái chăng? Cũng không thoái. Đó là trạng thái bồi hồi dừng chân ở giữa đường. Gọi là trệ không chính là tới một chỗ như một điểm không, rồi không tiến nữa, dừng lại nơi chỗ không đó.

Về hai câu: "Phi đàn ngã kim.....," Đại sư Vĩnh-Gia nói rằng chẳng phải chỉ một mình Ngài thể hội được đạo lý này, mà Hằng hà sa số chư Phật cũng từ cơ sở này mà chứng quả, chứng được pháp thân Phật.

Căn cứ mấy câu này trong bài ca, tuy không có lời nào đề cập tới việc trì giới, nhưng thực sự giới luật đã nằm trong hai chữ "định huệ." Nếu quý vị không thực sự trì giới, quý vị sẽ không thể có định lực, mà không có định lực tức không có huệ lực. Bởi vậy, trong Phật pháp không nên trộn lẫn lộn các thứ hỗn tạp, như vậy có khác gì mắt bị mờ vì cát bụi, chúng ta nhất định phải cung hành một cách thực tiễn, chớ không phải chỉ nói thiền ở cửa miệng.



*Sư-tử hồng, vô úy thuyết,*

*Bách thú văn chi giai não liệt.*

*Hương tượng bốn ba thất khước uy,*

*Thiên long tịch thính sanh hân duyệt.*

Dịch:

*Sư tử hồng thuyết vô úy,*

*Trăm thú nghe qua xé óc tủy.*

*Hương tượng chạy dài hết liệt uy,*

*Thiên long lặng ngắm lòng hoan hỷ.*

**Sư-tử hồng, vô úy thuyết:** Sư tử là vua trong loài thú. Phật thuyết pháp ví như tiếng rống của sư-tử, không hề kiêng sợ bất cứ cái gì. Một khi thuyết pháp thì:

**Bách thú văn chi giao não liệt:** Các giống chim muông, thú vật nghe tiếng rống đều hãi sợ đến nát óc tủy.

**Hương tượng bốn ba thất khước uy:** Voi là loài to lớn nhất trong loài thú, bề vệ oai phong, vậy mà khi nghe tiếng rống của sư-tử cũng hồn phi phách tán, sợ hãi kinh hoàng, chẳng còn oai phong gì nữa.

**Thiên long tịch thính sanh hân duyệt:** Chỉ có tám bộ thiên long lặng lẽ nghe sư-tử rống mà khởi tâm hoan hỷ.

Đại ý chỗ này muốn nói rằng, pháp Phật như tiếng rống của sư-tử. Còn muông thú thì ví như cái gì vậy? Muông thú chính là nói về số bàng môn tà đạo, tà thuyết dị đoan, các loại tà giáo đó. Cũng như loài muông thú, khi nghe tiếng rống của sư-tử thì mất mặt kinh hồn, đến nỗi té vãi đại tiểu tiện ra, luýnh quýnh không biết xử sự ra sao, số thiên ma ngoại đạo khi nghe tới chánh pháp thì trong lòng hốt hoảng bất an. Hương tượng có thể ví như lãnh tụ của ngoại đạo, và trong trường hợp này cũng mất hết thần thông, mất cả trí huệ, mất cả uy tín đối với các đồ chúng, cho nên nói "hương tượng chạy dài hết liệt uy." Đối với thiên long bát bộ, các vị thiện thần hộ pháp, cho đến

mười phương chư Phật và Bồ-tát thì lại hết sức hoan hỷ, hăng hái, tán thán. Cho nên, chúng ta là những người tin Phật, không nên lui tới, tham gia cùng số ngoại đạo. Những lời tà thuyết dị đoan, đều là những thứ mê hoặc, khuyên dụ người ta sanh tâm tranh đua, tham lam, mong cầu cho quyền lợi ích kỷ, suốt ngày chỉ toàn là những chuyện dối mị, thị phi.

*Du giang hải, thiệp sơn xuyên,*

*Tâm sư phỏng đạo vị tham thiên.*

*Tự tông nhận đắc Tào-khê lộ,*

*Liễu tri sanh tử bất tương quan.*

Dịch:

*Chơi biển cả dạo rừng thiêng,*

*Tìm thầy hỏi lấy đạo tham thiên.*

*Từ ngày rõ nẻo Tào-khê ấy,*

*Mới hay sống chết chẳng tương can.*

**Du giang hải, thiệp sơn xuyên:** Đây là nói ngày xưa các vị đại đức cao tăng, thường đi hành cước để hỏi đạo. Họ chẳng quản ngại, núi cao sông lớn, đường xa diệu vợi, nhất tâm đi cầu thầy hỏi bạn, đi khắp mọi nơi tham vấn các thiện tri thức. Nơi ở các vị này thì chẳng ai muốn tới, vì đó là những chỗ thâm sơn cùng cốc, hoặc những hang động trong núi. Họ là những người không bỏ gốc tìm ngọn, bỏ gần mà cầu xa, họ không cầu gì ở thế gian, không có gì còn ham muốn trong cuộc sống xã hội, không có điều gì tranh đua với nhân thế. Họ ưa ở nơi hoang dã, lên cao nhìn xa, lấy bóng cây rậm rạp để qua ngày, lấy nước suối trong để tắm rửa. Sống nơi rừng sâu, hốc núi, họ không thấy có chướng ngại, chẳng có gì trói buộc, không người không ta, không phải không trái, chỉ còn dốc một lòng tu đạo. Bởi vậy, quý vị thấy, nếu muốn gặp các thiện tri thức đó thì ắt phải khổ cực lặn lội đường xa, cho nên có câu trong bài ca: "Du giang hải thiệp sơn xuyên."

Tâm sư phỏng đạo vị tham thiên: Đây là nói Đại sư tìm hỏi đạo nơi các vị thiện tri thức, các minh sư, các bạn đạo, nên đi khắp nơi hành cước. Hành cước chẳng phải là đáp máy bay, ngồi xe lửa, xe ca, xe hơi, cũng không phải

cưỡi xe đạp, mà là đi bộ. Có người nói đi như vậy là ngốc! Ngốc nhưng Đại sư là người khai ngộ. Còn mọi người thì thông minh? Thông minh nhưng tới nay vẫn còn trong vòng si mê. Cho nên, vì tham thiền mà ngài tìm thầy học đạo. Pháp môn tham thiền đòi hỏi một sự dụng công. Đào giếng, chẳng phải cứ đào lên là có nước ngay. Cũng như vậy, chẳng phải một bước là tới ngay được Tây phương cực lạc, chẳng phải tu hành một phút là thành Phật ngay. Phải tham. *Tham* là phải chuyên tâm nghiên cứu, không nghĩ vẩn vơ, phải chuyên nhất, *tỷ* như gà ấp trứng, ngày ngày ấp ủ, giữ sao cho trứng được ấm áp, đến ngày đến giờ thì trứng sẽ nở con. Tham thiền là như vậy đó! Cũng như rồng nuôi ngọc, một niệm không rời, không một khắc nào ngưng nghỉ; như mèo rình chuột, chờ chuột xuất hiện, chuột không ra thì thôi, nếu lộ đầu là bị mèo vồ, chạy không kịp. Tham thiền mà được kiên nhẫn như vậy, tự nhiên sẽ có ngày khai ngộ. Cho nên có câu "cửu tọa hữu thiền," tức là ngồi lâu thì tự nhiên sẽ có tỉnh ngộ. Chữ "thiền" nguyên là tiếng Phạn, dịch là tĩnh lặng, tức là các sự suy tư nghĩ ngợi ngưng lại, khiến cho tâm biến thành tĩnh lặng.

Tự tông nhận đắc Tào-khê lộ: Nghĩa là từ ngày theo pháp môn của Tào-khê.

Liễu tri sanh tử bất tương quan: Liền hiểu thấu hết thấy mọi pháp là chẳng sanh chẳng diệt, chuyện sanh tử chẳng đặt thành vấn đề gì nữa.

Làm sao để liễu thoát sanh tử? Phải đạt tới chỗ vô lậu.

Làm sao để chứng được vô lậu? Phải *đoạn dục, trừ bỏ ái*, thì sanh tử hết, và chứng được pháp vô lậu.

*Pháp vô lậu nói trong kinh Phật chính là cách thức làm sao để chữa bệnh, trừ bỏ niệm ô nhiễm, để còn lại niệm thanh tịnh.*

*Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện*

*Lục căn hốt động bị vẩn giá.*

Dịch:

*Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện*

*Sáu căn chột động, tức mây che.*

Quý vị nên dốc lòng tìm hiểu kỹ ý nghĩa này, theo đúng đạo thì tiến, chẳng phải đạo thì thoái.

Bài "Chứng Đạo Ca" này đúc kết những điều tâm đắc trong một đời tu hành của Đại sư Vĩnh-Gia, đã giải bày hết nỗi lòng của ngài cho mọi người hay biết, có thể nói là chứa đựng một niềm thiết tha, không còn có gì dấu diếm. Chúng ta nghe xong bài ca, nên học cho thuộc lòng, đọc thuộc một cách lưu loát, rồi mỗi ngày đọc tụng vài lần, đó chính là một "cảnh sách" vô hình, một vị thiện tri thức vô hình vậy. Quý vị chẳng nên đọc lướt qua, mà phải đọc cho thuộc một cách trôi chảy, kéo uổng một buổi nghe "Chứng Đạo Ca." Quý vị đã thuộc ca từ, tự nhiên tâm thần lãnh hội, thấm nhuần quán thông, tức thấu suốt mọi ý nghĩa đạo lý trong đó. Nếu chẳng thuộc, tất nhiên chẳng thể lãnh hội một cách đúng đắn. Bởi vậy quý vị chẳng nên để cho buổi nghe kinh trôi qua vô ích mà phải dụng tâm tìm hiểu kỹ càng những điều đã được nghe giảng.

*Hành diệc thiên, tọa diệc thiên,*

*Ngữ mặc động tĩnh thể an nhiên.*

*Túng ngộ phong đao thường thảo thảo,*

*Giả nhiều độc dược dã nhàn nhàn.*

*Ngã sư đắc kiến Nhiên-đăng Phật.*

*Đa kiếp tăng vi nhân nhục tiên.*

Dịch:

*Đi cũng thiên, ngồi cũng thiên,*

*Nói im động tĩnh thấy an nhiên.*

*Phóng gập gươm đao thường nhẹ hững,*

*Ví nhằm thuốc độc vẫn bông tênh.*

*Thầy ta được thấy Nhiên-đăng Phật,*

*Bao kiếp từng làm tiên nhân nhục.*

Mấy câu ở đoạn trên: "Tông diệc thông, thuyết diệc thông. Định huệ viên minh bất trệ không. Phi đản ngã kim độc đạt liễu. Hằng sa chư Phật thể giai đồng," tác giả nói về thiền tông thì thông đạt, mà giảng kinh thuyết pháp cũng thông đạt vô ngại. Tông và Giáo hai thứ không chướng ngại với nhau, và cùng dung thông với nhau.

Ở đoạn này: "Hành diệc thiền, tọa diệc thiền. Ngũ mặc động tĩnh thể an nhiên. Túng ngộ phong đao thường thân thân. Giả nhiều độc dục dã nhàn nhàn," là ý nói người dụng công tu tập, thì ở nơi nào, lúc nào cũng là dụng công cả; đi, đứng, nằm, ngồi, trường hợp nào cũng đều tham thiền.

**Hành diệc thiền, tọa diệc thiền:** Nói "thiền," là chỉ nói một nửa của tiếng Phạn thiền-na, dịch nghĩa ra là tu về tư-duy, cũng dịch là tĩnh lự. Thế nào là tư-duy? Chính là sự hồi quang phản chiếu, quay về cầu nơi mình mà không đi ra ngoài tìm kiếm, lấy sự tư duy để tu. Thế nào gọi là tĩnh lự? Tư lự là vọng tưởng, mà vọng tưởng thì khó ngưng nghỉ, khó làm cho bất động. Khi vọng tưởng bất động gọi là tĩnh. Tĩnh lự là trạng thái như như bất động, liễu liễu thường minh, nghĩa là tuy bất động mà rất sáng suốt, hay tuy sáng suốt mà lại bất động. Chữ động là nghĩa của giao động.

Trạng thái tĩnh lự nó như thế nào? Ví dụ như trong nước có bùn đục, nếu không để cho nước yên lặng, bùn sẽ không lắng xuống, khiến cho nước vẫn đục, nhìn qua thấy nước không trong sáng. Cũng như vậy, tĩnh lự là khi mọi phiền não đều ở trong trạng thái tĩnh lặng.

Còn tham thiền thì không phải khi ngồi mới là tham. Đó là quan niệm "chết" về thiền. Phải quan niệm thiền một cách sống động. Phải quan niệm thiền như con rồng, con hổ sống, tức là rất sinh động. Tuy nhiên, sinh động như vậy, mà bản thể của nó lại bất động. Đó chính là tu về tư-duy, là tĩnh lự, là tham thiền. Muốn tham thiền, quý vị phải ngưng lại mọi vọng tưởng, để cho trí huệ chân chánh xuất hiện, rồi, đi cũng thiền, đứng cũng thiền, ngồi cũng thiền, nằm cũng thiền, lúc nào cũng không ngưng dụng công, lúc nào cũng trong trạng thái tu hành. Quý vị phải nhiếp tâm lại, dùng công phu đó cho tới khi thuần thực, đến chỗ, trong không có tâm, ngoài chẳng có hình, đằng xa chẳng có một vật, vạn sự vạn vật đều gom lại làm một, đó chính là:

*Nhất bản tán vi vạn thù*

*Vạn thù nhưng quy nhất bản.*

hay:

*Nhất vi vô lượng,*

*Vô lượng vi nhất.*

Tức là một chẳng ngại nhiều, nhiều chẳng ngại một, và phải đi tới một cảnh giới như vậy.

Tại sao nói ở trong không có tâm? Ở ngoài chẳng có hình? Đàng xa chẳng có vật chất gì? Chẳng phải những thứ đó là không có, chẳng qua là quý vị đã làm cho tâm phân biệt của quý vị ngưng lại; khi tâm phân biệt đình chỉ thì gốc trí huệ sẽ hiển hiện.

Tại sao tâm thức phân biệt của chúng ta không nghỉ? Mỗi ngày, từ sáng đến tối, vọng tưởng cứ đến liên miên, giống như sóng trên mặt biển vậy? Bởi vì ta không dùng chúng lại, chúng ta nghĩ cái này, cái kia, nghĩ Đông nghĩ Tây; nếu như không có vọng tưởng thì chính là "chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện," chế phục cái tâm lại một nơi, tất cả mọi sự đều xong. Nói rằng: "Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu," việc làm đã xong, sau không còn thọ sanh nữa, đó là cái hay của tham thiền, chẳng còn phải chịu vòng sanh tử, cho nên đi cũng thiền mà ngồi cũng thiền.

**Ngữ mặc động tĩnh thể an nhiên:** Ngữ là nói, mặc là không nói; động là hành động; tĩnh là không hành động. Thể an nhiên, là bản thể an nhiên bất động, bất luận lúc nói hay lúc không nói, lúc hành động hay lúc an tĩnh. Bản thể này là gì? Là Phật tánh của chúng ta. Phật tánh của chúng ta thì không do không sạch, không sanh không diệt, chẳng đi chẳng đến, chẳng tăng chẳng giảm, cho nên nói bản thể an nhiên.

Tới được cảnh giới này rồi thì:

**Túng ngộ phong dao thường thản thản:** Giả sử có bị dao kề thân mình, kiếm chém vào mình, mình vẫn tự tại, không thấy khổ đau. Tại sao vậy? Bị khổ chẳng qua là vì chấp trước. Nếu chúng ta phá được chấp trước, thì đau khổ gì cũng không còn, khoái lạc gì cũng như không. Quý vị khoái lạc ư? Quý vị ham sự khoái lạc chính là quý vị chấp trước; quý vị sợ đau khổ? Đó cũng là chấp trước; quý vị buồn rầu? Đó cũng là chấp trước; quý vị phiền não? Đó cũng chấp trước. Nếu quý vị không còn chấp trước, thì dầu có dao kiếm kề thân mình, quý vị cũng vẫn thản nhiên tự tại, hoan hoan hỷ hỷ, không còn tí gì là khổ sở gian nan.

**Giả nhiều độc dược dã nhàn nhàn:** Nếu uống phải thuốc độc, cũng coi như không, chẳng có gì là ghê gớm, lại có khả năng coi thuốc độc như cam-lồ, bất luận thuốc độc gì cũng vậy mà thôi. Sao có thể được như vậy? Vì không chấp trước. Chấp ngã và chấp pháp đã phá được, thuốc độc bèn hết tác dụng. Ví như sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma khi tới Trung-hoa, bị mọi người coi rẻ, bâng môn tả đạo coi rẻ, cho người tìm cách đầu độc Tổ, trước sau tất cả sáu lần, nhưng thủy chung vẫn không thấy kết quả gì. Đó chính là "giả nhiều độc dược thị nhàn nhàn," thuốc đầu độc cũng chỉ là trò chơi chẳng có vấn đề gì, đây chính là một thí dụ để làm bằng chứng.

**Ngã sư đặc kiến Nhiên-đăng Phật:** Ngã sư, Đại sư Vĩnh-Gia xưng như vậy. Ngã sư là ai? Đó là Phật Thích-ca Mâu-ni là Sư Phụ của hết thầy mọi Phật-tử, cho nên mới nói một cách chân thiết là thầy tôi. "Đặc kiến Nhiên-đăng Phật," là ý nói đức Phật Thích-ca trong kiếp quá khứ đã gặp Phật Nhiên-đăng, và được Phật Nhiên-đăng thọ ký cho.

Hồi đó, trong thời kỳ tu nhân, Phật Thích-ca tu hạnh đầu đà. Có một hôm, nhân trên đường có một khúc bị ngập nước, khó đi, lại vừa lúc thấy có một vị tỳ-kheo già đi tới. Đức Phật Thích-ca bèn tự nguyện lấy thân mình làm việc bố thí, Ngài nằm dài xuống, bắc ngang qua chỗ ngập nước, rồi mời vị tỳ-kheo già bước lên thân mình. Thân của Ngài cũng chưa đủ dài để có thể che hết chỗ nước, Ngài phải xõa tóc ra phủ lên chỗ bùn nước sót lại, rồi mời vị tỳ-kheo già bước lên đầu tóc mình mà đi qua. Vị tỳ-kheo đó là vị cô Phật Nhiên-đăng. Phật Nhiên-đăng thấy Ngài lấy thân thể ra để bố thí cúng dường cho mình, nằm xuống lót đường rồi lại rải tóc đắp vào vũng bùn để cho mình bước lên, một tấm lòng thành như vậy thật là hy hữu, do đó sau khi quán sát nhân duyên của Phật Thích-ca, liền thọ ký cho Ngài, và nói như sau: "Đời sau ông sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni."

Thích-ca Mâu-ni là tiếng Phạn, dịch nghĩa thành Năng-nhân Tịch-mặc. Năng nhân nghĩa là đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả; Tịch-mặc là đầy đủ bốn đức, thường, lạc, ngã, tịnh; tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Từ, bi, hỷ, xả khiến cho chúng sanh, tùy cơ mà thấm được mưa pháp.

**Đa kiếp tăng vi nhĩn nhục tiên:** Đức Phật Thích-ca tu phước đức trong ba kỳ, trông tướng tốt trong trăm kiếp. Ba kỳ là ba đại kiếp a-tăng-kỳ.

Như thế nào là kiếp? Tính theo tuổi thọ của người thế gian, cứ một thời tăng và một thời giảm thì gọi là tiểu kiếp. Tăng là kể bắt đầu từ lúc tuổi thọ chỉ có mười tuổi, rồi cứ mỗi trăm năm tuổi thọ tăng lên một tuổi, thân cũng cao lên

một thốn (1 inch). Lúc mười tuổi, thân người cao tối đa là một thước, mỗi trăm năm tăng một thốn (1 inch), tuổi thọ tăng một năm. Như vậy tăng cho tới khi nào tuổi thọ là tám vạn bốn ngàn tuổi thì dừng lại và sau đó là giảm xuống. Mỗi trăm năm thân người giảm đi một thốn (1 inch), tuổi thọ giảm một năm, giảm cho tới khi tuổi thọ chỉ còn là mười tuổi. Chu kỳ này gồm một tăng và một giảm, gọi là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp thành một trung kiếp, bốn trung kiếp thành một đại kiếp. Thế giới trải qua bốn thời kỳ thành, trụ, hoại, không, trong hai mươi tiểu kiếp.

Đức Phật Thích-ca tu hết ba đại kiếp a-tăng-kỳ. A-tăng kỳ cũng là tiếng Phạn, một con số lớn đối với Ấn-độ, gọi là vô lượng số. Ba vô lượng số lớn gọi là ba đại kiếp a-tăng kỳ.

Trong khoảng thời gian dài xa lắc đó, Đức Phật vẫn không hề sao lãng tâm bồ-đề, dầu trong giây phút, luôn luôn hằng hái tinh tấn. Ngài phát tâm bồ-đề rộng lớn, phút giây chẳng rời, nhằm tu phước (tức làm các việc thiện) trải qua suốt thời gian ba đại a-tăng-kỳ kiếp, và Ngài tu huệ, đọc tụng các kinh điển Đại thừa. Như vậy, phước đủ, huệ đủ, mới gọi Đức Phật là lưỡng túc tôn. Trong khoảng thời gian dài tu phước huệ này, cố nhiên Ngài đã trải qua nhiều cảnh ngang trái, do đó nhất định phải tu hạnh nhẫn nhục.

Tu hạnh nhẫn nhục chính là gieo trồng các tướng tốt. Bởi có nhẫn nhục nên tướng Phật rất trang nghiêm. Người nào có tính hạnh xấu, tướng mạo cũng xấu. Người này tướng mạo đoan chính, tâm địa hiền lành, chính vì gieo trồng tướng tốt; còn người kia, tướng mạo xấu xí, âm thanh yếu ớt, ngôn ngữ không rõ ràng, chính vì không gieo trồng tướng tốt. Chính là, một cái thiện hết thấy đều thiện, một ác hết thấy đều ác; một vẻ đẹp mọi vẻ đều đẹp, một vẻ xấu, mọi vẻ đều xấu. Bởi vậy, chúng ta phải tránh hết sức điều cáu giận, phải học hạnh nhẫn nhục. Biết nhẫn nhục, tướng mạo sẽ thành đoan chính, viên mãn, khiến mọi người sanh lòng yêu kính, muốn cùng ta gần gũi, chớ không phải né tránh chúng ta như tránh lựu đạn, tránh gươm súng.

Đức Phật Thích-ca lúc xưa làm tiên nhẫn nhục. Một hôm, tại chỗ Ngài tu, có vua Ca-lợi đi săn, mang theo một số cung nỏ và thể nữ vào sâu trong rừng. Số người này thấy có một người râu dài, đầu tóc cũng dài, hình dáng kỳ quái, lấy làm sợ hãi vô cùng, nhưng động lòng hiếu kỳ tới gần coi ra sao. Một người gan dạ trong bọn hỏi:

—Này! Người làm gì ở đây?

—Tôi ở đây tu.



–Người tu đạo gì?

–Tu đạo nhân nhục. Bất cứ gặp hoàn cảnh nào, tôi cũng nhân nại chịu đựng.

Số cung nga, thể nữ, phi tần, từ trước tới giờ chưa hề gặp ai có vẻ quái dị như vậy, nên xúm lại vây quanh. Không thấy người này ăn thịt ai, không thấy y hành hung ai, lại ăn nói giống như mọi người, nên tất cả quây quần lại, kẻ hỏi điều này, người hỏi điều kia. Tiên nhân nhục, vì tu hạnh nhân nhục, nên rất tự nhiên, chẳng tỏ ý ngại ngùng gì, vui lòng trả lời các câu hỏi.

Vào lúc đó, vua Ca-lợi từ chỗ sẵn, quay trở lại, trông thấy các cung nữ, phi tần của mình xúm xít chung quanh một người có râu tóc dài như vậy, không hiểu họ đang làm chuyện gì, bèn lại gần xem thấy các cung nữ cùng người đó nắm tay nhau y như bạn thân thiết, trong lòng ghen tức mới hỏi:

–Ê! Người ở chỗ này làm gì?

–Tôi ở đây tu đạo, tu nhân nhục.

Vua Ca-lợi bèn hỏi tiếp:

–Tu nhân nhục gì? Người chỉ quyền rũ các cung nữ của ta, chớ nhân nhục gì? Người thực tu nhân nhục ư?

–Tôi thực là tu hạnh nhân nhục.

–Người tu nhân nhục? Vậy thì tốt! Ta thử thí nghiệm công phu nhân nhục của người ra sao!

Nói rồi, vua Ca-lợi liền rút kiếm chặt đứt cánh tay của tiên nhân nhục và nói:

–Bây giờ người có nhân nhục hay không?

–Có nhân nhục.

Vua Ca-lợi chặt nốt cánh tay kia của tiên nhân nhục, nói rằng:

–Ta bảo người đang mê hoặc bọn cung nữ mà còn giả bộ, người muốn dối ta sao?

Bây giờ thì người còn có thể nhân nhục được không?

–Còn.

Vua Ca-lợi bèn chặt luôn cả hai chân của tiên:

–Bây giờ thì ngươi còn nhẫn nhục nữa không?

–Tôi vẫn nhẫn nhục.

–Ngươi chỉ nói láo, không nói thực. Ngươi thấy ta có kiếm, sợ ta chém đầu của ngươi để ngươi phải khổ sở nên ngươi không dám nói thật là ngươi không nhẫn nhục được, ngươi phải dối ta. Ngươi cứ bảo là có thể nhẫn nhục, vậy rốt cuộc ngươi lấy gì để chứng minh rằng ngươi không nói dối?

Tiên đáp:

–Nếu như tôi không thể nhẫn nhục thì tứ chi của tôi sẽ không thể chấp lại được; nếu đúng là tôi có nhẫn nhục, trong lòng tôi không sanh oán hận, thì tứ chi của tôi sẽ khôi phục lại như cũ.

Nói xong câu này, quả nhiên tay chân của tiên được chấp lại đầy đủ. Vua Ca-lợi vẫn chưa tin, nói:

–Ngươi đúng là loài yêu quái. Tay chân đã bị chặt đứt rồi nối lại như cũ, đúng là tà thuật, tà pháp. Ai tin được ngươi?

Lời nói trên của vua Ca-lợi làm cho tám bộ hộ pháp thiên long phần nộ, nghe xong họ tính đánh chết vua Ca-lợi. Vào lúc ấy, tiên nhẫn nhục cầu khẩn họ hãy lưu tình, đừng hại vua Ca-lợi, tiên nói: "Ngày sau, khi tôi thành Phật, tôi muốn trước hết độ cho người này."

Khi Phật Thích-ca thành đạo, người đầu tiên là Kiều-trần-như được Ngài độ tại vườn Nai. Tôn giả Kiều-trần-như chính là vua Ca-lợi năm xưa. Cho nên, phàm người ta phát nguyện điều gì, chung cuộc điều phát nguyện vẫn được thành tựu.

Làm tiên nhẫn nhục chẳng phải là dễ, và cũng có người nói: "Phật cũng nổi nóng!" Cho nên, nhẫn nhục một cách thường xuyên không phải là chuyện dễ dàng. Nhẫn một lần, có thể được; nhẫn lần thứ nhì, còn tạm được; lần thứ ba, nhẫn không được, tâm ắt nổi nóng.

Bây giờ, xin kể thêm một câu chuyện nữa về nhẫn nhục của một người tu đạo. Vị này cũng tu hạnh nhẫn nhục, nhưng về sau tới lúc không nhẫn được nữa, gây thành chuyện giết hại cả toàn dân trong một nước, còn lợi hại bội phần hơn những kẻ chuyên giết mướn.

Số là, một hôm, trên đường du hóa, đức Phật Thích-ca cùng các đệ tử đi tới một nơi, quang cảnh rất hoang dại, tiêu điều, đi cả ngàn dặm đường mà không gặp một ai, các đệ tử mới hỏi Phật: "Tại địa phương này, đất thì phì nhiêu, lại rộng lớn mênh mông, cứ sao không có một người nào ở như vậy?" Phật bảo:

"Trước đây, ở nơi này có một vị tu hạnh nhẫn nhục. Hồi đó có một vị tể tướng bị vua bãi chức, trở về làm dân. Ông tể tướng đã từng nghe qua về vị tu hạnh nhẫn nhục này, lại biết ông rất đạo đức, và có linh cảm. Ông tể tướng bèn đi kiếm vị tu đạo để thỉnh giáo, ông nói:

–Vua không cho tôi làm tể tướng nữa, ông có cách gì có thể khiến cho vua hồi tâm, chuyển ý, đừng giúp tôi được không?

–Có thể được. Tôi chỉ cho ông một phương pháp này, ông cứ theo đó mà làm thì có thể trở về lại chức tể tướng như cũ. Ông làm như thế này: "Ông lấy một nhúm đất rồi nhỏ nước vào, cho nó thật dơ dáy, xong rây vào người của tôi, làm như thế ông sẽ được trở về nguyên chức.

Quả nhiên, ba ngày sau khi làm đúng như vậy, ông vua liền tuyên chiếu kêu gọi ông tể tướng trở về và cho lại chức cũ. Ông tể tướng rất nhớ ơn vị tu hạnh này. Hồi đó vị chánh cung của vua bị đầy vào lãnh cung. Bà suy nghĩ về vụ ông tể tướng được phục hồi chức, cho rằng chắc hẳn ông tể tướng phải có phương pháp gì hữu hiệu. Bà hỏi:

–Hồi trước ông đã bị vua bãi chức, sau đó được phục hồi ngay nguyên chức, như vậy là nghĩa làm sao?

–Nguyên do là tôi có đi hỏi một vị tu hạnh nhẫn nhục. Ông ta bảo tôi lấy một chút nước trộn với đất rồi rây lên người ông, như vậy những chuyện không hay của tôi sẽ trút hết lên con người của ông, do đó đức vua mới cho kêu tôi lại.

–Vậy tể tướng giúp tôi đi hỏi dùm, coi tôi phải làm cách gì cho đức vua hồi tâm chuyển ý.

Ông tể tướng tới hỏi thì được trả lời như sau:

–Thân phận của bà ấy cao quý hơn ông, bà ấy phải dùng tới một bát nước rồi trộn bùn đất vào, sau đó rẩy lên người tôi, như vậy đức vua sẽ cho triệu bà ấy trở về chánh cung.

Quả là linh nghiệm, sau khi thực hành đúng lời dặn, vua liền triệu bà ấy cho làm chánh cung như cũ.

Chính vào lúc đó, nước láng giềng cho quân xâm lấn, chiến tranh phát khởi, và quân lính của vua nước này không thể ngăn chặn nổi, lần nào giao tranh cũng bị thua, cứ phải rút lui dần dần. Trong một thoáng, vua bưng nghĩ ra: "Trước đây ta không muốn dùng ông tể tướng này, nhưng sau không hiểu sao ta lại triệu hồi y? Lại còn bà hoàng hậu nữa, ta vốn không ưa, sau này ta lại đổi ý, vậy là có gì? Ta thử hỏi hai người này, coi họ có pháp thuật gì đây." Sự thể được trình lại cho vua như sau: "Trong xứ của chúng ta có một vị tu hạnh nhẫn nhục. Vị này gặp sự việc gì cũng nhẫn chịu được, lại có thể chuyển hết lên thân mình những điều xui xẻo của người khác, khiến cho họ được may mắn, cho nên chúng tôi đều gặp may cả, được vua thương cho trở về chức cũ."

Vua bèn phán:

–Nay nước của chúng ta gặp vận không may, ông đi kiếm vị tiên nhẫn nhục đó, coi vị này có biện pháp nào làm cho nước chúng ta thắng lợi trong cuộc chiến này chăng?

Sau khi tể tướng thương lượng, vị tu đạo ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

–Tôi thường chẳng muốn xen vào chuyện của người khác, nhưng vì trú ngụ ở nơi này tu hành, tôi cũng có bổn phận báo ơn vua, vậy cũng hay! Ông hãy lấy một thùng nước, trộn bùn đất, rồi nói với vua tưới lên người của tôi, như vậy thì quân nước ta sẽ thắng trận.

Vua y kế thi hành, quả nhiên sau đó, ở tiền tuyến quân sĩ thắng hết trận này đến trận khác. Trong buổi khai hoàn, mừng thắng lợi, vua nói:

–Nước nhà gặp vận xấu, may nhờ cầu quốc bảo hỗ trợ - tức vị tiên tu nhẫn nhục mà chúng ta đã chuyển bại thành thắng chúng ta phải báo ơn này.

Do chuyện báo ơn mà mọi người đều hay biết nguyên ủy. Rồi quý vị thử nghĩ coi! Từ đó những ai thấy mình không may mắn, vận khí xấu, đều chạy tới nhờ vị đó chuyển vận giùm, người này rẫy nước, kẻ kia ném đất, trút cả lên thân hình của vị tu hành, đến nỗi khắp mình mẩy của ông thành một đồng bùn đất, nhớp nhúa vô cùng. Tất cả dân chúng trong nước hầu như đều góp phần làm tội tình ông - người thì muốn chuyển vận, người mong phát tài, kẻ cầu trúng số đua ngựa, hồi đó chưa có đua ngựa, có thể là đua chó. Ai cũng muốn điều tốt đẹp cả, khiến cho người tu hành hết chịu được nhẫn, phải kêu lên: ‘Ê! Các người thật là đáng chết!’ Chỉ vì một niệm tưởng đó mà tất cả nhân dân trong nước đều bị chết sạch. Bởi vì nguyên do này, cho nên bây giờ suốt mấy ngàn dặm đất ở đây, chúng ta không thấy có bóng người."

Quý vị nghĩ lại coi, tuy đây là truyền thuyết, nhưng ta phải nhớ rằng những người tu hành cũng có lúc không nhẫn nhịn được, bởi vậy có câu nói: "Thà khuấy động nước của một ngàn con sông, chớ không khuấy động lòng người tu hành" (ninh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm), tức là không nên làm tổn hại đến sự an vui của người tu hành. Lúc xưa, Phật Thích-ca tu hạnh nhẫn nhục, trải một kiếp không thành, và không rõ Ngài đã tu trong bao nhiêu kiếp, do đó mới nói: "Bao kiếp từng làm tiên nhẫn nhục."

Trước đây cũng có một người tu nhẫn nhục, đã rất lâu chưa thấy mình cáu giận, trong lòng bèn nảy sanh tâm kiêu hãnh, quảng cáo cho mọi người hay. Ông treo một tấm bảng trước cửa nhà, trên đề mấy chữ: "Tánh như tro lạnh," ý muốn cho tất cả biết rằng mình là một người không biết bực tức nóng giận. Không rõ treo bảng trong bao lâu, có một hôm, Quán Thế Âm Bồ Tát đi ngang qua trông thấy bảng đó, Ngài liền biến hóa thành một người cùng khổ đi xin ăn, tới hỏi vị tu hành:

—Tấm bảng của ông treo đó đẹp lắm, trên lại có mấy chữ nữa. Mấy chữ này đọc ra sao, xin ông nói cho biết?

Vị này nghĩ rằng, người xin ăn muốn hiểu ý nghĩa mấy chữ "tánh như tro lạnh," liền đáp:

—Mấy chữ này đọc là "tánh như tro lạnh," bỗn tánh ví như tro lạnh, nghĩa là trong đám tro một đóm lửa cũng không còn, bất cứ gặp chuyện gì chẳng xứng ý cũng không nổi nóng.

Người xin ăn cảm ơn và bước ra, nhưng đi được ba bước thì quay lại hỏi:

—Mấy chữ này đọc như thế nào tôi lại quên mất?

–"Tánh như tro lạnh," nghĩa là người tu hành này không nổi nóng, lòng như tro lạnh, ráng ghi nhớ đi.

–Cám ơn lắm!

Nhưng đi không xa, người ăn mày lại trở lại hỏi nữa:

–Tôi lại quên nữa rồi. Mấy chữ này là gì đây?

–Tánh như tro lạnh.

Người ăn mày đi ra, rồi trở lại, cứ như vậy mười mấy lần luôn. Lòng của vị tu hành lúc này như tro mà lại có lửa, ông nổi nóng:

–Tánh như tro lạnh! Tánh như tro lạnh! Cứ hỏi mãi!

Người ăn mày nói:

–Hóa ra tro của ông hãy còn lửa a! Thôi xin chào!

Nói rồi bay lên trên không, hiện thành Bồ Tát Quán Thế Âm.

Vị này nghĩ: "Bấy lâu nay tu, mong được gặp Quán Thế Âm Bồ Tát một lần, không dè tu mãi mà lòng vẫn chưa nguội lạnh, gặp Ngài mà không nhận ra, thật uổng! Đáng thương biết bao nhiêu!" Nghĩ rồi khóc sụt sùi, y có dè đâu lửa còn âm ỉ trong đám tro, phút giây bốc cháy, chút nữa đốt luôn cả thân mình.

Qua trường hợp tu nhẫn nhục của vị trước, chúng ta hãy thử suy ngẫm: Ông tể tướng nhờ vị tiên nhẫn nhục chỉ dẫn cách thức nên vua triệu hồi y cho làm lại chức cũ; bà hoàng hậu cũng được sự chỉ dẫn này mà thoát ra khỏi cung lạnh; vận nước không may mà biến thành may mắn; tại sao như vậy? Chúng ta nên hiểu rằng, phàm người có đức hạnh, lại có công tu, có đạo đức, có trí huệ, nếu họ hồi hướng cho ta, mong cho ta hưởng điều may mắn, vạn sự hanh thông, thì chắc chắn ta sẽ được lợi lạc. Nguyên do, bởi đạo lực của họ hơn người, nên một khi tâm họ dấy lên một sự mong ước, cầu sự tốt lành cho ta, ta sẽ được hưởng mọi sự lành. Thậm chí có kẻ gặp cảnh ngộ đáng chết, vậy mà, được hồi hướng cũng có thể sống lại, bởi vì người tu hành đó, đầy đủ công đức, có khả năng sai khiến quỷ thần, bảo quỷ thần làm cho cái này hoặc làm cho cái kia. Tỷ như có người đã tới số, vua Diêm vương đã cho giấy mời đến dự tiệc, nhưng khi được dặn dò nên tha cho người đó thì

người này bèn sống lại. Lẽ dĩ nhiên, phải làm sao cho người tu nói trên động tâm mới được, bởi có sự cảm ứng thì sự việc mới thành. Bất cứ cảnh huống nào, chỉ cần vị đức hạnh đó một lòng hồi hướng cho ta thì việc dữ sẽ hóa lành, mọi tai nạn sẽ qua khỏi. Ngược lại, nếu ta làm cho các vị này bức tức, thì chỉ cần một động niệm của họ, kết quả sẽ rất tai hại, cho nên ở trên đã nói: "Thà khuấy động nước của một ngàn con sông, chớ không khuấy động tâm của người tu đạo."

Người tu đạo, mỗi ngày mỗi tu thành tựu được đạo nghiệp, tu hành được trí huệ, đạt tới từ, bi, hỷ, xả, thì chỉ cần một niệm dấy lên, lòng nghĩ tới là sự việc thành, đạo lực tới độ như vậy đó! Cho nên, quý vị phải nỗ lực tu hành, nếu thực sự có công đức, thì có thể tùy duyên biến hóa vô cùng, thậm chí có thể dời non lấp biển.

Hãy xem như vị tiên tu nhẫn nhục, khi vị này dấy niệm rằng: "Bọn các người đáng chết!" Thì quả nhiên tất cả mọi người, chẳng những không được may mắn, mà còn gặp cảnh chết chóc, tại sao như vậy? Đó là do công lực tu hành tới độ có thể khiến Diêm vương quý thần phải thi hành y theo ý nghĩ của vị đó. Bởi vậy, mỗi khi chúng ta gặp ai tu hạnh nhẫn nhục, xin ghi nhớ chớ nên đắc tội với họ, kéo họ nổi nóng thì tai hại vô cùng.

Chúng ta là những người tu học, nếu tu nhẫn nhục thì kết quả sẽ có tướng mạo đẹp đẽ, đoan chính. Đức Phật Thích-ca có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, chính là kết quả của công phu Ngài tu nhẫn nhục. Bất cứ ai, muốn cho mình có giáng đáp đẹp đẽ, anh tuấn, thì phải tu nhẫn nhục. Có ai đánh ta, ta chẳng bức tức; mắng ta, ta chẳng oán hờn, lòng ta nhẫn nhịn, đó là đức hạnh, ngày sau tướng mạo của ta sẽ đẹp đẽ trang nghiêm. Ngược lại, nếu ta ngày ngày cau có, thì tương lai sẽ là quý đói, chẳng đẹp đẽ gì, xin quý vị hết lòng ghi nhớ!

*Kỷ hồi sanh, kỷ hồi tử,*

*Sanh tử du du vô định chỉ.*

*Tự tông đốn ngộ liễu vô sanh,*

*Ư chư vinh nhục hà ưu hỷ.*

Dịch:

*Máy hồi tử, máy hồi sanh?*

*Sanh tử mơ màng không định dứt.*

*Tự thời thoát ngộ pháp vô sanh,*

*Con vinh nhục mừng lo gì tá?*

**Kỷ hồi sanh, kỷ hồi tử:** Đây là ý nói đức Phật Thích-ca đời nọ tiếp đời kia, bao lần tu nhân nhục, bố thí sanh mạng.

**Tự tòng đốn ngộ liễu vô sanh:** Bất cứ ai tu hành, nếu đốn ngộ, chứng được pháp vô sanh nhân, là biết tu hạnh nhân nhục.

**Ư' chư vinh nhục hà ưu hỷ:** Có ai sỉ nhục ta, có gì đâu mà buồn; có ai khen ta, có gì đâu mà vui? Vinh nhục chẳng buồn động tâm. Mọi sự xảy đến, gặp mọi hoàn cảnh, ta đều sống với công phu nhân nhục.

Bồ-tát Di-lặc tu nhân nhục, nên Ngài có bụng phê, và bụng của Ngài có thể chứa mọi thứ mà thế gian không chứa nổi. Ngài luôn luôn cười, Ngài nhìn người thế gian rất buồn cười. Chúng ta xem như vậy thì đủ hiểu.

Như Đức Phật Thích-ca, trong thời gian Ngài tu nhân, đã xả thân làm mồi cho hổ. Hổ là ác thú, Ngài đem sanh mạng của mình bố thí cho hổ, hổ ăn thịt của Ngài nên không bị chết đói. Chim ưng cũng là một loại ác điều. Ngài cắt thịt của mình cho chim ưng ăn khi thấy nó đói không bay được và nó sắp sửa ăn thịt con chim bồ câu. Ngài lóc thịt trên toàn thân mình cho nó ăn như vậy. Quý vị thử nghĩ coi, xả thân làm mồi cho hổ, cắt thịt trên thân mình cho chim ăn, điều này thực chẳng ai làm được!

Trong thời kỳ tu nhân, Đức Phật Thích-ca xả thân mình không biết bao nhiêu lần, hy sanh tính mạng cho nhân loại không biết bao nhiêu lần. Trong tam thiên đại thiên thế giới, khắp hết mọi nơi, không một chỗ nào, thậm chí nhỏ như hạt bụi mà không phải là nơi mà chư Phật mười phương đã từng bố thí sanh mạng. Nói một cách khác, mỗi chỗ nhỏ như hạt bụi là mỗi địa điểm mà chư Phật mười phương đã từng hy sanh thân mạng, bố thí thân thể của mình. Nếu quả chúng ta hiểu được ý nghĩa này, thì còn có gì mà chẳng buông bỏ được? Để đến nỗi chấp trước? Để tới ngày tính tới tính lui, làm sao có tiền, làm sao cho phát tài? Quý vị muốn mình phải phát tài, thì tự nhiên sẽ phát tài, chẳng cần phải dụng tâm nghĩ mưu kế như vậy.

*Nhập thâm sơn, trú lan-nhã,*



*Sầm cương u thúy trường tùng hạ.*

*Ưu du tĩnh tọa dã tăng gia,*

*Khuych tịch an cư thực tiêu sai.*

Dịch:

*Vào rừng sâu, ở lan-nhã,*

*Núi dựng, tùng già, ôm bóng cả.*

*Thong dong ngồi tịnh mái chùa tranh,*

*Cảnh lặng lòng yên thanh thoát lạ!*

**Nhập thâm sơn, trú lan-nhã:** Đoạn này nói người tu hành nên tìm nơi thâm sơn cùng cốc, những hang động, những chỗ tĩnh mịch để tu. Lan-nhã là tiếng Phạn, có nghĩa là nơi tịch tĩnh. Nhã là tịch, không có tiếng động; tĩnh là an tĩnh, không động. Tĩnh và động trái nghĩa với nhau, tĩnh là chẳng động, động là chẳng tĩnh.

Phải trú ngụ ở hang động. Tại sao cần phải tới tận rừng sâu hốc núi, những chỗ heo lánh như vậy? Bởi vì tu ở nơi đô hội rất khó khăn. Vừa chớm có chút định lực, mọi thứ duyên lại ào tới, uổng mất công phu, cho nên cần phải ở chỗ tĩnh mịch, ẩn cư nơi rừng sâu hốc núi.

**Sầm cương u thúy trường tùng hạ:** "Sầm cương" là núi cao. Ở vùng núi đá có những chóp núi nhô cao lên, gọi là "u thúy." Những nơi này hết sức u tĩnh, không ồn ào như chỗ đông người. Ở đây mà tu tập thiền định dưới bóng tùng xanh, rồi hấp thụ linh khí của núi sông, để hòa nhập chung với trời đất.

**Ưu du tĩnh tọa dã tăng gia:** "Ưu du" là siêu nhiên tự tại, chẳng có gì trói buộc, chẳng có gì ngăn ngại, không người không ta, siêu thoát hẳn ngoại vật. "Dã tăng," ý nói trong bộ điệu giống như người rừng. Bởi không câu nệ bề ngoài nên râu mọc dài, móng tay dài, khắp người lông lá. Tuy nhiên, đây là một vị tăng, xa lánh thế gian, không tranh đua với người, không tranh tài sắc, tranh danh lợi, tranh ăn uống, không ham nằm cho êm ái, ngủ dưới đất, ngủ cũng được mà không ngủ cũng được. Có gì ăn được thì ăn, mà không ăn cũng vậy. Về danh thì khỏi cần nói, ở đây không có thanh âm, không có mùi

hương, không có người, không có ta; về sắc, thì rõ ràng chẳng có cái gì gọi là nhan sắc mỹ lệ; về tài - của cải - thì xung quanh đâu có gì để tranh đua.

**Khuyết tịch an cư thực tiêu sái:** Tại nơi cư ngụ của người xuất gia rừng rú này, không khí rất vắng lặng, không ai thấy vết tích nào của đời sống phồn hoa, không ai nghe một tiếng ồn ào tranh cãi. Đúng là tĩnh mịch, tiêu sái, thông dong tự tại, ta chẳng cần để ý tới ai, mà chẳng ai chú ý tới ta, không có gì gây phiền nhiễu, đó mới là tự do thực sự.

Đây là đại ý của đoạn văn trên. Nghĩa lý của nó thật là vô cùng tận mà chúng ta phải ráng lãnh hội, ngộ được cảnh giới này. Cho nên mỗi người chúng ta phải phát huy trí năng của mình đạt được trí huệ thì mới có thể tới được "bảo sở."

*Giác tức liễu bất thi công,*

*Nhất thiết hữu vi pháp bất đồng.*

*Trụ tướng bồ thí sanh thiên phước,*

*Do như ngưỡng tiền xạ hư không.*

Dịch:

*Biết là xong chẳng cần công,*

*Thầy thầy hữu vi pháp bất đồng.*

*Của cho trụ tướng phước trời hưởng,*

*Vì như tên bắn nhắm hư không.*

**Giác tức liễu:** Điều mà Phật giáo chú trọng chính là **giác**. Chữ giác đây nghĩa là giác ngộ. Giác ngộ điều gì vậy? Đó chính là phá màng vô minh, dựng cho ánh sáng hiển lộ, khiến cho hắc ám tan biến mà thuật ngữ trong Thiên tông gọi là cái *thùng sơn đen*. Phá được thùng sơn đen thì cái trí huệ cố hữu của mọi người sẽ sáng tỏ. Đây là một sự khai phá, giống như khai phá đất hoang. Mà khai phá đất hoang thì phải dùng nhân công, phải tốn sức lực.

**Bất thi công:** Khai phá trí huệ thì chẳng cần sức lực gì, ta chỉ cần gạt bỏ cái tâm ô nhiễm, giữ cái tâm thanh tịnh, trở về với cái cội nguồn thanh tịnh của tánh chân như. Đó cũng chính là sự quay về nguồn, để minh tâm kiến tánh. Tuy nhiên, nói "bất thi công," chẳng dùng công sức, kỳ thực người tu phải đĩnh ninh một dạ, một niệm chẳng đờn chờ chẳng sao lãng, không phải như kiểu cách của kẻ "yết miêu trợ trưởng."

"Yết miêu trợ trưởng" là câu chuyện của một người nước Tống vào thời Liệt Quốc năm xưa. Người nước Tống kia, vì quá thông minh mà trở thành ngu xuẩn. Quá thông minh như thế nào? Sự việc không làm nổi mà cứ làm, chưa phải lúc làm mà cứ làm một cách ép uổng! Xin kể ra đây làm một thí dụ:

Ở nước Tống vào thời đó, có một người thấy cây lúa mạ của mình hãy còn thấp, muốn cho chúng mọc cao, mới nghĩ cách giúp cho cây mạ cao hơn nữa. Giúp bằng cách nào? Bằng cách kéo dài ra. Thí dụ, cây mạ chỉ cao một tấc, ông này kéo thêm ra hai tấc, cứ như thế kéo từng cây một, kéo suốt một ngày cho tới khi thân thể mệt mỏi mới trở về nhà. Người con hỏi lý do làm sao mà mỗi một, thì ông kể lại công trình kéo cây mạ của ông. Người con bèn đi ra ruộng coi thử phương pháp "giúp mạ mọc cao" của cha ra sao. Đến nơi, y chỉ thấy các cây mạ đã chết khô từ lúc nào.

Đây là trường hợp một người không biết tí gì về nghề trồng trọt. Chỉ biết nghĩ rằng, nếu cây chưa cao thì kéo dài ra cho cao thêm, chớ có biết đâu nếu kéo dài ra thì cây mạ sẽ chết! Đó là nói về người nước Tống. Tuy nhiên, chẳng cứ người nước Tống mới xử sự như vậy, thực tế vẫn có những người, làm những chuyện kỳ khôi, tin những chuyện kỳ quặc, khiến cho mọi người không biết đâu mà tin tưởng.

Trở về câu "giác tức liễu," giác đây nghĩa là gì? Giác là trí huệ. Mọi người đều sẵn có trí huệ, đại trí huệ chớ không phải tiểu trí huệ. Phật thành bậc đại giác, một bậc đại trí huệ, điều này chẳng có gì lạ lùng. Chẳng cần dụng công, không do một sự tạo tác nào, chẳng cần tới phương pháp "giúp mạ mọc cao" như vừa nói trên.

**Nhất thiết hữu vi pháp bất đồng:** Tuy nhiên, pháp vô vi thực sự không giống như pháp hữu vi, cho nên Kinh Kim Cang có nói như sau:

*Nhất thiết hữu vi pháp*

*Như mộng huyễn bào ảnh,*

*Như lộ diệc như điện.*

*Ứng tác như thị quán.*

Dịch:

*Hết thấy pháp hữu vi*

*Như mộng huyễn, bọt, ảnh,*

*Như sương, như điện chớp.*

*Phải nên quán như thế.*

Pháp hữu vi là nói những gì có hình tướng, khiến cho chúng ta quan sát được, nhìn thấy được. Chúng ta tạo ra cái gì thì cái đó biểu hiện ra, như vậy gọi là pháp hữu vi. Còn pháp vô vi thì không phải như vậy, pháp vô vi không cần sự tạo tác, vô vi là không làm, mà thực chẳng có gì là không làm (vô vi nhi bất vi).

**Trụ tướng bố thí sanh thiên phước:** Có người mê pháp hữu vi, chỉ mong được giàu sang, có danh vọng, địa vị lớn, quyền thế cao, đó là những người chấp tướng. Họ nghe nói nếu tu ngũ giới và thập thiện thì sẽ hưởng quả phú quý nên họ đã tận tình làm việc bố thí hữu vi, làm công đức chấp tướng.

Bố thí thì gồm tài thí, pháp thí, vô úy thí. Tài thí là bố thí tài vật, tiền tài, tức là một vật dùng để giao hoán thay thế phương thức lấy vật đổi vật của thời xưa. Pháp thí là ngày ngày giảng pháp cho người ta nghe, lấy pháp làm vật bố thí chúng sanh. Vô úy thí là đương lúc người ta gặp sự hoạn nạn, gặp hoàn cảnh khổ sở, chúng ta tìm cách an ủi họ, để cho họ hết mọi sự sợ hãi buồn rầu, đó chính là bố thí sự vô úy. Trong ba cách bố thí vừa kể, pháp thí là hơn cả.

Muốn lấy pháp bố thí thì phải có đủ chánh tri chánh kiến mới có thể giảng kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh, mang lợi lạc đến cho chúng sanh. Còn như tà tri tà kiến thì chỉ có thể dẫn chúng sanh đọa địa ngục, chẳng những không được công đức gì mà còn mang tội lớn. Nếu có chút công đức thì có thể được hưởng quả phước của các tầng trời, hưởng cho đến khi hết phước đó, sẽ trở lại thọ khổ.

**Do như ngưỡng tiễn xạ hư không:** Chỗ này nêu lên một thí dụ: Như ta lấy một cây cung, bắn một mũi tên. Mũi tên không nhắm vào hướng đông hay hướng tây, hướng nam, hướng bắc mà nhắm thẳng lên hư không. Cuối cùng, mũi tên chẳng tới được mục tiêu nào, chỉ bay lên không trung một lát rồi rớt xuống.

*Thế lực tận, tiễn hoàn trụ,*

*Chiêu đặc lai sanh bất như ý.*

*Tranh tự vô vi thực tướng môn,*

*Nhất siêu trực nhập Như Lai địa.*

Dịch:

*Đà bắn hết mũi tên rơi,*

*Kiếp sau hận cũ lại bồi bồi.*

*Sao bằng tự cửa vô vi ấy,*

*Một nhảy vào liền đất Như Lai.*

**Thế lực tận:** Ý nói bắn tên lên hư không là điều vô ích, chỉ uổng phí công đức, giống như dao chém nước chẳng ghi lại dấu vết gì. Đúng là kiếm chuyện làm cho rắc rối thêm.

**Tiễn hoàn trụ:** Mũi tên bắn lên rồi lại rớt xuống. Nhớ rằng bất cứ vật gì từ trên rơi xuống, đầu nào nặng sẽ quay xuống, đầu nhẹ quay lên, nên đầu mũi tên sẽ chúc xuống, và nếu quý vị vô ý, đầu quý vị sẽ hứng lấy mũi tên, rất là nguy hiểm.

**Chiêu đặc lai sanh bất như ý:** Nếu quý vị Bồ thí trong tinh thần chấp trước, tuy đó là gieo nhân tốt, nhưng phước báo này chẳng có tánh cách lâu dài. Nó chỉ tạm thời, nó đến và qua đi trong chớp mắt, chẳng nhờ cậy được bao lâu, do đó kiếp tới lại chẳng được như ý. Hoặc giả kiếp này quý vị có phước, kiếp sau cũng hưởng phước, kiếp tới nữa vị tất đã có phước. Phước hết thì sẽ chịu khổ. Hơn nữa, đã ở trong cảnh luân hồi, thì luẩn quẩn hoài trong vòng lục đạo. Nếu không ra khỏi được, không thoát được vòng sanh tử, thì tránh đâu khỏi cảnh bất như ý.

**Tranh tỵ vô vi thực tướng môn:** Như vậy thì đâu có thể so sánh được với pháp môn giải thoát của thực tướng và vô tướng? Cho nên:

**Nhất siêu trực nhập Như Lai địa:** Một bước là có ngay Pháp thân, là chứng được Phật quả, chẳng cần phải đi từng thứ bậc, trải qua biết bao nhiêu a-tăng-kỳ kiếp.

*Đản đặc bồn, mạc sầu mạt,*

*Như tịnh lưu ly hàm bảo nguyệt.*

*Ký năng giải thử như ý châu,*

*Tự lợi lợi tha chung bất kiệt.*

Dịch:

*Cột ở góc lo chi cành,*

*Như ngọc lưu ly ngậm ánh trăng.*

*Đã hay thấu được châu như ý,*

*Lợi ta lợi người không biết mấy.*

**Đản đặc bồn, mạc sầu mạt:** Chúng ta tu học Phật pháp, điều cần yếu là phải nhận ra đạo lý cội gốc. Đạo lý đó là gì? Chính là *đoạn trừ ái dục*, bớt sự ham muốn, biết lẽ tri túc, tức cũng là *đẹp những vọng tưởng*, loại vô bổ ích. Giữ được gốc rồi, thì những vấn đề chi tiết ngọn ngành chẳng cần quan tâm. Gốc là cái *chân*, giữ được gốc chính là đạt được trí huệ chân chánh, là tự tánh chân như, xưa nay vốn thanh tịnh, vốn chẳng động, vốn hiện thành. Cái gốc này cũng gọi là hạt ngọc như ý. Hạt ngọc như ý là gì? Chính là đại viên kính trí. Đạt được trí huệ này, các tư tưởng hữu lậu sẽ không còn nữa, do đó mới gọi là gốc.

**Như tịnh lưu ly hàm bảo nguyệt:** Gốc thì không hề bị nhiễm, không vương bụi, mọi nghĩ suy đều không, giống như một bình bằng lưu ly, trong suốt, ở bên trong là một vùng trắng. Bên ngoài thì tỏa ra ánh sáng long lanh, chiếu khắp mọi nơi, không có chỗ nào là bị nhiễm khí âm mà thuần một khí

dương. Đó là ngọc như ý. Như ý vì nó tùy theo tâm ý, biến hóa vô lường, dùng nó thì không bao giờ hết, diệu dụng của nó không thể kể hết.

**Ký năng giải thử như ý châu:** Nếu quý vị lãnh hội được ý nghĩa này, thông suốt được thể tánh của hạt ngọc như ý, tác dụng và công năng của nó thì:

**Tự lợi lợi tha chung bất kiệt:** Hạt ngọc như ý này, một loại trí huệ của đại viên kính trí, sẽ mang lại lợi lạc, không những cho chính quý vị mà còn cho nhiều người khác. Lợi mình, khiến cho mình không bị điên đảo; lợi người, tức người sẽ không bị điên đảo. Nói thêm một chút nữa, mình sẽ không hồ đồ, chúng sanh sẽ không hồ đồ, đó là nghĩa của lợi mình lợi người. Câu "chung bất kiệt" có nghĩa là không khi nào hết, muốn dùng tới lúc nào cũng được, bản chất của nó vẫn nguyên vẹn. Câu trên đây có ý nghĩa như vậy.

*Giang nguyệt chiếu, tùng phong xuy,*

*Vĩnh dạ thanh tiêu hà sở vi.*

*Phật tánh giới châu tâm địa ẩn,*

*Vụ lộ vân hà thể thượng y.*

Dịch:

*Trăng sông tỏ, gió tùng lay,*

*Đêm trường thanh vắng, để chi đây?*

*Ngọc giới hạnh, tâm in, tánh tỏ,*

*Trên mình mây ráng khoác làm y.*

**Giang nguyệt chiếu:** Giống như một con thuyền bơi trên sông, ánh trăng chiếu xuống mặt sông, cảnh tượng hết sức tự nhiên.

**Tùng phong xuy:** Gió lay cây tùng, đưa lại một mùi hương thoang thoang khiến cho mọi người có một cảm giác sáng khoái, đây cũng là cảnh đẹp của thiên nhiên.

**Vĩnh dạ thanh tiêu hà sở vi:** Đêm trường thanh vắng, chẳng có chuyện gì làm. Nhưng trong thời gian chẳng làm gì cả, tuy là vô vi, mà không có gì là chẳng làm (vô vi nhi bất vi).

**Phật tánh giới châu tâm địa ấn:** Trong đêm trường thanh vắng ấy, trước cảnh vật hoang dã của thiên nhiên, Phật tánh và giới châu liền hiển lộ. Giới châu đó chính là Kim Cang Quang Minh Bảo giới và cũng là tâm ấn trong pháp môn của chúng ta.

**Vụ lộ vân hà thể thượng y:** Như đoạn trên có nói: "Ngũ uẩn phù vân không khứ lai," tức là cái thân ngũ uẩn này chẳng khác gì đám mây trôi nổi, ví như sương mù, ví như quần áo khoác trên thân, chẳng phải phần bộ nào trong con người của mình, mà ở ngoài thân mình. Đó chẳng qua là một tấm áo khoác, dệt bằng mây, bằng sương mà thôi. Phật tánh mới là của mình, viên ngọc giới châu là của mình, bởi vậy chúng ta đừng nhận những cái kẻ ở trên là chân thật.

Chúng ta hiện nay sống ở thời mạt pháp, lúc Phật pháp sắp sửa diệt vong, thời kỳ mà ma mạnh pháp yếu, tà thịnh và chánh suy. Đó là lúc các loại tà thuyết đua nhau xuất hiện. Các tà thuyết này khi mới nghe qua thì có vẻ hợp lý, nhưng tựu chung nó sẽ dẫn tới cảnh vong quốc diệt chủng, nhân loại sẽ đi tới cảnh tận diệt.

Chúng ta đều hiểu rằng đạo lý của trời đất là sanh hóa bất tận, có âm có dương, có chánh có tà. Nếu chúng ta đi ngược lại lẽ âm dương tà chánh của tạo hóa, tất không tránh khỏi bị diệt vong.

Ngày nay, toàn thế giới đều sợ bệnh AIDS hay SIDA (dịch là "ái tử"). Chỉ nghe đọc lên danh từ đó, người ta cũng hiểu ngay nó là gì? Làm sao mà "tử"? Bởi vì "ái" một cách điên loạn, "ái" một cách không chánh đáng, ngược hẳn lại nguyên tắc sinh lý tự nhiên. Người ta lại còn mang nó ra tuyên truyền đề xướng, đi vào con đường mê muội, làm như mọi người chẳng biết phân biệt cái gì là chánh, cái gì là tà, cái gì là phải, cái gì là trái, lại còn muốn xin hợp thức hóa nữa! Bệnh AIDS (sida), "ái tử," chính là do số người đồng tánh luyến ái gây ra.

Số là, theo đạo lý thì có ngày tức phải có đêm, có thiện tức có ác, có nghịch tức có thuận, có trời tức có đất, đó mới là lẽ thường, lẽ tương đối của tạo hóa. Bởi ý nghĩa đó mà các thánh nhân đời xưa đề xướng trai với gái ở một nhà, rồi từ cái đạo lý lớn này mà định ra "lễ," cho nên có cái lệ trai ba mươi tuổi thì lấy vợ, gái hai mươi tuổi thì lấy chồng, đó là một điều trong luân thường. Gọi là ngũ luân, tức là năm mối quan hệ giữa vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng và bạn bè; gọi là tám đức tức là tám nét, *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm và si*. Sanh làm người chúng ta phải y chiếu vào ngũ luân và tám



đức mà ăn ở, chớ từ xưa tới nay chưa ai nghe nói có thứ luân lý nào bảo đàn ông chung chạ với đàn ông như vậy.

Thời kỳ mạt pháp có các loại ma quái xuất hiện, để công nhiên đề xướng những hành động diệt chủng, vong quốc, tiêu diệt nhân loại. Quý vị thử nghĩ coi, nếu ai ai cũng theo kiểu đồng tính luyến ái thì trong quốc gia sẽ không còn người, mà quốc gia không còn thì nhân loại sẽ thành diệt vong. Chúng ta còn sợ rằng trời đất sẽ không chờ đợi tới ngày đó, ngày mà nhân loại sẽ tự mình hủy diệt, vì ngay bây giờ đã thấy có bệnh AIDS ra đời. Cái bệnh "ái tử," cũng có thể gọi là "khoái tử"- chết mau - cho tới nay vẫn chưa kiếm ra được thuốc trị. Bệnh này làm mất sức đề kháng của người bệnh, do đó một khi họ bị tà khí bên ngoài xâm nhập, thì không còn phương cứu chữa.

Nguyên tôi cũng chẳng muốn nói tới vấn đề này làm gì. Nhưng hiện nay có những người chưa bị tà thuyết này mê hoặc, nên bắt buộc tôi phải nói ra. Nói ra sẽ có thể làm cho một số yêu ma quỷ quái không vừa lòng, nhưng tôi vẫn phải nói những điều tôi muốn nói. Thời kỳ này chính là thời tai kiếp, rất hiểm nghèo, chúng ta không thể khoanh tay làm ngơ, nhưng phải làm sao đây? Chúng ta phải cùng một lượt niệm danh hiệu Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát mới có thể hy vọng cứu vãn được tình thế này. Một khi Quán Thế Âm Bồ Tát hiển lộ thân thông thì bệnh gì cũng có thể cứu được, có thể cải tử hồi sinh, "buồn giận thành hoan hỷ, người chết trở lại sống, nếu nói đó là hư, chư Phật là nói dối." Chúng ta, tất cả mọi người hãy nên quy mạng về Ngài Quán Thế Âm đặng Ngài cứu độ cho nạn diệt vong này của nhân loại.

*Hàng long bát, giải hổ tích,*

*Lưỡng cổ kim hoàn minh lịch lịch.*

*Bát thị tiêu hình hư sự trì,*

*Như Lai bảo trượng thân tung tích.*

Dịch:

*Bát châu rồng, gậy giải cạp,*

*Hai dãy khoen vàng khua lạnh lốt.*

*Phải đâu hư sự giữ làm vì,*

### *Gậy báu Như Lai dấu tự ghi.*

**Hàng long bát:** Cái bát của người xuất gia gọi là "ứng lượng khí," có nghĩa rằng mình ăn được chừng nào thì bát chứa chừng đó, lấy đồ ăn cho vừa, không lấy quá nhiều, chỉ vừa đủ ăn mà thôi. Tuy nhiên, cái bát này không phải chỉ có công dụng chứa phần ăn mà nó còn là một vật báu, có khả năng hàng thiên ma, chế phục ngoại đạo, có khả năng chứa gọn cả tam thiên đại thiên thế giới, cho nên từ xưa, bát này đã được dùng để thâm rỗng, để trị bệnh, dụng ích của nó là vô cùng tận.

Rỗng là một loại chúng sanh ẩn hiện khôn lường, lại có thần thông và rỗng dữ còn có thể hại người. Rỗng mà phun hơi độc thì người nào bị trúng sẽ chết. Thật ra, thế nào là rỗng? Tánh tình của người ta cũng giống như một con rỗng. Như chúng ta luôn giữ tánh nét ôn hòa, không để cho tánh tình phát tác, tức là đã hàng phục được con rỗng của ta. Thát tình nổi lên, lúc có lúc không, bảo nó có thì nó có, bảo nó không, thì nó không, hốt nhiên đến, hốt nhiên đi, chẳng ghi lại tung tích dấu vết gì, cho nên ví nó như con rỗng vậy.

**Giải hổ tích:** Tích là cây tích trượng, mà người xuất gia thường dùng khi đi hành cước. Cây gậy này có hai cái vòng, tượng trưng cho *chân đế* và *tục đế*. Mỗi vòng lại có ba cái khoen, hai vòng thành sáu khoen, tượng trưng cho lục độ vạn hạnh. Năm xưa, một vị cổ đức dùng tích trượng rẽ đôi một cặp hổ đương khi chúng đấu với nhau kịch liệt. Đồi sau người ta kêu tích trượng là cây gậy giải cạp.

**Lưỡng cổ kim hoàn minh lịch lịch:** Thật là rõ ràng, hai cái vòng khua lên, lảnh lớt. Nói như vậy e rằng chấp tướng chăng? Thực ra là:

**Bất thị tiêu hình hư sự trì:** Không phải vậy.

**Như Lai bảo trượng thân tung tích:** Đây là cây gậy báu của Phật, do Phật trao tay cho đệ tử, nên nó được coi như pháp bảo. Người xuất gia có ba tấm y, một cái bát, là những vật bất ly thân, lại thêm cây tích trượng, đều là những pháp bảo trong đời tu hành. Tỳ-kheo thì phải cho đúng kiểu cách của tỳ-kheo; tỳ-kheo ni cũng phải theo đúng kiểu cách của tỳ-kheo ni. Đã là người xuất gia thì phải thực sự giữ đúng quy củ, chớ không thể bạ đâu làm đó, theo lối tùy tiện. Người ta nói: "Ba ngàn uy nghi, tám vạn tế hạnh" cho nên đó là những điều chúng ta phải đặc biệt chú ý.

*Bất cầu chân, bất đoạn vọng,*

*Liễu tri nhị pháp không, vô tướng.*

*Vô tướng, vô không vô bất không.*

*Tức thị Như Lai chân thực tướng.*

Dịch:

*Không cầu chân chẳng dứt vọng,*

*Mới hay chân vọng không, chẳng tướng.*

*Chẳng tướng, chẳng không không chẳng không,*

*Ấy mới Như Lai chân thật tướng.*

**Bất cầu chân, bất đoạn vọng:** Tại sao vậy? Bởi vì khi đã tới được gốc thì đâu cần quan tâm đến ngọn nữa. Trong một đoạn văn nói trước đây, đại ý của chỗ này đã được giảng rõ. "Như tịnh lưu ly hàm bảo nguyệt," là nói một bình bằng lưu ly trong sáng ở trong thì chứa một vầng trăng. Tất cả phát ra ánh sáng long lanh. "Ký năng giải thử như ý châu," là nói nếu chúng ta hiểu thấu đáo hạt châu như ý "tự lợi lợi tha chung bất kiệt," ta đã có lợi, lại còn lợi ích cả cho người khác, lợi mình, lợi người, lợi không bao giờ hết, dùng hoài không bao giờ cùng tận.

Thế nào gọi là gốc? Gốc là chỉ vấn đề sanh tử, vô minh; tới gốc là phá được vô minh, sanh tử. Phá xong vô minh là tới gốc, và khi đã tới gốc thì vấn đề ngọn ngành rất dễ giải quyết. Do ý nghĩa này nên mới có câu "không cầu chân, không đoạn vọng." Thực vậy, còn có cái chân nào phải cầu nữa đâu, vì một khi đã đạt tới cảnh giới không có cái mê lầm nào mà chẳng dứt, không có cái chân nào mà không tồn tại, thì đâu còn nói tới vọng, tất cả đều nhất loạt chân, ngay đến danh nghĩa của chân cũng không vương nữa.

**Liễu tri nhị pháp không vô tướng:** Bởi vì khi đã đạt được cái lý "chân" là vô tướng, thì "giả"? cũng không có hình tướng, chân vọng đều không hình tướng, có và không cũng không hình tướng. Bởi vì tự tánh ví như hư không, nên chân cũng như vọng cũng là hư không. Nếu quả quý vị chẳng còn sự mê hoặc, cái vọng tự nhiên sẽ không còn; nếu quý vị đã minh bạch thì chân cũng chẳng hiển hiện, do đó mới nói: "bất cầu chân, bất đoạn vọng, liễu tri nhị pháp không vô tướng."

**Vô tướng vô không vô bất không:** Chẳng tướng, cũng chẳng không, chẳng một hình tướng gì thì sao lại nói là có cái không? "Vô bất không" đây là nói về chân không. Chân không tức là Diệu hữu. Chân không là chẳng không, bởi vậy mới gọi là Chân không; Diệu hữu là không hữu, nên mới kêu là Diệu hữu.

**Tức thị Như Lai chân thực tướng:** Đây tức là lý thể của thực tướng, là của sự rớt ráo chẳng chấp trước, tất cả mọi thứ chấp trước đều bị phá. Đó là đại ý của đoạn văn này.

*Tâm kính minh, giám vô ngại,*

*Quách nhiên oanh triệt châu sa giới.*

*Vạn tượng sum la ảnh hiện trung,*

*Nhất hỏa viên quang phi nội ngoại.*

Dịch:

*Gương tâm sáng soi chẳng ngại,*

*Suốt thông chiếu khắp hằng sa giới.*

*Muôn tượng um tùm ảnh hiện trong,*

*Một điểm viên quang không nội ngoại.*

**Tâm kính minh:** Tâm của chúng ta là trí huệ đại viên kính – đại viên kính trí – và nếu quý vị tới được chỗ này, chứng được trí huệ này thì:

**Quách nhiên oanh triệt châu sa giới:** "Quách nhiên" vừa có ý nghĩa to lớn, vừa có nghĩa là ánh sáng. "Oanh triệt" là trong suốt long lanh, trong chiếu ra ngoài, ngoài chiếu vào trong, không bị ngăn ngại. "Châu sa giới" là cùng khắp pháp giới, không chỗ nào là không tới.

**Vạn tượng sum la ảnh hiện trung:** Mọi hiện tượng trong trời đất, mọi vật từ nhà cửa phòng ốc v.v.. đều hiện ra hình ảnh ở bên trong.

**Nhất lửa viên quang phi nội ngoại:** Điểm viên quang đó là của hạt ngọc như ý. Nếu quả quý vị giải được hạt châu như ý, thấu được chân nghĩa của nó thì *"lợi mình, lợi người, không thể dùng cho hết."* Hạt châu như ý sẽ tỏa ra ánh sáng, ánh sáng này chẳng phải ở trong, mà cũng chẳng phải ở ngoài. Đó là ánh sáng của tự tánh, của chính quý vị, có điều lâu nay quý vị không biết xử dụng nên nó bị mai một từ lâu rồi. Bây giờ quý vị mới hiểu, mới rõ, quý vị đã chứng được đại viên kính trí, cái điểm viên quang đó, do đó mới nói "một điểm viên quang không nội ngoại."

Người nghiên cứu Phật pháp, cần phải dụng công lâu dài, ngày ngày tham cứu, không ngưng nghỉ, ngày ngày huân tập giáo lý, giống như phương cách ngâm tẩm hay xông khói hương của người đời. Thí dụ dùng khói để xông một vật gì chẳng hạn, một ngày chưa thấy gì, hai ngày cũng chưa được gì, nhưng lâu dần sẽ thấy màu vàng xuất hiện, tức là vật đó đã bị ướp khói. Cũng như thế, một vật nguyên rất cứng, nhưng đem ngâm lâu ngày trong nước, nó cũng biến thành mềm. Con người vốn tánh cương cứng, nhưng một khi được huân tập giáo lý Phật pháp, cũng được biến cải, thành hai bên cương nhu giao hòa với nhau. Như quý vị vốn chẳng biết một pháp gì, nhưng sau một thời gian huân tập giáo lý, quý vị cũng sẽ thông hiểu Phật pháp.

Chúng ta chớ nên mắc cái tật quá hiếu kỳ. Hiếu kỳ quá đáng có thể dẫn chúng ta tới chỗ té ngã, rơi xuống hố sâu không ra khỏi được. Như mấy người ưa thám hiểm, không chỗ nào là không tới, đến nỗi có khi uổng mạng, mà uổng mạng thì còn giá trị gì? Chẳng phải lúc nào cũng đáng giá! Bởi vậy chúng ta phải luôn luôn có chánh tín, để tránh những lối đi ngõ ngách, những lối hắc ám. Ham cái mới, chuộng cái lạ cũng là bệnh chung của các tín đồ Phật giáo, để cuối cùng chẳng thu hoạch được kết quả gì, khiến uổng phí cả thời gian, đáng tiếc biết bao. Thường thường quý vị cứ nghĩ rằng quý vị chẳng có thời gian cho Phật pháp, nhưng sao quý vị lại có thời gian để chạy tới chỗ của bàng môn tả đạo. Như vậy rất dễ bị trúng tà độc, hiện tại chúng đây rầy khắp mọi nơi làm cho quý vị bị mê hoặc, để rồi tương lai quý vị cũng biến thành quyến thuộc của ma, gây thêm thanh thế cho ma vương. Bởi vậy quý vị Phật tử, có lòng chánh tín, không nên ngã theo đường lệch lạc, chớ theo lối tiêu xảo đầu cơ, mà phải chất phác thật thà học hỏi Phật pháp. Đó mới chính là kỷ phận của chúng ta.

*Khoát đạt không, bất nhân quả,*

*Mãng mãng dăng dăng chiêu vương họa.*

*Khí hữu trước không bệnh diệc nhiên,*

*Hoàn như tỵ nịch nhi đầu hỏa.*

Dịch:

*Đảm ngoan không, phá nhân quả,*

*Bừa bãi, rồi ren càng thêm họa.*

*Bỏ? có, niu không, bệnh vẫn nguyên,*

*Khác nào trốn nước sa vào lửa.*

**Khoát đạt không:** Trong đời có một loại người không tin vào chân lý, cũng không tin nhân quả. Luận điệu của họ là hết thấy mọi sự đều không, họ cho rằng con người khi mạng chung giống như ngọn đèn sau khi tắt, chẳng còn gì lưu lại. Đối với họ tất cả mọi thứ đều trở về không, do đó mới nói câu "khoát đạt không."

**Bát nhân quả:** Ý nói gạt bỏ nhân quả. những người này không tin rằng trong đời hễ gieo nhân lành thì gặt quả lành, gieo nhân ác thì gặt quả xấu, họ không tin vào chân lý đó. Họ chủ trương chẳng có nhân quả, chẳng có báo ứng, họ nhất loạt chối bỏ đạo lý nhân quả và báo ứng. Tuy nhiên, nhân quả và báo ứng chính là lẽ thật, làm sao mà chối bỏ được. Do đó họ là những kẻ hoàn toàn thiếu sự hiểu biết, họ biến thành những kẻ thô lỗ.

**Mãng mãng dăng dăng chiêu ương họa:** Mãng mãng nghĩa là lỗ mãng, thô tục, không hiểu biết gì hết; dăng dăng nghĩa là chẳng có quy củ. Còn tệ hại hơn nữa là chẳng những không giữ một phép tắc nào, lại còn vì gạt bỏ nhân quả nên những hạng người này đã làm sai quấy với nhân quả. Họ ắt gặp tai ương, hoạn nạn, gây nên bao nhiêu là nghiệp tội mà chính họ chẳng hay.

**Khí hữu trước không bệnh diệc nhiên:** Tại sao lại "khí hữu," tức là bỏ cái "có"? Bởi vì một khi đã cho rằng mọi sự đều không, chấp vào cái "không," cái gì cũng trở về không, thì căn bệnh này cũng giống như "bát nhân quả" vậy. Chấp "không," chấp "có" đều là thiên lệch, để rơi vào "nhị biên" tức chẳng phải là Trung đạo Liễu nghĩa.

Trung đạo Liễu nghĩa là chẳng không mà chẳng có. Bảo là không, nhưng nó có Diệu Hữu; bảo là có, thì nó lại là Chân Không. Bởi vậy, Chân Không và Diệu Hữu không hề chướng ngại với nhau.

Chân Không chẳng phải là cái không, vì còn có Diệu Hữu, nhưng Diệu Hữu cũng chẳng phải là cái có. Nó có một phần có, nhưng nó lại không phải là hoàn toàn có, bởi vì nó cũng là cái phi hữu, cho nên mới gọi là Chân Không, tức là hai mà chẳng phải hai.

Chân Không chẳng phải nhất định là không, cho nên kêu là Diệu Hữu; Diệu Hữu chẳng phải nhất định có, cho nên kêu là Chân Không. Nếu quý vị bỏ cái Diệu Hữu mà chấp cái Chân Không, là sai lầm, cho nên mới có câu: "*khí hữu trước không bệnh diệc nhiên,*" tức là nếu quý vị chấp vào lý không, thì cũng mắc tệ bệnh giống như bỏ cái có vậy.

**Hoàn như ty nịch nhi đầu hỏa:** Sự việc này giống như thế nào? Giống như khi quý vị tránh nước vì sợ bị chết đuối, quý vị lại đâm đầu vào chỗ có lửa. Lửa cũng là một tai nạn, khiến quý vị có thể chết vì lửa, đâu có khác gì quý vị chết vì nước? Bỏ có chấp không cũng giống như vậy, giống như người tránh nước mà nhảy vào lửa.

*Xả vọng tâm, thủ chân lý,*

*Thủ xả chi tâm thành xảo ngộ.*

*Học nhân bất liễu dụng tu hành,*

*Chân thành nhận tặc tương vi tử.*

Dịch:

*Buông vọng tâm, giữ chân lý,*

*Buông giữ tâm hoàn tâm xảo ngộ.*

*Đạo nhân chẳng rõ dốc lòng tu,*

*Chân thành nhận giặc làm con quý.*

Chúng ta là người tu đạo, nếu không biết dụng công, sẽ là những kẻ chấp trước rất nặng. Lỗi chấp trước nặng đó gọi là *"trên đầu lại mọc thêm đầu, cười lừa mà còn kiếm lừa."* Bởi hồ đồ, không giản trách, cứ nghĩ rằng phải:

**Xả vọng tâm:** Nghĩa là không nên có tâm vọng tưởng, mà phải mang những tâm đó xả bỏ đi. Kỳ thực, tâm vọng tưởng chỉ là hư dối, chẳng phải là cái này hay cái kia để có thể mang ra vứt bỏ. Chỉ cần chúng ta chẳng vọng tưởng là xong, đâu còn phải xả cái gì nữa?

**Thủ chân lý:** Chân lý chẳng phải ở đâu bên ngoài, để chúng ta kiếm. Nó ở ngay trong tự tánh. Nếu hết vọng tưởng, chân lý sẽ hiện ra. Nếu không hàng phục được tâm vọng tưởng, không chịu buông bỏ, lại chấp trước vào nó, tưởng là kiếm chân lý! Chân lý chẳng phải ở bên ngoài để kiếm, nó sẵn có trong tất cả mọi người, chẳng ai là không có, cho nên chúng ta chẳng cần phải "thủ," cũng chẳng cần phải "xả." Xả nghĩa là buông bỏ, thủ là giữ lại. Không cần nó là chấp tướng, mà giữ nó lại cũng là chấp tướng. Chân lý thì không có hình tướng, vậy làm sao chúng ta có thể mang cái tâm thủ xả này để tu hành được? Cũng vì lẽ đó, trong đoạn mở đầu của bài ca này có câu: *"Bất cầu chân, bất đoạn vọng."* Chẳng cầu chân, chẳng dứt hết vọng; nếu lại có chỗ để cầu, thì chẳng kiếm ra chân; nếu muốn dứt thì hóa ra vọng. Đó là ý nghĩa của "xả vọng tâm, thủ chân lý."

**Thủ xả chi tâm thành xảo ngụy:** Cũng vì có tâm thủ xả mà thành ra xảo ngụy. Nghĩa của xảo là trí huệ, mà ngụy là ngu si. Như vậy có trí huệ nhưng chưa phải là trí huệ chân chánh. Trí huệ chân chánh là *"vô trí diệc vô đắc,"* tức là chẳng có trí huệ mà cũng chẳng có cái được, nó là không hình tướng. Bởi vậy nếu chúng ta mang cái ý tưởng bỏ hay giữ; tức là trên đầu lại muốn mọc thêm đầu, cười trên lưng lừa mà còn kiếm lừa. Chân lý chính là bản địa phong quang, là cửa báu trong nhà, chẳng ở đâu bên ngoài để nhọc công tìm kiếm. Bởi vậy, bỏ và giữ là xảo ngụy, vì lẽ, bỏ và giữ chính là vừa trí huệ vừa ngu si.

**Học nhân bất liễu dụng tu hành:** Học nhân là nói người tu đạo, từ sáng đến tối, nếu chỉ nhằm việc xả vọng tưởng, giữ chân lý, dụng công như vậy thì:

**Chân thành nhận tặc tương vi tử:** Chẳng khác gì nhận giặc làm con của mình. Nếu quả quý vị cứ một mực xả vọng tưởng, tức có nghĩa rằng quý vị có một tên giặc phải dứt bỏ. Trong cái vọng lại sinh thêm một cái vọng.



Còn như "giữ chân lý," thì chân lý chẳng có hình tướng, chẳng có gì để quý vị giữ, cũng chẳng có gì để quý vị xả. Quý vị chẳng hiểu rõ đạo lý này nên mắc phải cái lầm "cười lừa mà kiếm lừa"- con lừa mà quý vị đang cười trên lưng, vậy quý vị còn kiếm nó làm gì nữa? Trên đầu lại đội thêm đầu - quý vị đã có một cái đầu, vậy mà thấy chưa đủ muốn kiếm thêm một cái đầu nữa đội lên, thử hỏi đó là nghĩa gì? Chẳng phải là yêu quái hay sao? Người tu đạo không hội được nghĩa này thì chẳng bao giờ có thể hợp nhất với đạo. Quý vị tại đây nên nghiên cứu rõ ý nghĩa này. Học Phật pháp, cũng phải học một cách thông minh, trí huệ, chớ không thể càng học càng ngu si thêm. Học như thế nào mới gọi là học có trí huệ? Nghĩa là, hễ làm bất cứ chuyện gì, cũng phải theo đúng phép tắc, thực lòng mà làm, chớ không nên học lối thừa cơ dối trá, tranh phần tiện nghi cho riêng mình. Làm như vậy tức không phải là đệ tử chân chánh của Phật, mà chỉ là mượn danh nghĩa đạo lý, để kiếm lợi, để quảng cáo cho mình mưu cầu danh dự và địa vị. Như vậy là sai.

*Tôn pháp tài, diệt công đức,*

*Mạc bất do tư tâm ý thức.*

*Thị dĩ thiên môn liễu khước tâm,*

*Đốn nhập vô sanh tri kiến lục.*

Dịch:

*Tôn pháp tài, dứt công đức,*

*Chỉ vì điên đảo theo vọng thức.*

*Cho nên thiên pháp dạy không tâm,*

*Thoắt chứng vô sanh, sáng trí Phật.*

Như đoạn trên nói: "Xả vọng tâm, thủ chân lý, thủ xả chi tâm thành xảo ngụy. Học nhân bất liễu dụng tu hành, chân thành nhận tặc tương vi tử," chúng ta thường mắc phải một khuyết điểm, là nếu không thái quá, thì lại bất cập. Thái quá và bất cập đều là khuyết điểm. Chúng ta tu học không thể lấy cái tâm vọng tưởng để tu, mà phải dùng cái tâm trong sáng cố hữu của mình. Tâm cố hữu đó không thể nghĩ bàn, không chỗ nào là không biết, mà chẳng

dùng tới sự ước đoán, đo đạc hay suy tưởng. Có điều mọi người không biết cách dụng công, chỉ biết lấy cái tâm huyết nhục, cái tâm suy đoán, dẫn đo, để tu hành Phật pháp. Dùng các loại tâm ấy, các thức phân biệt ấy, tức là dùng sai lầm tâm ý thức, nên không thể trở về với bản tâm sáng suốt của mình, đó gọi là dụng tâm sai lầm.

**Tồn pháp tài:** Như vậy thì chân pháp sẽ không hiển lộ, nó bị tổn thương.

**Diệt công đức:** Quý vị tận dụng tâm ý thức để làm công đức, tưởng mình có chỗ sở đắc, nắm bắt được cái gì, thực ra đó là chấp trước.

**Mạc bất do tu tâm ý thức:** Người tu đạo không hiểu ý nghĩa này, chỉ biết mang cái tâm (vọng thức) ra hạ thủ công phu, mang ý và cái thức phân biệt ra hạ thủ công phu, người đó gọi là "*học nhân bất liễu dụng tu hành.*" Vì không hiểu đạo nên lấy tâm, ý, thức làm công cụ để tu hành, tức là có sự chấp trước, do đó, họ càng tu thì lại càng xa với đạo.

**Thị dĩ thiên môn liễu khước tâm:** Vì lý do này, thiên môn mới chủ trương "*liễu khước tâm.*" Liễu khước tâm nghĩa là không dùng tâm, ý, thức như trong câu nói: "Đàm đảo vô tâm tiện thị đạo" (nói đến không tâm đó là đạo). Không tâm, không ý, không thức; tâm, ý, thức đều không. Trong câu "*liễu khước tâm*" nói trên thì chữ "tâm" bao gồm cả ba chữ tâm, ý và thức.

**Đốn nhập vô sanh tri kiến lực:** Tới chỗ đó quý vị sẽ chứng được vô sanh pháp nhãn và trí huệ lớn hiện bày. Trí huệ của quý vị đã tới mức viên dung vô ngại, quý vị đã thành một đại tượng phu.

*Đại trượng phu, bình huệ kiếm,*

*Bát nhã phong hệ kim cương diệt.*

*Phi dân không thôi ngoại đạo tâm,*

*Tảo hội lạc khước thiên ma đờm.*

Dịch:

*Đại trượng phu cầm kiếm huệ,*

*Ánh bát nhã hệ kim cương lóe.*

*Đã hay ngoại đạo bạt tâm mê,*

*Lại khiến thiên ma lùì khiếp vía.*

**Đại trượng phu:** Thế nào gọi là đại trượng phu? Thầy Mạnh-tử giảng về đại trượng phu như thế nào? "*Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất,*" ai theo được như vậy thì gọi là đại trượng phu.

"Phú quý bất năng dâm" nghĩa là giàu sang mà không dâm... Người giàu có, lắm tiền bạc, thế lực lớn, thường chẳng biết giữ phép tắc, không chịu kiểm soát hành vi của mình, hóa thành dâm loạn. Tuy nhiên, nếu quý vị cũng ở trong hoàn cảnh giàu sang, mà không có hành vi dâm loạn, biết giữ quy củ, chất phác thực thà, thì quý vị không vi phạm luật pháp của thế gian, chẳng phạm tới luật pháp của cõi trời, cũng chẳng phạm vào luật pháp của địa ngục. Đó là phú quý bất năng dâm.

"Bần tiện bất năng di" nghĩa là nghèo hèn mà không dời. Người ta khi nghèo khó thì mất cả chí khí, chẳng từ một thủ đoạn nào, cốt sao mảnh lới cho tinh khôn; đối với người giàu thì nịnh hót, kẻ nghèo thì khinh khi, làm những hành vi hạ tiện. Tuy nhiên, nếu quý vị nghèo nhưng chí nguyện của quý vị không dời, quý vị xử sự với đời như một chính nhân quân tử, quang minh lỗi lạc, giữ đúng nhân cách tuyệt vời, đầy đủ chí khí, không chịu đi vào chỗ bùn nhơ. Đó là bần tiện bất năng di.

"Uy vũ bất năng khuất" nghĩa là uy vũ không khuất phục được. Uy vũ tức là dùng thế lực. Không chịu cúi đầu tòng phục trước bất cứ một thế lực nào, một quyền lực nào, người đó là đại trượng phu.

Trên đây là nói về người đại trượng phu trong thế gian. Trong bài ca, danh từ này dùng để chỉ bậc đại trượng phu xuất thế gian. Trong tâm của đại trượng phu xuất thế thì chẳng có giàu sang, mà cũng chẳng có nghèo hèn, chẳng có quan niệm về giai cấp, về quyền lực; quan niệm về mình về người cũng chẳng còn nữa; trong tâm chẳng còn gì, quan niệm về uy vũ chẳng có, những chuyện thế gian đã được gọi sạch, chỉ còn lại là cái phong thái đội trời đạp đất, thông suốt thiên địa, trong cái hào khí triền miên, và cái thái độ chính đại quang minh đầy ấp vũ trụ. Mọi ý niệm phải trái của người với của ta đã im bật, những chuyện dính mắc thuộc loại này không còn nữa. Vậy thì người đó còn sự hiểu biết chăng? Còn hiểu biết. Cái gì cũng hiểu biết cả có điều là họ không đi ngược lại đạo lý. Những bậc đại trượng phu ấy, họ nhờ vào cái gì vậy mà có thể "*giàu sang không dâm, nghèo hèn không dời, quyền*

*uy không thể khuất phục"?* Bởi trong tâm của họ không còn căn bã, không có thứ gì làm vẩn đục tâm của họ.

**Bỉnh huệ kiếm:** Bậc đại trượng phu đã dứt mọi thứ tình ái, chẳng còn đa mang lôi thôi. Tại sao vậy? Bởi vì thanh kiếm trí huệ của vị này đã chặt hết mọi thứ dây ràng buộc, nên thất tình lục dục chẳng còn nảy sinh và các món tài, sắc, danh, thực, thù không còn lôi cuốn được nữa.

**Bát nhã phong hệ kim cương diệt:** Trí huệ bát nhã có thể ví như mũi nhọn (phong) vô cùng sắc bén, có thể chém đinh chặt đá, cắt thép như bùn, như vậy mới có thể chặt hết các dây tình ái của thế gian, những thứ gì là ô tạp đều bị nhát kiếm trí huệ dẹp sạch. Vì hắc ám bị phá tan, do đó ngọn lửa kim cương liền xuất hiện và phát ra ánh sáng trí huệ. Quý vị xem! Có người thật là thông minh, nhưng tiếc là họ quá dụng tâm, để cho mặt mũi xạm đi, tóc bạc, lưng còng, đầu không ngừng được lên nữa. Đó là vì họ đã lấy tâm, ý, thức này ra để dụng công. Đại trượng phu đâu phải như vậy.

**Phi đản không thôi ngoại đạo tâm:** Nghĩa là không những tà khí của ngoại đạo bị dẹp tan, mà:

**Tảo hội lạc khước thiên ma đởm:** Mà số thiên ma cũng sớm bị khiếp vía, hãi sợ đến rụng tóc gáy. Đây là nói về những bậc đã thực sự chứng quả, đã thành tựu đạo nghiệp. Họ mới là những bậc xuất chúng, vượt lên trên kẻ bình phàm, họ thực là những nam tử đại trượng phu, chứ không phải là những hạng miệng nói thì hay mà thực tế thì chẳng làm được gì, chỉ biết nói thiên ở cửa miệng, như vậy không thể thành bậc đại trượng phu.

Cái hay của bài "Chứng Đạo Ca" là nếu quý vị học cho thuộc bài này, mỗi lúc gặp chuyện gì âu sầu phiền não, quý vị đọc lên sẽ thấy phiền não tiêu tán, và thân tâm biến thành sáng khoái, vui tươi. Có thể mỗi ngày tụng vài lần, chắc chắn thọ mạng của quý vị sẽ dài hơn, thân thể sẽ kháng kiên hơn.

*Chấn pháp lôi, kích pháp cổ,*

*Bổ từ vân hệ, sai cam lồ.*

*Long tượng xúc đạp nhuận vô biên,*

*Tam thừa ngũ tánh giai tỉnh ngộ.*

*Tuyết sơn phì nhị cánh vô tạp,*

*Thuần xuất đề hồ ngã thường nạp.*

Dịch:

*Nói pháp lời giống pháp cổ,*

*Bủa mây từ hồ, rưới cam lồ.*

*Voi rồng dẫm bước nhuần ân sâu,*

*Năm tánh ba thừa đều tỉnh ngộ.*

*Cỏ phì-nhị đơm rồng đỉnh Tuyết,*

*Vị đề-hồ ta từng nắm biết.*

**Chấn pháp lời, kích pháp cổ:** Đây chẳng qua là tỷ dụ. Chẳng phải là tiếng sấm hay tiếng sét thực. Ý nói lời Phật thuyết pháp có thể so sánh như tiếng rống của sư tử, hay âm thanh của sấm sét. Chúng sanh đang mê man trong giấc mộng, nghe được tiếng sấm sét, bèn tỉnh giấc, bỏ tà theo chánh, đó là ý của câu: "*Nói pháp lời, giống pháp cổ.*"

**Bổ từ vân hồ, rải cam lồ:** "Bổ" là phân bổ, rải rộng ra. Rải rộng đám mây pháp từ bi, rưới xuống trận mưa pháp cam lồ, khiến cho chúng sanh, như các cây khô héo, được hưởng mưa pháp trở thành mát mẻ tươi nhuận, để từ đó mà phục hồi được pháp thân và huệ mạng.

**Long tượng xúc đạp nhuần vô biên:** Lúc đó các hàng long tượng trong pháp môn, gặp mưa pháp, họ càng được thấm nhuần gấp bội. Các bậc long tượng này lại mang pháp âm, pháp vũ hiển dương, khiến cho hết thảy chúng sanh được giác ngộ, cho nên nói:

**Tam thừa ngũ tánh giai tỉnh ngộ:** "Tam thừa" là chỉ Thanh văn, Duyên giác, và Bồ-tát; Ngũ tánh là chỉ năm loại tánh: Thiện, ác, định, bất định, xiển đề. Năm loại này là bao quát hết các căn tánh của chúng sanh, từ hạng thượng căn lợi trí, tới hạng hạ căn ngu độn. Hết thảy chúng sanh đều được thấm nhuần mưa pháp.

**Tuyết sơn phì nhị cánh vô tạp:** Trên đỉnh Tuyết Sơn có một loại cỏ rất màu mỡ. Con bạch ngưu ăn cỏ này sẽ cho một thứ sữa tinh thuần (đề hồ), nuôi dưỡng chúng sanh. Vậy là tất cả được thấm nhuần tươi mát. Bởi vậy có câu sau:

**Thuần xuất đề hồ ngã thường nạp:** Đại sư Vĩnh-Gia cho hay Ngài thường uống sữa cam lồ đó, biết hiệu dụng của nó như thế nào. Bởi vậy Ngài cũng hy vọng, các chúng sanh đều được thọ hưởng cam lồ, đừng có thể bỏ bên mê quay về giác ngộ, lìa khổ được vui, liễu sanh thoát tử, khỏi phải chìm nổi trong cảnh luân hồi.

*Nhất tánh viên thông, nhất thiết tánh,*

*Nhất pháp biến hàm nhất thiết pháp.*

*Nhất nguyệt phổ hiện nhất thiết thủy,*

Nhất thiết thủy nguyệt nhất nguyệt nhiếp.

Dịch:

*Một tánh viên thông muôn tánh hết,*

*Một pháp bao gồm muôn pháp hết.*

*Một trăng hiện khắp tất cả nước,*

*Tất cả trăng nước một trăng nhiếp.*

**Nhất tánh viên thông, nhất thiết tánh:** "Nhất tánh" là chỉ Phật tánh; "Nhất thiết tánh" là chỉ chúng sanh tánh. Phật tánh và chúng sanh tánh vốn không phân biệt; Phật tánh là chúng sanh tánh; chúng sanh tánh là Phật tánh. Hai mà không phải hai, một mà chẳng phải một; cũng là một, cũng là hai, chẳng phải một chẳng phải hai. Nếu quý vị hiểu rõ thì đó là một; bằng không hiểu thì đó là hai; hiểu rõ không hiểu rõ, thì cũng chẳng phải một, cũng chẳng phải hai. Viên thông tức viên dung vô ngại, viên mãn bồ đề. Nhất tánh, tại Phật chẳng tăng, tại phàm chẳng giảm, bốn lai chẳng thiếu chẳng thừa, chẳng phải hơn một chút hay kém một chút, cho nên viên thông hết thấy mọi tánh.

**Nhất pháp biến hàm nhất thiết pháp:** Pháp của Phật có tám vạn bốn ngàn loại. Mỗi một pháp trong đó thông suốt cả tám vạn ba ngàn chín trăm chín mươi chín pháp kia. Toàn bộ các pháp đều dung thông với nhau, không một pháp nào ly khai. Nói là tám vạn bốn ngàn pháp nhưng kỳ thực chỉ là một, mà truy cứu nữa thì bỗng lại một pháp cũng chẳng có, cho nên nói "*một pháp bao gồm muôn pháp hết.*"

**Nhất nguyệt phổ hiện nhất thiết thủy:** Đúng là:

Thiên đàm hữu thủy thiên đàm nguyệt,

Vạn lý vô vân vạn lý thiên.

Nghĩa là:

*Muôn đầm nước hiện muôn hình nguyệt,*

*Vạn dặm không mây vạn dặm trời.*

Như có một ngàn cái hồ nước tức sẽ hiện lên một ngàn mặt trăng. Vậy thì bản thể của trăng có tới một ngàn mặt trăng ư? Không phải vậy. Đó là nghĩa "*một tánh viên thông hết mọi tánh.*"

Vùng trăng kia chính là chân như Phật tánh của chúng ta. Vùng trăng hiện ra tại hết thấy mọi nơi có nước và hết thấy các mặt nước có thể ví như chúng sanh tánh. Chúng sanh tánh chẳng ly Phật tánh, Phật tánh chẳng ly chúng sanh tánh. Người giác ngộ là Phật, người mê là chúng sanh.

Trong chúng ta, người này tham, người kia tham; người này cầu, người kia cầu; trong thấy vật dụng gì thì nổi lòng tự tư, thấy tiền bạc nổi lòng tự lợi, từ đó sanh ra thói nói dối như vậy là mê, mê là chúng sanh, giác ngộ là Phật. Thế nào là giác ngộ? Hình tướng của giác ngộ giống như thế nào? Chẳng có hình tướng gì hết, giác ngộ là giác ngộ. Vậy không có gì biểu hiện sao? Có biểu hiện. Người giác ngộ là người có trí huệ, biết tận gốc các pháp, thấy rõ thực tướng các pháp, không bị một ngăn ngại nào. Phật tánh thường có tại các chúng sanh, mỗi chúng sanh có một Phật tánh, có điều chúng sanh chỉ sử dụng chúng sanh tánh mà không biết dùng tới Phật tánh. Có người nói: "Thưa Thầy, Thầy giảng tới giảng lui mà con vẫn không hiểu gì. Nói cho cùng thế nào là chúng sanh tánh thế nào là Phật tánh?" Vừa rồi, tôi đã trả lời câu hỏi này. Quý vị giác ngộ thì Phật tánh hiện ra, quý vị mê lầm thì đó là

chúng sanh tánh, chỉ trong khoảnh khắc một niệm là biết, cho nên có câu trên "một trăng hiện khắp tất cả nước."

**Nhất thiết thủy nguyệt nhất nguyệt nhiếp:** Chẳng cứ nước nhiều hay ít, bao nhiêu ao hồ, bao nhiêu ngòi lạch sông biển, đâu đâu cũng thấy trăng chiếu không bỏ sót.

*Chư Phật pháp thân nhập ngã tánh,*

*Ngã tánh đồng cộng Như Lai hợp.*

*Nhất địa cụ túc nhất thiết địa,*

*Phi sắc phi tâm phi hành nghiệp.*

Dịch:

*Chư Phật pháp thân nhập vào tánh ta,*

*Tánh ta cùng với Như Lai hiệp.*

*Một địa gồm đủ tất cả địa,*

*Chẳng sắc chẳng tâm chẳng hạnh nghiệp.*

**Chư Phật pháp thân nhập ngã tánh:** Pháp thân của chư Phật đã nhập vào chúng sanh tánh của ta.

**Ngã tánh đồng cộng Như Lai hợp:** Chúng sanh tánh của ta cùng với Phật tánh hòa nhập làm một. Hai mà chẳng phải hai.

**Nhất địa cụ túc nhất thiết địa:** Nếu quý vị thấu hiểu đạo lý của một địa, tức thì các địa khác, thứ nhì, thứ ba, thứ tư, đến thứ mười, quý vị đều hiểu thấu minh bạch. Còn như nếu quý vị không có trí huệ của địa thứ nhất, thì trí huệ của các địa khác cũng chẳng có. Hai câu: "*Chư Phật pháp thân nhập ngã tánh, Ngã tánh đồng cộng Như Lai hợp*" chứng tỏ ngài Vĩnh-Gia đã chứng được lý thể của Thập đẳng địa (địa thứ mười).



**Phi sắc phi tâm phi hành nghiệp:** Chẳng thuộc về sắc, chẳng thuộc về tâm, cũng chẳng thuộc về hành động do nghiệp tạo tác.

*Đàn chỉ viên thành bát vạn môn,*

*Sát na diệt khước tam kỳ kiếp.*

*Nhất thiết số cú phi số cú,*

*Dữ ngô linh giác hà giao thiệp.*

Dịch:

*Búng tay, tám vạn pháp môn thành,*

*Nháy mắt rũ xong ba kỳ kiếp.*

*Tất cả văn tự chẳng văn tự,*

*Cùng linh giác ấy nào can dự.*

**Đàn chỉ viên thành bát vạn môn:** Chỉ trong thời gian một búng tay đã thành tựu được viên mãn cả tám vạn pháp môn, nhanh chóng như vậy đó. Chẳng qua, một khi ngộ là ngộ hết thấy, một khi xong là xong tất cả, một khi chứng là chứng cùng hết, một khi thông thì tất cả thông suốt.

**Sát na diệt khước tam kỳ kiếp:** Chỉ trong công phu một sát-na có thể làm cho khoảng thời gian của ba đại a-tăng-kỳ kiếp mất tiêu.

**Nhất thiết số cú phi số cú:** Chẳng kể số của các danh tướng ngôn từ, bao nhiêu lý luận đi nữa cũng vậy, tất cả đều bị quét sạch. Cảnh giới này đúng là: "Mê thời thiên cú thiếu, ngộ hậu nhất tự đa" (khi mê ngàn câu cũng thấy ít, khi ngộ rồi, một chữ cũng thấy nhiều).

**Dữ ngô linh giác hà giao thiệp:** Các loại danh tướng, văn tự Bát-nhã này chẳng liên hệ gì tới linh giác sáng suốt của chúng ta. Văn tự Bát-nhã ghi nhớ cho thật nhiều cũng chẳng nói lên được điều gì.

*Bất khả hủy, bất khả tán,*

*Thẻ nhược hư không vật nhai ngạn.*

*Bất ly đương xứ thường trạm nhiên,*

*Mịch tức tri quân bất khả kiến.*

*Thủ bất đắc, xả bất đắc,*

*Bất khả đắc trung chỉ ma đắc.*

Dịch:

*Không thể chê, không thể khen,*

*Như hư không ấy vốn vô biên.*

*Tìm kiếm đã hay không thấy được,*

*Mà luôn trước mắt vẫn thường nhiên.*

*Lấy chẳng được, bỏ chẳng được,*

*Trong cái chẳng được cái gì được.*

**Bất khả hủy bất khả tán:** Quý vị muốn tán thán pháp môn này chẳng? Chẳng có gì hay để quý vị tán thán. Quý vị muốn chê nó chẳng? Chẳng có gì là dở để quý vị chê. Bởi chưng gốc gác của nó chẳng có gì hết. Hãy nghe Lục-Tổ nói: "*Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai.*"

**Thê nhược hư không vật nhai nại:** Thê tánh của nó như hư không, cho nên có câu:

*"Tự tánh như hư không,*

*Chân vọng tại kỳ trung.*

*Ngộ triệt bổn lai thê,*

*Nhất không, nhất thiết không."*

Vậy là nó không có ngăn mé. Vật chất có mặt ở đâu cũng đều là hư không. Hư không không bị hư hoại, bởi vì nếu có gì hư hoại thì đó không phải là hư không.

**Bất ly đương xứ thường trạm nhiên:** Chẳng cần phải kiếm nó ở đâu hết, quay đầu lại là có nó, nó ở ngay đây. "Trạm nhiên" trong nghĩa của trạm nhiên thường tịch, tức là trong sáng vắng lặng triền miên. Tới lúc đó quý vị sẽ trạm nhiên thường tịch, tịch nhưng không có chỗ tịch, không hết mọi thứ, không tới cực điểm. Thử hỏi như vậy dục vọng còn sanh khởi nữa không? Một khi niệm về dục chẳng còn, thì tâm, ý, thức đâu còn làm chủ nhân ông được nữa.

**Mịch tức tri quân bất khả kiến:** Tuy nhiên, cảnh giới đó quý vị có thể kiếm ra được chăng? Quý vị không bao giờ có thể kiếm được, bởi nó chẳng hề mất. Thử hỏi quý vị đi tới đâu để kiếm nó? Bỏn lai là nó, vậy quý vị còn kiếm cái gì nữa? Mà còn cái gì để quý vị kiếm? Cho nên tiếp theo có mấy câu sau: "Thủ bất đắc..."

**Thủ bất đắc:** Quý vị muốn bắt giữ nó ư? Bắt chẳng được.

**Xả bất đắc:** Quý vị không muốn cái chân như Phật tánh đó, cũng chẳng được, bởi quý vị không có cách gì đem nó bố thí cho người khác.

**Bất khả đắc trung chỉ ma đắc:** Ngay trong cái bất khả đắc đó, gì cũng không đắc được.

*Mặc thời thuyết, thuyết thời mặc,*

*Đại thí môn khai vô ủng tắc.*

*Hữu nhân vấn ngã giải hà tông,*

*Báo đạo Ma-ha Bát-nhã lục.*

Dịch:

*Im thời nói, nói thời im,*

*Cửa đại thí mở thông thông suốt.*

*Có người hỏi ta giải tông nào,*

*Xin thưa: Ma-ha Bát-nhã lục.*

**Mặc thời thuyết:** Chúng ta thấy vị đó không nói pháp, thế nhưng người đương nói pháp ở đây; chúng ta thấy người đương nói pháp, thực ra chưa hề nói pháp. Nói như vậy là nghĩa lý gì? Chính bởi lẽ nói pháp mà chẳng có pháp để nói, nghe pháp mà chẳng có pháp để nghe: Lại nữa, nói pháp thì nói ở đâu, nghe pháp thì nghe ở đâu, chính là thử xem quý vị có trí huệ hay không. Nếu có trí huệ thì "*thô ngôn cập tế ngữ, giai quy đệ nhất nghĩa*" (lời nói dù thô hay tế đều quy về đệ nhất nghĩa); còn như quý vị chẳng có trí huệ thì dầu có nói tới "*vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*" quý vị cũng chẳng thấy có gì là hay, có khác chi chẳng nói pháp vậy.

**Thuyết thời mặc:** Trong định nói pháp, trong định chuyển pháp luân, là nghĩa của "thuyết thời mặc"; ra khỏi định chuyển pháp luân cũng là trí huệ ở trong định mà ra, cho nên lúc nói (thuyết thời) là lúc nín (mặc).

**Đại thí môn khai vô unction:** Người nói pháp vì pháp mà quên mình. Trong các loại bố thí cúng dường pháp là trên hết. Vị này ước nguyện dùng pháp làm vật cúng dường, lấy pháp làm vật bố thí, để thực hiện "vô duyên bố thí," "vô già" bố thí (bố thí bình đẳng), bố thí hoàn toàn không có tính cách phân biệt. "Vô unction" là nghĩa đối với chấp trước không hề vướng một chút nào, chẳng chấp vào sự việc gì. Chẳng phải vì chấp vào đại chúng hoan hỷ, muốn nghe thuyết pháp, chẳng phải bởi đại chúng cúng dường mình - cái này gọi là lòng tham cầu lợi dưỡng - chẳng phải vì có ý tưởng khách khí, nhún nhường, tóm lại chẳng phải do một cơ gì khác mà thuyết pháp. Như vậy mới gọi là *đại thí môn khai vô unction*. Do đó có câu: *Tảo nhất thiết pháp, ly nhất thiết tướng* (quét sạch mọi pháp, ly hết thảy mọi tướng).

**Hữu nhân vấn ngã giải hà tông:** Thán hoặc lúc ấy có ai tới hỏi: "Ông theo tông nào, phái nào vậy?"

**Báo đạo Ma-ha Bát-nhã lục:** Câu trả lời là: "Đó là trí huệ Bát-nhã, do định mà sanh trí huệ này."

*Hoặc thị, hoặc phi nhân bất thức,*

*Nghịch hành thuận hành thiên mạc trắc.*

*Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu,*

*Bất thị đẳng nhàn tương cuồng hoặc.*

Dịch:

*Làm ngược làm xuôi trời biết đâu,*

*Rằng phải rằng trái ai rõ được.*

*Ta sớm từng qua bao kiếp tu,*

*Nào dám sai ngoa lời dối mị.*

Hoặc thị, hoặc phi nhân bất thức: Thản hoặc có người bảo như thế là đúng, hay bảo như thế là sai. Mặc ai muốn nói sao thì nói, đúng cũng được mà sai cũng được, lòng ta tự hiểu là đủ.

Nghịch hành thuận hành thiên mạc trắc: Người tu đạo chân chánh không chiều theo tình đời, có lúc thì hành động thuận nhân tình, mà cũng có lúc không theo nhân tình. Người đời không hiểu, không thể suy đoán bởi vì không cùng một trình độ. Nói suy đoán thì: "*Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu,*" nghĩa là ngửa lên trông thấy càng cao, khoan vào thì thấy càng cứng, nhìn thì ở đằng trước, hốt nhiên lại thấy đằng sau, tóm lại cao sâu khôn lường. Quý vị ở đây nếu chưa có con mắt "trạch pháp," xin chớ bao giờ phẩm bình bậy bạ.

Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu: Ở đây Đại sư Vĩnh-Gia tự nhận mình như sau: "Ta biết sự tình của ta như thế nào. Ta đã từng tu hành trong nhiều đời, nhiều kiếp, cho nên kiếp này chứng đạo ta mới hiểu rõ đạo nghĩa này."

Bất thị đẳng nhàn tương cuồng hoặc: Chẳng phải giống như thông tục của người đời, quý vị khoác lác với tôi, tôi khoác lác với quý vị, quý vị tăng bốc tán tụng tôi, tôi tăng bốc tán tụng quý vị, cứ như vậy khoa trương với nhau.

*Kiến pháp tràng, lập tông chỉ,*

*Minh minh Phật sắc Tào-khê lộ.*

*Đệ nhất Ca-diếp thủ truyền đăng,*

*Nhị thập bát đại Tây thiên ký.*

Dịch:

*Dựng pháp tràng, lập tông chỉ,*

*Rõ ràng tâm Phật ứng Tào-khê.*

*Thoạt tiên Ca-diếp đèn tâm truyền,*

*Hăm tám đời Tổ sư Tây Thiên.*

Theo như đại ý câu này, thì tín đồ của Phật giáo, là phải nổi pháp lôi, gióng pháp cổ và dựng pháp tràng.

**Kiến pháp tràng:** Dựng pháp tràng là thế nào? Pháp tràng là đạo tràng, dựng lên đạo tràng, như trong câu "*kiến pháp tràng u xứ xứ, phá nghi võng u trùng trùng,*" nghĩa là dựng pháp tràng khắp mọi nơi, phá mê làm không kể xiết. Tới chỗ nào cũng tạo lập đạo tràng cho mọi người tu học. Pháp tràng là một thứ cờ đề trang nghiêm đạo tràng tỷ dụ như phạm võng tràng chẳng hạn, chỗ nào có đạo tràng là nơi đó có pháp tràng. Vì pháp mà lập đạo tràng, vì đạo tràng nên phải dựng pháp tràng.

**Lập tông chỉ:** Tông chỉ là chủ ý quy về cái gì. Chúng ta thì noi theo cái gì làm tông chỉ đây? Như tông chỉ của Vạn Phật Thành là "*bất tranh, bất tham, bất cầu, bất tự tư, bất tự lợi, bất vọng ngữ.*" Liệu chúng ta có noi theo được mấy điều này chẳng? Bây giờ thì chưa theo được hoàn toàn. Chẳng nói ai khác, ngay đến hai vị mở đầu cuộc hành hương "tam bộ nhất bái" ở Los Angeles, cũng chưa theo được sáu tông chỉ đó một cách viên mãn. Quý vị không tranh đua với người, nhưng lại tranh đua với chính quý vị; đối với người quý vị không tham, nhưng đối với chính quý vị lại tham; đối với người không cầu, đối với chính mình lại cầu; đối với người không tự tư, đối với mình lại tự tư; đối với người không tự lợi, đối với mình lại tự lợi; đối với người không nói dối, đối với bản tâm mình thì nẩy sinh bao nhiêu là vọng tưởng hư dối. Vọng tưởng là có lúc quý vị nghĩ thế này, có lúc quý vị nghĩ thế khác; ba hồi quý vị nghĩ đến tu, ba hồi quý vị nghĩ không tu; ba hồi quý vị nghĩ tới trì giới, ba hồi quý vị chẳng nghĩ tới trì giới, đó là do lòng quý vị bất định, quý vị cũng chưa biết làm sao để giữ niệm "không." Gặp cảnh thuận thì sanh lòng hoan hỷ tức là tính bất định; gặp cảnh nghịch thì sanh lòng chán nản, phiền não, cũng là vì chưa theo được tông chỉ định, tính chưa định. Tính chưa định, thì ma không phục, do đó điều bắt buộc là tính phải định. Như trong trường hợp...

*"Túng ngộ phong đao thường thản thản,"* dù có người cầm dao đến giết quý vị, quý vị vẫn thản nhiên tự tại, vẫn theo đường chánh đạo, chẳng vì sự an toàn của mình mà theo đường tà vạy.

Bây giờ miệng quý vị nói không tự lợi, nhưng một khi có lợi đến, tâm tranh của quý vị sẽ nảy sanh, và nếu có tâm tranh thì tâm tham cũng sẽ xuất hiện. Bên trong là cái tâm tham, bên ngoài là sự tìm cầu, chạy chọt ở ngoài để tìm kiếm. Hành động chạy chọt đó, truy ra tận gốc đều do lòng tự tư tự lợi mà ra. Tự chung là do không lập thành tông chỉ nên ma chẳng phục, cho nên có câu: *"Tính định ma phục, triêu triêu lạc, vọng niệm bất khởi xứ xứ an,"* nghĩa là tính có định thì ma phục, sớm sớm vui; vọng niệm không sanh thì nơi nào tâm cũng an. Một khi vọng niệm không còn, thì ở chỗ nào cũng giống nhau, cũng đều là *"hành trú tọa ngộ, bất ly giá cá; ly liễu giá cá, tiên thị thố quá,"* có nghĩa là trong mọi tư thế, đi, đứng, nằm, ngồi, không lìa cái đó; nếu lìa cái đó, tức là sai lầm. Nếu quý vị gặp một vị xuất gia, cứ suốt ngày quan hệ hết người này đến người khác, quý vị phải khẳng định vị này chẳng tu hành gì, bởi không tu hành mới đi ra ngoài tìm kiếm; người đã dụng công thì khi nào đáng nói mới nói, đáng làm mới làm, còn ngoài ra thì lúc nào cũng quán sát mình, ở chỗ nào cũng thâm nhiếp tâm mình, như vậy mới gọi là có tông chỉ.

Sáu tông chỉ lớn của Vạn Phật Thành, nếu ai theo được thì người đó là người tu hành; ai không theo được, thì người đó chỉ là tu hành giả bộ. Rõ ràng như vậy đó. Nếu quý vị thấy vị xuất gia nào mà đi đâu hay gặp ai cũng cười đùa ngật nghẻo, khi nói năng thì gật gù, ưỡn ẹo, thậm chí hỏi ai điều gì thì khúm núm. Như vậy là hỏng rồi, vị đó chẳng phải là đệ tử chân chánh của Phật. Phạm là đệ tử chân chánh của Phật thì không khi nào có những cử chỉ hạ thấp giá trị như vậy.

Mỗi cá nhân theo mỗi tông chỉ. Như Phật thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Một trong các pháp môn này, nếu quý vị theo được một cách viên mãn, thì cả tám vạn bốn ngàn pháp môn quý vị đều thành tựu. Bởi vậy có câu: *"Nhất ngộ nhất thiết ngộ, nhất nhập nhất thiết nhập, nhất khai nhất thiết khai, nhất thị nhất thiết thị,"* nghĩa là một khi ngộ là ngộ hết thấy, một khi vào là vào hết thấy, một khi khai mở là khai mở hết thấy, một khi tỏ bày là tỏ bày hết thấy. Câu này nói về *khai thị ngộ nhập tri kiến Phật*. Nếu quả quý vị chẳng chịu làm một việc gì, một pháp môn cũng không theo một cách chuyên nhất, tức là quý vị để thời giờ trôi qua một cách uổng phí, chẳng thành tựu được gì, chỉ tự mình dối mình mà thôi.

Nói đến tông chỉ thì chúng ta nên theo tông chỉ nào? Tông chỉ "lấy tâm ấn tâm" của Phật, tông chỉ "niêm hoa vi tiếu," các pháp môn này. Chúng ta lấy nguyên tắc "trực tâm là đạo tràng."

Dựng pháp tràng, lập tông chỉ cần phải có trực tâm.

**Minh minh Phật sắc Tào-khê thị:** Lục Tổ chẳng phải ngẫu nhiên mà thành Tổ-sư. Vào triều đại nhà Lương, Tam tạng pháp sư Trí-Dược khi tới Quảng Châu, đã từng dự đoán và nói như sau: "Một trăm bảy mươi lăm năm sau, tại gốc cây bồ đề này, sẽ có một nhục thân Bồ-tát giảng pháp thượng thừa, chỉ thẳng nhân tâm, để kiến tánh thành Phật." Chùa Nam Hoa cũng là do Pháp sư Trí Dược khi lên núi, tới chỗ đó, lấy tay bưng nước ở dưới con suối lên uống, uống xong nói rằng: "Nước ở đây có vị giống như ở núi Bảo Lâm bên Ấn Độ." Quả nhiên, một trăm bảy mươi năm sau, khi tới nơi đây Lục Tổ rộng truyền pháp yếu, khiến cho một số người có chí hướng về đạo bồ-đề được chứng quả khai ngộ. Kinh Phật có nói ở nước Chân Đán (Trung Hoa) có núi Bảo Lâm và nơi đây là đạo tràng truyền tâm ấn Phật. Như vậy tâm ấn Phật ứng vào Tào-khê là điều rõ ràng.

**Đệ nhất Ca-diếp thủ truyền đăng:** Đầu tiên là ngài Ca-diếp, vị tổ thứ nhất, được truyền tâm ấn Phật, tính đến ngài Bồ-đề Đạt-ma ở bên Tây-trúc là vị tổ đời thứ hai mươi tám.

**Nhi thập bát đại Tây thiên ký:** Do Phật "cầm bông hoa mỉm cười" (niêm hoa vi tiếu) mà có pháp môn "lấy tâm ấn tâm, không lập văn tự, đặc biệt truyền ngoài văn tự." Truyền được hai mươi tám đời ở Ấn Độ đến Tổ Bồ-đề Đạt-ma (ở Trung-quốc ngài là Sơ tổ).

*Pháp đông lưu, nhập thứ thổ,*

*Bồ-đề Đạt-ma vi Sơ tổ.*

*Lục đại truyền y thiên hạ văn,*

*Hậu nhân đắc đạo hà cùng số.*

Dịch:

*Pháp sang đông, vào Trung thổ,*

*Bồ-đề Đạt-ma là sơ tổ.*



*Sáu đời y bát thiên hạ nghe,*

*Người sau được đạo nhiều vô số.*

Vị tổ sư đời thứ hai mươi tám là Bồ-đề Đạt-ma, Ngài ở Trung-quốc lúc bấy giờ, thì ghé vào Quảng-châu bằng đường biển, nên tại Quảng-châu có chỗ gọi là đất Sơ tổ Tây lai. Từ Quảng-châu ngài đi tới Nam-kinh, rồi từ Nam-kinh đi Hà-bắc. Với một tâm lượng đại từ đại bi, Ngài cốt tới Trung-quốc để giáo hóa chúng sanh, nhưng tiếc là hồi đó người Trung-quốc có lòng kỳ thị đối với người Ấn Độ. Lúc xưa tại Trung-hoa chưa có Phật pháp, tới đời Hán Minh-đế Phật giáo mới được truyền qua. Vào thời Nam-Bắc triều, đời vua Lương Vũ-đế, tình trạng Phật giáo vẫn chưa sáng sủa, người ta vẫn chưa thấy một sự thực tập chân chánh quy chiếu vào giới luật để tu hành. Hồi đó tại Trung-quốc, Ngài không được hàng nhân sĩ Phật giáo hoan nghênh. Ngài lại không biết tiếng Trung-hoa, nên giảng pháp trong tình trạng ngôn ngữ bất đồng, thành thử không ai hiểu Ngài. Đó là lý do đi tới đâu Ngài cũng gặp sự lạnh nhạt của mọi người, tóm lại nhân duyên chưa hội đủ. Tới lúc Sơ tổ đi qua Nam-kinh gặp Đại sư Thần-quang rồi bị Đại sư dùng chuỗi hạt châu bằng thép đánh gãy hai cái răng, lòng Ngài càng thêm nguôi lạnh. Sơ tổ bèn đi lên núi Tung-son, ngồi quay mặt vào vách ở chùa Thiếu-lâm trong suốt chín năm. Đó chính là cảnh giới: *"Mặc thời thuyết, thuyết thời mặc, đại thí môn khai vô ứng tặc,"* mấy câu trong bài ca.

Quý vị thử tưởng tượng xem sự nhẫn nại của Ngài như thế nào. Chẳng phải như những ai chẳng có công phu tu học, ham danh ham lợi, đến một nơi nào đó, cứ tưởng mình sẽ vung tay một cái là làm nên công chuyện để tiếng tăm lừng lẫy thiên hạ. Luận về đạo đức, về trí huệ, về thần thông, cái gì Ngài Bồ-đề Đạt-ma cũng là xuất chúng. Vậy mà Ngài mai danh ẩn tích, nhẫn nại chờ thời, chịu ngồi quay mặt vào vách đá tại chùa Thiếu-lâm. Ta nghĩ xem, nếu chẳng có lòng nhẫn nại, có đức pháp nhẫn, liệu làm như vậy có được chăng?

Tại chùa Thiếu-lâm, Sơ tổ diện bích trong chín năm. Nhị tổ Thần-quang biết Ngài chẳng phải tầm thường, bèn tìm tới và quỳ bên cạnh trong chín năm. Chúng ta bây giờ thử nghĩ coi, đừng nói quỳ suốt chín năm, chúng ta thử quỳ trong chín ngày, liệu có chịu nổi không? Thậm chí quỳ chín tiếng đồng hồ cũng chẳng chịu nổi nữa! Ngồi trong chín ngày đã coi là ghê gớm, công phu đã coi như tới mức, trong lòng lấy làm tự mãn lắm!

**Pháp đông lưu, nhập thủ thổ:** Nghĩa là pháp môn truyền tâm ấn truyền đến phương đông - Chân-đán - tức là truyền đến Trung-quốc. "Nhập thủ thổ" là vào đất này. Chữ "đất này" là chỉ Trung-quốc.

**Bồ-đề Đạt-ma vi Sơ tổ:** Tại Ấn Độ thì Bồ-đề Đạt-ma là tổ thứ hai mươi tám. Tại Trung-hoa thì Ngài là tổ của Thiên tông đời thứ nhất. Tổ sư đời thứ nhất thì sao? Đây chẳng qua là giả danh. Bậc tổ sư chân chánh chẳng phải do ở danh xưng. Chính là do ở đạo đức, trí huệ, đức hạnh nhẫn nại của Ngài. Lục độ vạn hạnh của Ngài tới mức tuyệt vời. Trên thân chẳng mang một vật gì, chẳng có gì gọi là quý báu, ấy thế mà chẳng phải Ngài không có gì để bố thí. Tuy chẳng có gì thực, nhưng nếu "*chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*" thì đó là giới luật tới chỗ viên mãn, tới chỗ ba-la-mật rồi; nhẫn của Ngài cũng là nhẫn nại ba-la-mật; Ngài ngồi luôn chín năm, đó là tinh tấn ba-la-mật; Ngài ngồi một nơi, tĩnh tọa, chớ không phải như ai, ngó đông nhìn tây, và thường trong đại định, sống bởi thiên duyệt, vui với pháp hỷ đó chính là thiên định ba-la-mật. Bởi đâu mà Ngài được như vậy? Bởi vì Ngài có trí huệ Bát-nhã. Phải có đại trí đại huệ mới có thể làm những điều mà người khác không làm nổi. Ngài đã chứng được sáu ba-la-mật tới chỗ viên mãn vậy, Ngài truyền tâm ấn cho Nhị-tổ Thần Quang (Huệ Khả). Nhị-tổ truyền cho Tam-tổ Tăng Xán; Tam-tổ truyền cho Tứ-tổ Đạo Tín; Tứ-tổ truyền cho Ngũ-tổ Hoàng Nhẫn, rồi Ngũ-tổ lại đem tâm ấn, y bát truyền lại cho Lục-tổ. Bởi vậy có câu: "*Lục đại truyền y thiên hạ văn.*"

Vào thời gian Lục-tổ tiếp nối truyền thừa của Ngũ-tổ, tín vật y và bát thường là đề mục tranh chấp trong giới xuất gia. Ai cũng muốn mình là người được truyền tâm ấn và thừa hưởng y bát, thậm chí họ không từ bỏ một mảnh lông nào cốt sao tranh đoạt cho được tín vật này, đại khái như phe của Huệ Minh chẳng hạn, khi nghe nói "pháp đã đi về hướng Nam" mọi người đều hùa nhau chạy đuổi theo để đoạt lại y bát. Đến ngày nay, đây rầy những người đã xuất gia mà còn nhiều đầu óc tranh chấp! Triều đại nhà Đường hỏi đó không thiếu gì những hạng người như vậy. Do đó, để dạn dò Lục-tổ, Ngũ-tổ mới nói câu: "*Y vi tranh đoạt, chỉ như vật truyền,*" ý nói y bát là đầu mối của tranh chấp, đến đời sau thì đừng truyền lại nữa, do đó chúng ta thấy về sau không có vụ truyền y bát. Căn cứ theo truyền thuyết thì tín vật kể trên đã bị Võ Tắc Thiên lấy đi. Bà ấy nghĩ rằng của báu ấy phải do bà ấy thừa hưởng. Của báu giấu cất đi, "*địa tàng hậu tất vong,*" tức càng giấu kỹ thì lại càng dễ bị thất lạc. Đời là như vậy, mọi sự vô thường!

**Lục đại truyền y thiên hạ văn:** Sáu đời truyền y bát, tất cả mọi người đều hay biết.

**Hậu nhân đắc đạo hà cùng số:** Tuy không truyền lại y bát nhưng các Tổ sư được truyền tâm ấn thì rất đông, đúng như câu: "*Nhất hoa khai ngũ diệp, kết quả tự nhiên thành.*" Về sau, Tông môn được chia thành năm phái, y theo truyền thống tu hành và những người đắc đạo thì không thể kể hết.

*Chân bất lập, vọng bản không,*

*Hữu vô câu khiển bất không không.*

*Nhị thập không môn nguyên bất trước,*

*Nhất tánh Như Lai thể tự đồng.*

Dịch:

*Chân chẳng lập, vọng vốn không,*

*Hữu vô dứt trọn chẳng không không.*

*Hai chục cửa không nguyên chẳng chấp,*

*Một tánh Như Lai vốn thể đồng.*

Chúng sanh mê lầm, không nhận ra cái thực, đuổi theo cái hư dối, nên nhận giặc làm con, chịu khổ mà cho là vui, lừa gạt người, sống keo kiệt, tưởng như vậy là có lợi mà kỳ thực chính là một sự thiệt hại lớn. Chúng ta hãy xem các chúng sanh làm thân gà, vịt, ngựa hay heo, có phải là đáng thương chẳng? Bởi đâu mà thành nông nổi đó? Chính bởi mê lầm, bỏ cái thực chạy theo cái hư dối, rước cái khổ cho là vui, nhận giặc làm con, thậm chí đến chỗ đạo tràng còn kiếm tiện nghi. Chúng ta tới chùa, phải biết giúp chùa. Chùa cần tiền thì ủng hộ tiền, cần giúp sức lực thì giúp sức lực, lượng sức của mình mà giúp đỡ chùa, chớ không nên tới chùa để kiếm lợi ích, chẳng chịu phát tâm, công sức thì không chịu bỏ ra, như vậy không tránh khỏi tương lai làm thân trâu ngựa heo gà v.v.. Thậm chí đến chùa còn mang tâm tham lam, lúc nào cũng chỉ tính cái lợi cho riêng mình. Vậy là rất nguy hại cho cuộc đời mai sau.

**Chân bất lập, vọng bản không:** Đúng ra là chân chẳng chấp mà vọng cũng không, nhưng quý vị lại mê lầm cái chân, chạy theo cái vọng. Bản lai chân chẳng có, vọng cũng chẳng có, nhưng quý vị lại nhận giặc làm con, chịu khổ mà thấy là vui, tự nghĩ đó là lợi ích, mà không biết đó là thiệt hại. Mang sẵn

cái sai lầm đó giao tiếp với mọi người, đối với bạn bè tương giao tình như vậy là hay, là mang lợi ích cho mình, nhưng kỳ thực cái tâm địa đó sẽ di hại về sau, đó chính là sự sai lầm về nhân quả.

**Hữu vô câu khiến bất không không:** Có và không có đều chẳng ham. Chúng có mất đi, cũng chẳng rơi vào trống rỗng, cũng chẳng rơi vào có, cũng chẳng rơi vào không, cái chẳng không cũng cho mất luôn.

**Nhị thập không môn nguyên bất trước:** Hai mươi pháp "không" chẳng qua chỉ là những cái tên mà thôi. Chẳng riêng hai mươi pháp không đó ta không nên chấp trước, mà một chữ không cũng không chấp nữa.

Hai mươi pháp không là: Nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, tiểu không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán không, vô biên dị không, bốn tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không.

Cả hai mươi pháp trên đều không chấp trước, cho đến một không cũng không chấp, hết thấy mọi thứ đều không chấp trước.

**Nhất tánh Như Lai thể tự đồng:** Tất cả chúng ta đều có đầy đủ Như Lai Tạng tánh, cùng với tánh của Phật không có gì sai khác, bản thể là một. Có điều Phật đã tu nên đã chứng quả Phật, ta chưa tu nên ta chưa thành Phật. Cho nên khi đã hiểu rõ cách tu thì chúng ta và Phật sẽ như nhau, không khác. Nhưng tu như thế nào? Trước hết không mê làm cái chân mà đuổi theo cái vọng, không nhận giặc làm con, không rước cái khổ mà coi là vui.

*Tâm thị căn, pháp thị trần,*

*Lưỡng chủng do như kính thượng ngân.*

*Ngân cầu tận trừ quang thủy hiện,*

*Tâm pháp song vong tánh tức chân.*

Dịch:

*Tâm là căn, pháp là trần,*

*Thấy đều gác bụi ám gương trong.*

*Bao giờ ngán hết gương trong lại,*

*Tâm pháp cùng quên tánh rõ chân.*

Lục căn là chỉ sáu bộ phận mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; các thứ này thuộc về *nội không*. Lục trần là chỉ sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp; những thứ này thuộc về *ngoại không*. Mắt không bị hình sắc lôi cuốn, tai không bị thanh âm lôi cuốn, mũi không bị mùi hương lôi cuốn, lưỡi không bị mùi vị lôi cuốn, thân không bị cảm xúc lôi cuốn, ý không bị pháp trần lôi cuốn - bỏn lai những thứ này đều chỉ là giả danh, không hề có thực thể. Như vậy, bên trong thì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều không, bên ngoài thì sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng không có, cũng là không, cũng chỉ là giả danh, cũng đều không có thực nghĩa, tóm lại sáu căn không, sáu trần không, rồi từ căn trần dẫn tới sáu thức - nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, thân thức, và ý thức, tất cả đều không tồn tại, tất cả đều là tên gọi, đều là những lời nói, chẳng có nghĩa thực sự, tất cả chỉ là giả danh mà thôi. Đối với các thứ kể trên nếu chúng ta không dính mắc, tức là mắt chẳng quan sát, tai chẳng lắng nghe, mũi không ngửi hơi hương, lưỡi không nếm mùi vị, thân không cảm sự xúc chạm, ý không theo dõi pháp, thì tất cả mọi vấn đề này đều không còn nữa, cho nên nói *nội ngoại đều không*.

Nếu sáu căn, sáu trần, sáu thức đã không, tức là *đại không* (pháp Đại thừa), và *tiểu không* (pháp tiểu thừa). Mang ý niệm không đó cho nó thành không, tức là *pháp tướng không* - cả cái không này cũng thành không luôn. Pháp tướng không, *thắng nghĩa cũng không*, mọi thứ đều không. Nếu quý vị thực hiện được cái không này, quý vị chẳng còn chấp vào điều gì nữa hết, quý vị quét sạch mọi thứ pháp, ly mọi thứ tướng, chẳng còn chấp ngã, chẳng còn chấp pháp, nhân không và pháp cũng không. Không chấp trước, thì có bao nhiêu cái không đi chẳng nữa cũng chỉ là danh từ. Cả cái không cũng không luôn thì làm gì còn con số hai chục cái không nữa? Đó chính là, từ cái gốc chẳng chấp trước, thì đâu còn chấp gì nữa!

**Tâm thị căn, pháp thị trần:** Tâm thuộc về căn, pháp thuộc về trần. Căn và trần đều không tức cả hai đều không chấp.

**Lưỡng chủng do như kính thượng nhân:** Cả hai thứ đều ví như hạt bụi trên mặt gương. Gương thì vốn trong sáng, và Phật tánh của chúng ta cũng trong sáng như vậy. Tâm đối với pháp, cũng như căn đối với trần, đều có thể ví như bụi trên mặt gương, in dấu vết trên gương, làm cho gương có dấu.

**Ngân cấu tận trừ quang thủy hiện:** Nếu chúng ta quét sạch bụi đi, sạch hết các vết dơ thì sự trong sáng lại hiện ra.

**Tâm pháp song vong tánh tức chân:** Nếu quý vị không chấp vào cái căn tâm, không chấp vào cái trần pháp thì Phật tánh cố hữu của quý vị, cái kính trí huệ tròn đầy (Đại Viên Kính Trí) cũng sẽ hiển lộ giống như ánh sáng của tấm gương vậy.

*Ta mạt pháp, ác thời thế,*

*Chúng sanh phúc bạc nan điều chế.*

*Khử thánh viễn hệ tà kiến thâm,*

*Ma cường pháp nhược đa oán hại.*

*Văn thuyết Như Lai đốn pháp môn,*

*Hận bất diệt trừ linh ngã toái.*

Dịch:

*Ôi mạt pháp! Ác thời thế,*

*Chúng sanh phúc mỏng khôn cầm chế.*

*Hiền thánh xa rời tà vạy sâu,*

*Ma mạnh pháp yếu nhiều ác tệ.*

*Nghe nói Như Lai phép đốn tu,*

*Hận chẳng nghiền tan như ngói bể.*

**Ta Mạt pháp:** Đây là một câu than, ý than tiếc, đại để như nói: Ôi! Thời Mạt pháp! Chẳng dễ gì hoằng dương Phật pháp!

**Ác thời thế:** Đây là thời kỳ quá ác nghiệt. Biết bao người ở trong Phật giáo, ăn cơm của Phật giáo, mà lại bậy trong nồi cơm đó nữa. Có câu nói: "*Dôi bọ trong thân của sư tử ăn thịt của sư tử.*" Câu này ám chỉ người của Phật giáo phá hoại Phật giáo, nói xấu Phật giáo, lại còn bảo Phật giáo phụ họ nữa. Tỷ như lần trước, vào lúc Vạn Phật Thành làm kỷ niệm đệ thập châu niên, có cư

sĩ ở Los Angeles tới, công nhiên bảo rằng ở đây chúng ta muốn nhiều tiền nhưng cho mọi người ăn chẳng ra gì, rồi chỗ trú chân thì như thế này thế kia, chẳng hạn. Những người đó chẳng ủng hộ đạo tràng thì thôi, còn tìm cách phá hoại đạo tràng. Quý vị cũng nên nhớ rằng, Vạn Phật Thành mới thành lập, mà thành lập được cũng phải trải qua trăm ngàn gian khổ, cho tới nay hiện trạng vẫn còn nhiều bấp bênh, chưa có thể nói là sung mãn được. Quý vị có tới Vạn Phật Thành cũng nên phát tâm ủng hộ, mà đóng góp phần nào công sức của mình. Có rất nhiều cư sĩ tới đó, hề thấy công tác gì thì ra công giúp sức, coi như là công việc của chính mình, tự gánh vác lấy trách nhiệm, với tất cả nhiệt tâm; có người thì chỉ đến làm phiền, chuyên môn phê bình này nọ, phiền trách các sự thiếu sót, chỉ cốt làm nhiễu loạn. Những người hay nhiễu loạn như vậy, đúng ra chẳng phải là tín đồ của Phật, có thể nói là của ma, con của ma, cháu của ma, do ma sai bảo, đến chỗ đạo tràng mà phá hoại.

Quý vị đi khắp mọi nơi trên thế giới cũng chẳng thấy một chỗ nào mà người xuất gia chỉ ăn một bữa trong mỗi ngày. Dù tu hành đến đâu hay đạo hạnh đến đâu thì cũng đều ăn hai bữa, một bữa sáng và một bữa trưa. Chẳng có nơi nào giống như Vạn Phật Thành, mà từ sáng đến tối, ai ai cũng chỉ làm việc, không bê trễ, hoàng dương Phật pháp không ngưng nghỉ, vùi đầu cực nhọc trong công tác. Vì Vạn Phật Thành mới thành lập nên luôn luôn cần tới sự giúp đỡ của mọi người. Quý vị có tới, lý ung là phải bỏ công giúp sức, mang hết tinh thần ra để ủng hộ, mới là đúng. Nay có người tới lại chỉ lo cho tiện nghi của mình, quý vị nghĩ xem như vậy có đáng thương chăng? Ai là những người như thế? Ai là người đến Vạn Phật Thành mà lo tiện nghi cho mình, ai là những người đó? Ai tự thấy mình có lỗi thì sửa đổi, ai không có thì cố gắng thêm.

Từ đây về sau phải nhớ kỹ, tới đạo tràng thì đừng nhiễu loạn, nói cái này phải cái kia trái, làm rộn mọi người. Ai làm như vậy phải cảm thấy mình xấu hổ. Đã không ủng hộ đạo tràng, lại hành động sai nhân quả, phá hoại đạo tràng, đó chính là Mạt pháp, đó chính là ác thời thế.

**Chúng sanh phúc bạc nan điều chế:** Chúng sanh bây giờ chẳng có phước, không biết cách trồng phước, đến chùa miếu thường làm những việc phiền hà. Quý vị nghĩ coi đối với những hạng người đó tôi có muốn cho họ quy y làm đệ tử chăng? Tôi chẳng sợ chuyện phá hoại, có điều làm vậy chính là gieo nhân sau này làm trâu, ngựa, heo, gà, vịt. Quý vị có biết làm sao để thành heo không? Vì quý vị đi tới đâu cũng muốn chiếm tiện nghi, sớm tối chỉ biết ăn của người mà không ăn của mình. Bởi vậy mới thành heo, để

ngày ngày người ta cho ăn các thứ. Ăn cho béo mập để ngày nào đó bị người ta mang ra xẻ thịt. Quý vị thử nghĩ cuối cùng đó là cái lợi hay đó là cái hại? Đối với những hạng người kể trên quý vị không nên kết bạn, ai mà giao du với họ tất sẽ lây cái hậu quả làm heo. Tôi nói với quý vị như vậy với tất cả tấm lòng từ bi của tôi, nếu không, quý vị đó có thể sống trong mê mờ thì rất là bất hạnh. "Nan điều chế" nghĩa là khó giáo hóa. Quý vị bảo họ không nên làm nhân quả thì họ lại cứ làm nhân quả cho quý vị coi!

**Khứ thánh viễn hê tà kiến thâm:** Bởi từ đâu vậy? Nguyên nhân là thời Phật đã quá xa nên tà tri tà kiến rất sâu.

**Ma cường pháp nhược đa oán hại:** Trong thời kỳ Mạt pháp, thế lực của ma cường thịnh. Quý vị thử xem như họ Lâm, họ Lư kia, không biết bên trong ra sao, nhưng kỳ thực họ đã gieo nhân địa ngục, có điều họ không biết đấy thôi. Tương lai họ sẽ gặp quả báo, có hỏi cũng đã muộn rồi.

Quý vị phải lưu ý điểm này. Tôi không thể không nói thực cho các quý vị nghe. Tôi muốn cho mọi người thức tỉnh, bởi nếu tôi không nói điều chân thực, sợ mai này xuống địa ngục rồi các quý vị lại kêu rằng: "Sự phụ đã biết rõ như vậy mà sao không nói một tiếng cho các đệ tử biết. Bây giờ đọa địa ngục rồi, làm sao đây?" Thực vậy, lúc đó, tôi chẳng còn cách gì, có muốn giúp cũng chẳng thể giúp nổi.

Thời nay, tà ma quỷ quái, thiên ma ngoại đạo quả là thịnh hành, quyến thuộc của chúng cũng nhiều, kẻ ủng hộ chúng cũng không thiếu, trong khi đó người thực sự có đạo lại chẳng được hoan nghênh, ít người ủng hộ. Tại sao vậy? Ở đời, cái gì thực và tốt lành thì ít, còn cái gì giả và xấu xa thì nhiều, cái triết lý đó các quý vị phải nên hiểu cho. Lấy thí dụ như họ Lâm kia, người nào đến nghe y giảng đạo, mỗi lần phải đóng 200 đồng (mỹ kim), còn tại Kim-luân Thánh tự, 2 đồng cũng không thu nữa, vậy mà không ai đến! Người đời nhận cái giả mà không nhận cái chân.

**Văn thuyết Như Lai đốn pháp môn:** Khi được nghe nói về một pháp môn mà theo pháp môn này Phật đã tức khắc thành Phật, thấy tánh thành Phật, một pháp môn đốn ngộ thì...

**Hận bất diệt trừ linh ngỗ toái:** Cảm thấy như gặp kẻ thù, rồi quyết tâm hủy diệt chánh pháp, phỉ báng nó, bảo nó là sai quấy, tìm cách phá hoại nó giống như đập bể viên ngói cho tan tành thì mới hả giận.



*Tác tại tâm, ương tại thân,*

*Bất tu oán tố cánh vu nhân.*

*Dục đắc bất chiêu Vô gián nghiệp,*

*Mạc báng Như Lai chánh pháp luân.*

Dịch:

*Tại tâm làm, tại thân chịu,*

*Đừng có kêu oan chớ trách người.*

*Muốn khỏi nghiệp vương muôn kiếp lụy,*

*Vành xe chánh pháp chớ chê cười.*

**Tác tại tâm, ương tại thân:** Tâm của quý vị tạo nghiệp, tương lai chịu quả báo làm các thân trâu, ngựa, heo, gà, vịt...

**Bất tu oán tố cánh vu nhân:** Quý vị thấy con gà mỗi khi nó kêu "quác! quát!" nghe giống như tiếng "quá đả! quá đả!" (tội lỗi lớn). Vậy lúc phải chịu quả báo, không nên oán trời oán người làm chi.

**Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp:** Nếu quý vị muốn tránh cảnh đọa vào địa ngục vô gián thì...

**Mạc báng Như Lai chánh pháp luân:** Đừng có phỉ báng Tam Bảo, đừng có phỉ báng đạo tràng của chánh pháp, vì làm như vậy tương lai quý vị sẽ bị đọa địa ngục Vô gián.

*Chiên đàn lâm, vô tạp thụ,*

*Uất mật sâm trầm sư tử trú.*

*Cảnh vắng lâm gian độc tự du,*

*Tẩu thú phi cầm giai viễn khứ.*

Dịch:

*Rừng chiên đàn không tạp thụ,*

*Sâu kín um tùm sư tử trú.*

*Cảnh vắng rừng im một mình chơi,*

*Cao chạy xa bay chim cùng thú.*

**Chiên đàn lâm:** Hương trầm ngư đầu là loại nhang thơm nhất. Đốt một cây nhang loại này, mùi hương tỏa ra khắp bốn mươi dặm. Đó là một loại nhang quý, cho nên cây trầm chiên đàn để làm nhang được coi là vô cùng quý giá trong các loại cây. Ai mà trú ẩn trong cánh rừng chiên đàn này ắt phải vô cùng đặc biệt, phải là xuất chúng - người đó chính là sư tử. "Vô tạp thụ": Không có loại cây nào khác.

**Uất mật sâm trầm sư tử trú:** Chỗ này cây cối rậm rạp, tiện cho sư tử trú ẩn. Ở ngoài nhìn vào không thấy rõ.

**Cảnh vắng lâm gian độc tự du:** Trong rừng chiên đàn thanh vắng tĩnh mịch, sư tử qua lại tự do.

**Tẩu thú phi cầm giai viễn khứ:** Chỗ nào có sư tử thì các loại chim muông dã thú đều sợ oai mà lánh đi nơi khác.

Rừng chiên đàn chính là một nơi lý tưởng cho các hiền thánh tăng trú ẩn. Chỗ đó um tùm sâu kín, linh khí rất là thịnh. Bởi linh khí thịnh nên mới hun đúc thành bậc long tượng trong pháp môn, ví như hàng sư tử trong loại thú. Các bậc long tượng ở những chỗ rừng thâm đặc biệt như vậy để dụng công tu hành, kẻ không dụng công thì không ở được những chỗ ấy, cũng không tới được những chỗ ấy. Ai không có tâm đạo ở đây sẽ không cảm thấy tự tại. Chẳng hạn như tại Vạn Phật Thành, người nào có tâm đạo mới ở lại được, ai không có tâm đạo ở đây sẽ không chịu nổi. Vạn Phật Thành là cốt dành cho những ai muốn tu hành thực sự làm nơi lưu trú, còn hạng thiên ma ngoại đạo có tới đấy cũng không thể ở được lâu, cuối cùng sẽ bỏ đi nơi khác.

Phép tu đạo, như trên, cũng hiếm hoi lắm, hiếm như mùi hương cây chiên đàn vậy. Tại một đạo tràng thù thắng như vậy mà có thể dụng công tu hành được thì đó chẳng phải chỉ gieo căn lành nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật mà là tại vô lượng trăm ngàn vạn ức vị Phật. Cho nên tới

Vạn Phật Thành để dụng công tu hành, hoằng dương Phật pháp, thì bọn tà ma ngoại đạo có tới cũng phải hãi sợ mà lánh xa, không dám lui tới. Có người nói: "Tới Vạn Phật Thành chỉ ăn một bữa, là không dám ở lại." Bởi vậy từ hơn mười năm nay, Vạn Phật Thành là nơi "gạn cát đãi vàng," dần dần mới thanh lọc ra được người thực sự dụng công tu hành, sự việc đó chẳng thể tiến hành một cách mau chóng được.

*Sư tử nhi, chúng tùy hậu,*

*Tam tuế tiện năng đại hao hồng.*

*Nhược thị dã can trực Pháp vương,*

*Bách niên yêu quái hư khai khẩu!*

Dịch:

*Sư tử con chúng theo hậu,*

*Tuổi mới lên ba đã hồng khỏe.*

*Chó rừng đâu bèn gót Pháp vương,*

*Trăm năm yêu quái há mồm suông.*

**Sư tử nhi, chúng tùy hậu:** Sư tử con, tuy hãy còn nhỏ vẫn có oai phong, vừa sanh ra đời đã khiến mọi loài thú phải khiếp sợ. Bởi vậy bất luận con thú nào cũng phải đi sau nó.

**Tam tuế tiện năng đại hao hồng:** Sư tử đầu còn non nớt, lên ba tuổi đã có thể gầm lên làm cho mọi loài sợ hãi. Nó không biết sợ, chẳng sợ một con thú nào khác. Bởi vậy ở phần trên đã có câu:

*"Sư tử hồng! Vô úy thuyết.*

*Bách thú văn chi giai nào liệt.*

*Hương tượng bên ba thất cước uy,*

*Thiên long tịch tịnh sinh hân thuyết"*

*(Sư tử hồng, thuyết vô úy,*

*Trăm thú nghe qua xé óc tủy.*

*Hương tượng chạy dài hết liệt uy,*

*Thiên long lặng ngóng lòng hoan hỷ.)*

Khi sư tử đã gầm lên, hết thấy mọi loài cầm thú phải sợ oai mà phục tùng.

**Nhược thị dã can trực pháp vương:** Dã can là một loại thú giống như con cáo (jackals), rất khôn ngoan quỷ quái và không theo phép tắc. Tuy khôn ngoan nhưng vẫn là giống yêu quái.

**Bách niên yêu quái hư khai khẩu:** Người nào chẳng có căn đại thừa đầu có theo Pháp Vương cả trăm năm đi nữa cũng chỉ là yêu quái chẳng thể mở miệng thi thố được điều gì.

*Viên đốn giáo, một nhân tình,*

*Hữu nghi bất quyết trực tu tranh.*

*Bất thị sơn tăng sinh nhân ngã,*

*Tu hành khủng lạc đoạn thường khanh.*

Dịch:

*Pháp viên đốn vượt tình thường,*

*Mọi niềm ngờ vực quyết không vương.*

*Sãi tôi đâu sinh bàn nhân ngã,*

*Sợ lạc đường tu hỏ đoạn thường.*

Trong các pháp môn tu, chỉ nhắm một cửa là pháp môn tâm địa tức Thiên tông. Đã hướng như vậy rồi là cứ tiến tới không trở lui.

**Viên đốn giáo:** "Viên" nghĩa là viên mãn; "đốn" nghĩa là lập tức khai ngộ. Kinh Pháp Hoa giảng về viên giáo, đốn giáo, tức là nói về pháp môn tức khắc thành Phật, cho nên gọi là "đốn ngộ."

**Một nhân tình:** Giáo lý viên đốn không có nói tới nhân tình, không nói thứ bậc, không nói cái gì là hư nguy, mà trong đó từng chữ từng câu đều là cái chân thật, chớ không thấy có cái gì gọi là nhân tình, không hề bàn về vấn đề thể diện.

**Hữu nghị bất quyết trực tu tranh:** Nếu có điều gì nghi ngờ không hiểu rõ, ta hãy cùng nhau bàn cãi để cho chân lý hiển lộ. "Tranh" có nghĩa là tranh luận, dùng lý lẽ để bàn cãi, chớ không phải tranh dành thị phi, như lối tranh chấp của người đời.

**Bất thị sơn tăng sinh nhân ngã:** Chẳng phải là người sống ở núi làm tăng sĩ này có ý tranh hơn tranh thắng với ai, cốt cho mình được người khác thua, chẳng phải như vậy đâu.

Không tranh phải, tranh trái, tranh hơn, tranh thắng, vậy là nghĩa thế nào?

**Tu hành khủng lạc đoạn thường khanh:** Tu hành là phải theo trung đạo, tu pháp liễu nghĩa chớ không phải pháp chưa liễu nghĩa; không chấp vào tướng đoạn diệt, cũng không chấp vào tướng thường trú. Quý vị chấp đoạn thì quý vị sẽ rơi vào không, quý vị chấp thường thì quý vị sẽ rơi vào có, và chấp không hay chấp có cũng đều rơi vào biên kiến, tức là hai bên, chẳng phải trung đạo. Bởi vậy, nếu chúng ta rơi vào tà kiến, chấp đoạn, chấp thường, thì chẳng khác gì rơi xuống hầm hố, thoát ra không phải dễ dàng.

Hôm nay tôi muốn nói với quý vị điều này là phạm tu học Phật pháp tất phải lấy Phật pháp làm trọng, chớ không thể tùy tiện phụ họa một cách ồn ào. Ở đây ngày ngày đều có giảng kinh thuyết pháp, dù có bận công chuyện đi nữa thì quý vị cũng nên đến đây nghe kinh nghe pháp, chẳng phải cứ có tôi tới thì mới tới, rồi khi tôi đi khỏi quý vị cũng đi. Tại Los Angeles, chùa Kim Luân này là một đạo tràng có *pháp luân thường chuyển*, nghĩa là nơi đó luôn luôn chuyển bánh xe pháp, chớ không phải mỗi tuần chỉ tổ chức một ngày lễ bái, còn sáu ngày là nghỉ ngơi. Tại Kim Luân thánh tự, ngày ngày nghiên cứu Phật pháp, tựa như lấy nước pháp để ngâm tẩm, huân tập lâu dần, Phật pháp sẽ ngấm. Quý vị muốn bỏ công nghiên cứu Phật pháp thì phải coi việc đó như đi kiếm tiền, hay đi kiếm cơm ăn, trọng yếu như vậy đó! Nếu quý vị thiếu pháp để bồi dưỡng trí huệ của quý vị sẽ bị đói khát vô cùng. Quý vị muốn cho thể xác được an vui, tự tại, thoải mái, quý vị phải kiếm tiền để nuôi thân. Tuy nhiên, đó cũng chỉ là nhu cầu hời hợt bên ngoài, quý vị phải làm sao cho cái bên trong, cái cốt yếu đó khỏi bị đói khát, khỏi bị nghèo hèn, thì mới đáng kể.

Nếu quý vị chẳng thấu rõ Phật pháp, quý vị chỉ riêng quy y, quý vị chờ khi nào tôi đến thì quý vị mới đến; rồi khi tôi đi, quý vị cũng đi, ngoài ra quý vị không chịu gánh vác một trách nhiệm nào cho đạo, thì điều đó không phù hợp với pháp Phật. Tôi không muốn nói đến phương diện lợi ích, vì nói tới lợi ích có thể dấy động lòng tham. Tôi chỉ nói tới nghĩa phù hợp vì điều đó tự quý vị cảm thấy. Quý vị ngâm mình trong nước pháp, tự nhiên quý vị sẽ *thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển*, và từ đó gặp bất cứ hoàn cảnh nào cũng tự mình đương đầu, không bị phiền não, ưu sầu, không vấp phải cảnh tiến không được mà thoái không xong, ngồi không yên, đứng không yên, chạy đâu cũng không ổn. Nếu quý vị minh bạch Phật pháp thì sẽ cảm thấy *"Everything is OK., No problem!"*

*Phi bất phi, thị bất thị,*

*Sai chi hào ly thất thiên lý.*

*Thị tắc Long nữ đốn thành Phật,*

*Phi tắc Thiện tinh sanh hãm đạo.*

Dịch:

*Thị chẳng thị, phi chẳng phi,*

*Sai lạc đường tơ ngàn dặm đi.*

*Thị: đấng Long nữ thoát thành Phật,*

*Phi: đấng Thiện tinh rơi địa ngục.*

**Phi bất phi, thị bất thị:** Cái trái chẳng phải nhất định trái; cái phải chẳng phải nhất định là phải.

**Sai chi hào ly thất thiên lý:** Tại cảnh giới trên, quý vị không thể sai. Cái phải là phải, cái trái là trái, nếu quý vị sai một chút, tức là sai đạo, không phù hợp với đạo. Lúc đầu mà sai một chút nhỏ, thì về sau tận cùng sẽ xa đạo cả ngàn dặm, cho nên tu đạo là phải phân biệt phải trái, phải có trí huệ lớn.

**Thị tắc Long nữ đốn thành Phật:** Bỏ lai, thân phụ nữ là thân "ngũ lậu," và mang thân ngũ lậu thì rất khó tu hành nên không thành Phật được, nhưng Long nữ đã tức khắc thành Phật vì đã cúng dường Phật viên ngọc quý của mình. Đối với loài rồng thì viên ngọc của nó không thể xả bỏ được, vậy mà Long nữ đã bỏ ra viên ngọc quý đó để dâng Phật! Cho nên, khi người ta thực hành bố thí thì phải bố thí một cách chân chánh. Nhưng thế nào là bố thí chân chánh? Tức là bố thí những thứ gì mà chúng ta không xả bỏ được, đó gọi là bố thí chân chánh. Còn như cái không bỏ được thì không bỏ, để có cái gì có thể bỏ được thì mới chịu bỏ, đó chẳng phải là bố thí chân chánh, bởi cái gốc tham hãy còn tồn tại. Long nữ coi viên ngọc như sinh mạng của mình, vậy mà bỏ luôn viên ngọc đó để dâng Phật và do cảm ứng đạo giao, Long nữ bèn tức khắc thành Phật.

**Phi tắc Thiện tinh sanh hãm đọa:** Nếu quý vị làm điều trái, tức sai lầm nhân quả. Hồi xưa có Tỳ-kheo Thiện-tinh, vì làm nhân quả nên bị sanh hãm địa ngục, sống mà bị đọa trong địa ngục, cho nên chỉ cần sai một chút sau này sẽ thành một sự lầm lẫn lớn. Lúc mới đầu, Tỳ-kheo Thiện-tinh cũng thực hiện bố thí, nhưng ông không bố thí cái mà ông không xả bỏ được. Vì lý do này, nên về sau khi làm thân Tỳ-kheo, nghiệp tội vẫn đuổi theo khiến cho ông đương sống mà bị đọa vào địa ngục. Còn sống mà cứ sao lại bị đọa vào địa ngục? Quý vị hãy nhìn xem trên đời này thường có người mang bệnh quái dị, lại không cho chết, như các loại ung thư, bệnh AID (ái-tử bệnh) chẳng hạn, họ sống có khác gì sống trong địa ngục. Nếu quý vị không tin là có địa ngục, quý vị hãy quan sát mấy người sống mà chịu tội thì quý vị sẽ biết, cảnh ngộ đó chẳng khác gì địa ngục cả. Như muốn chờ tới khi đọa địa ngục rồi mới chịu hiểu cho thì lúc đó đã quá muộn.

*Ngô tảo niên lai tích học vấn,*

*Diệt tăng thảo số tâm kinh luận.*

*Phân biệt danh tướng bất tri hư,*

*Nhập hải toán sa đồ tự khốn.*

Dịch:

*Ta sớm bao năm chuyên học vấn,*

*Từng viết số sao tâm kinh luận.*

*Phân biệt danh tướng mãi không thôi,*

*Vào biển đếm cát tự chuốc hận.*

**Ngô tảo niên lai tích học vấn:** Chỗ này Đại sư Vĩnh-Gia nói lúc đầu Người đã uổng phí bao nhiêu công vì đi lầm đường. Lúc đó chưa biết cách dụng công bởi chưa hiểu rõ pháp môn này.

Ngài nói: "Khi còn ít tuổi, ta đã từng nghiên cứu giáo lý tông Thiên-thai, muốn thâm nhập thật nhiều học vấn, đọc sách, và học tập văn tự bát-nhã.

**Diệc tăng thảo số tầm kinh luận:** "Hồi đó học về giáo lý, chú giải các Phật điển, cũng như phân chia ra nào phán giáo, ngũ phần khoa, thập bát giáo, tìm các kinh luận, và các luật luận, tất cả đều nghiên cứu qua. Thời gian học giáo lý, với bao nhiêu danh từ, thuật ngữ giáo tướng, công phu nghiên cứu quả là lâu dài.

**Phân biệt danh tướng bất tri hư:** "Ta phân biệt các loại danh tướng, thế nào là ngũ thời bát giáo, thế nào là các tạng, thông, biệt, viên, đôn, tiệm, bí mật, bất định. Kinh giáo nào được nói ra trong thời kỳ Hoa Nghiêm? Kinh giáo nào nói tại thời A-hàm? Kinh giáo nào vào thời Phương-đẳng? Vào thời Bát-nhã? Vào thời Niết-bàn? Ta học các loại danh tướng như vậy, học miệt mài, không ngưng nghỉ chấp trước vào sự học hỏi triền miên cho nên ngày ngày vui đầu vào các kinh sách. Các danh từ về giáo tướng kể ra vô số, chẳng khác gì số cát ở biển. Quý vị có thể đếm được một cách rõ ràng hết thấy số cát tại biển chăng? Chẳng thể nào đếm được. Học tập các danh từ trong kinh giáo cũng giống như vậy đó. Danh từ trong kinh cũng vô số giống như cát ở biển, vậy thì quý vị dụng công bằng cách học tập như vậy thì có khác gì...

**Nhập hải toán sa đồ tự khôn:** Quý vị đi ra biển, đem hết số cát ra mà đếm, đếm tới khi nào cho nó hết được!"

*Khước bị Như Lai khổ kha trách,*

*Số tha trân bảo hữu hà ích?*

*Tòng lai tăng đẳng giác hư hành,*

*Đa niên uổng tác phong trần khách.*



Dịch:

*Quả đáng bị Như Lai quở trách,*

*Châu báu của người có ích gì?*

*Lâu nay đáng đót rồ công suông,*

*Uổng bầy làm thân phong trần khách!*

**Khước bị Như Lai khổ kha trách:** Ra biển đếm cát quả là một việc ngu si, bởi dụng công theo lối đó chẳng ăn nhằm gì tới tự tánh của mình cả, cho nên Phật mới quở trách ra sao? Phật bảo:

Sở tha trên bảo hữu hà ích?: Giống như câu:

*Chung nhật sở tha bảo,*

*Tự vô bán tiền phân,*

*Ư pháp bất tu hành,*

*Ký quá diệc như thị.*

Nghĩa là: Suốt ngày đếm của cải của người, tự mình chẳng được nửa xu; không tu hành theo pháp, làm lỗi vẫn như vậy.

Quý vị đếm tiền cho người, ngày ngày làm việc ở ngân hàng, đếm tiền chẳng hạn, đếm tới đếm lui, vẫn là tiền của người khác, không phải là tiền của quý vị. Lại tỷ dụ quý vị chạy bàn ở quán ăn, từ sáng đến tối nói món này ngon, món kia ngon, toàn là nói tên các món ăn, rồi đếm tiền cho người, còn bản thân quý vị chẳng được gì.

Phật quở trách như vậy đó. Bây giờ thì đã tỉnh ngộ.

**Tòng lai tắng đặng giác hư hành:** Vì không biết tới pháp môn nói trên nên từ khi xuất gia tu hành đến nay sự dụng công chỉ là hời hợt ở bên ngoài, chẳng khác gì người chuyên đếm tiền, nói tên các thức ăn, hay ra biển đếm cát, chỉ biết miệt mài như vậy, đó là nghĩa của chữ "tắng đặng," làm uổng phí thời gian; "hư hành" nghĩa là chẳng có giá trị gì, để cho sinh mạng trôi qua, thời gian quý báu trôi qua, chẳng ích lợi gì.

**Đa niên uổng tác phong trần khách:** Cũng kể từ hồi đó, oan uổng sống trong cảnh phong trần, lãng phí bao nhiêu thời gian quý giá, thiệt là thương, thiệt là tiếc! Chữ "phong trần" có nghĩa là vất vả mà không làm được chuyện gì hữu ích.

Chúng ta là người tu học Phật pháp, nghe tới đây, nên tự mình nhìn lại mình. Ngài Vĩnh-Gia chuyên tâm nghiên cứu giáo lý như vậy, đặc biệt dụng công, không ra ngoài giao tiếp với ai, cắt đứt liên hệ với xã hội, Ngài nhất tâm nghiên cứu kinh giáo, không phan duyên, vậy mà cuối cùng còn cảm thấy bỏ phí thời gian. Đây là những lời phát xuất từ trong gan ruột của Ngài, chính là những lời vàng ngọc.

Đối với Phật pháp, chúng ta có nghiên cứu một cách chuyên nhất như Ngài Vĩnh-Gia nghiên cứu về kinh giáo chẳng? Không chuyên nhất!

Ở đây là một đạo tràng ngày ngày giảng kinh chuyên pháp luân, vậy chúng ta có tham gia hàng ngày chẳng? Chúng ta có hộ trì cái đạo tràng chuyên pháp luân này chẳng? Hay là chúng ta mỗi ngày đi về với công việc, cam tâm làm nô lệ cho kim tiền? Rồi vì chút ít sanh kế mà lãng xãng bận bịu? Lòng chúng ta có phải vì pháp hay vì miếng ăn? Hay vì lợi? Đó là những điều chúng ta hãy tự vấn tâm. Quý vị là đệ tử đã quy y với tôi, tôi hy vọng quý vị sớm thành Phật, hy vọng quý vị hãy buông bỏ chút ít các chuyện thế gian, lấy ít thời giờ tu học Phật pháp, chớ đừng có chờ tôi đến thì quý vị mới đến, tôi không đến quý vị cũng chẳng đến.

Có người cho hay, nhà ở xa, lái xe cả hai hay ba tiếng đồng hồ mới tới. Vậy nếu phải lái hai tiếng, thì ta hãy ngồi trên xe niệm Phật, tụng kinh điển, coi như có dịp ôn tập những điều đã học hỏi trong Phật pháp. Tới được đây để nghe kinh nghe pháp chính là một cơ hội hy hữu. Hiện nay, quý vị đi cùng khắp nơi trên thế giới thử xem có một đạo tràng thứ hai nào ngày ngày đều có giảng kinh thuyết pháp, có người nghe cũng giảng, không có người nghe cũng giảng, đó là nghĩa làm sao? Bởi vì chúng tôi muốn làm công tác chuyên pháp luân cho thật hữu hiệu, đem hết lòng ra để hoằng dương Phật pháp.

Quý vị muốn học tập Phật pháp hay là không, điều này thuộc quyền lợi của các vị. Tuy nhiên như vậy, quý vị như đã quy y Tam Bảo thì cũng phải bỏ công sức cũng như thời gian ra để nghiên cứu Phật pháp, chớ đừng ngủ nghỉ cho uổng lúc nhàn rỗi. Quý vị học hỏi Phật pháp nhiều, tức thâm nhập món ăn

cho Pháp thân quý vị, quý vị sẽ phát triển trí huệ, quý vị sẽ không điên đảo, đó là điều tối khẩn yếu.

Đây là những lời chân thật tôi nói với các vị. Nếu quý vị ngày ngày đến nghe kinh thì tôi rất lấy làm hoan hỷ. Quý vị nghe qua băng ghi âm những lời tôi giảng trước đây hơn mười năm, cũng là hồi tôi đặc biệt mang hết công phu để giảng pháp. Quý vị chưa nghe qua thì hãy nghe những cuốn băng đó từ đầu cho đến cuối, chớ đừng coi thường vì đó cũng là một cơ hội hy hữu cho quý vị. Chính là: "*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bách niên vạn kiếp nan tao ngộ. Ngã kim kiến văn đắc thọ trì, nguyện giải Như Lai chân thiệt nghĩa.*" Quý vị chớ để quang âm trôi qua một cách lãng phí, giảm bớt thú chơi mặt-trước đi, bớt xem điện ảnh đi,... hãy dùng thời gian đó mà nghe kinh nghe pháp, không còn gì tốt hơn.

*Chủng tính tà, thố tri giải,*

*Bất đạt Như Lai viên đốn chế.*

*Nhị thừa tinh tấn một đạo tâm,*

*Ngoại đạo thông minh vô trí huệ.*

Dịch:

*Tánh tà vạy, giải lạc lầm,*

*Chẳng được pháp Như Lai đốn chế.*

*Hai thừa tinh tấn thiếu đạo tâm,*

*Ngoại đạo thông minh không trí huệ.*

**Chủng tính tà:** Chỗ này nói người gieo hạt giống tà vạy, chính là do căn tánh bất chánh.

**Thố tri giải:** Ấy cũng bởi tri kiến không chân chánh.

**Bất đạt Như Lai viên đốn chế:** "Viên" nghĩa là viên dung vô ngại; "đốn" là đốn siêu ba giới. Nguyên nhân của tà tri tà kiến là không hiểu thấu lời Phật dạy. Những hạng có tà tri tà kiến không hiểu được đạo lý này, nên mới rơi vào nhị biên, rơi vào không, hay rơi vào có, chẳng chấp vào không thì lại

chấp vào có, không biết rằng pháp của Phật là viên dung vô ngại, cho nên nói kiến giải của họ bị lầm lạc (thố tri giải).

**Nhị thừa tinh tấn một đạo tâm:** Nhị thừa là chỉ hàng Thanh-văn và Duyên-giác. Họ có tinh tấn nhưng không phải là tinh tấn theo nghĩa trung đạo, bởi họ không biết phát tâm Đại thừa, chỉ lo tu cho mình chớ chưa có tư tưởng cầu Phật đạo một cách chân chánh. Họ đi được nửa đường mà đã tự vạch ra lần ranh, được chút ít đã coi là đủ, tóm lại họ không biết phát tâm bồ-đề của Đại thừa.

**Ngoại đạo thông minh vô trí huệ:** Hàng ngoại đạo cũng có kẻ thông minh, nhưng đó là kiểu thông minh biện bác theo lối thế gian, bởi họ đã dụng công trong tinh thần *hữu lậu*. Họ không biết rõ cảnh giới vô lậu.

*Diệt ngu si, diệt tiểu ngã,*

*Không quyền chỉ thượng sinh thực giải.*

*Chấp chỉ vì nguyệt uổng thi công,*

*Căn cảnh pháp trung hư niết quái.*

Dịch:

*Như trẻ dại, như ngu si,*

*Thấy nắm tay không quyền tưởng thiệt.*

*Chấp lấy ngón tay làm mặt nguyệt,*

*Bóng ma căn cảnh uổng công ghi.*

**Diệt ngu si:** Những hạng người như vậy, có thể gọi họ là ngu si, cũng có thể nói họ có chút ít trí huệ. Bởi họ không có trí huệ chân chánh, trí thông minh chân chánh, chỉ là *thế trí biện thông* - trí thông minh biện bác của thế gian (một trong bát nạn) - cho nên gọi họ là ngu si.

**Diệt tiểu ngã:** Trí huệ thế gian thì họ có, trí huệ xuất thế gian thì họ không có, bởi vậy họ không hiểu rõ lẽ trung đạo.

**Không quyền chỉ thượng sinh thực giải:** Như khi đức Phật thấy một đứa nhỏ sắp rớt xuống giếng, Ngài liền bảo: "Quay lại đi! Ta cho em một cục

keo," trong khi đó Ngài nắm tay lại giống như cầm một vật gì. Sự thực trong tay không có gì hết, nhưng muốn cứu đũa nhỏ nên phải tạm tìm ra một phương cách, một pháp môn khôn khéo có tính cách tạm thời (quyền xảo phương tiện), nhưng kẻ ngu si cho là thiệt, cho là trong tay Phật có thể có keo thực sự. Đó là nghĩa của mấy chữ "sinh thực giải." Hoặc giả, kẻ ngu si biết chắc trong tay Phật chẳng có keo, bèn cho là Phật nói dối, đó là trường hợp không hiểu rõ pháp môn phương tiện.

**Chấp chỉ vi nguyệt uổng thi công:** Như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng, kẻ ngu si lại tưởng rằng đầu ngón tay chính là mặt trăng. Như vậy không những kẻ đó chẳng nhận ra mặt trăng thực mà ngay đến đầu ngón tay của mình cũng không nhận ra nữa, thật là uổng công chỉ. Xem như vậy thì dụng công theo lối đó chẳng bao giờ thành tựu được, không thể tương ưng với đạo. Tại sao vậy? Tại vì...

**Căn cảnh pháp trung hư niết quái:** Căn là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; cảnh là nói về sáu trần cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc chạm và pháp. Lấy sáu căn và cảnh giới sáu trần để dụng công thì há chẳng quái rở sao?

*Bất kiến nhất pháp tức Như Lai,*

*Phương đặc danh vi Quán Tự Tại.*

*Liễu đặc nghiệp chướng bốn lai không.*

*Vị liễu ưng tu hoàn túc trái.*

Dịch:

*Chẳng thấy một pháp tức Như Lai,*

*Nên cũng kêu là Quán Tự Tại.*

*Tỏ rồi, nghiệp chướng hóa thành không,*

*Chưa tỏ, nợ xưa đành trang trái.*

**Bất kiến nhất pháp tức Như Lai:** Như quý vị đã thông hiểu rõ tường, quét sạch mọi pháp, lia hết mọi tướng, chẳng thấy một chút pháp sanh, chẳng thấy một chút pháp diệt, một niềm nhẫn trong tâm, tức là quý vị đã chứng được vô sanh pháp nhẫn, nghĩa là một pháp cũng chẳng lập, lúc đó có cái gì còn lại nữa chẳng? Đó chính là: *Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?* Bổn lai không một vật tức là một pháp cũng chẳng lập, hà xứ nhạ trần ai tức làm gì còn chỗ nào để phiền não? Đâu còn vấn đề nào nữa? Cho nên nói "chẳng thấy một pháp tức Như Lai," vì nếu quý vị thấu rõ một pháp cũng chẳng lập thì vạn niệm đều không.

Phương đặc danh vị Quán Tự Tại: Như vậy mới có thể gọi là Bồ-tát Quán Tự Tại một cách chân chánh. Bởi quý vị chẳng chạy đi đâu, chính quý vị làm chủ lấy mình, chẳng hướng ra ngoài tìm kiếm, chẳng xoay sở điên đảo với sáu căn sáu trần của quý vị, đó mới gọi là Quán Tự Tại.

Liễu đặc nghiệp chướng bổn lai không: Nếu quả quý vị thông hiểu, quả quý vị đã khai ngộ thì "sát na diệt khước a-tỳ-nghiệp," trong sát-na các tội của địa ngục vô gián đều tiêu diệt.

Nếu quý vị chưa thông hiểu ư?

Vị liễu ưng tu hoàn tức trái: Nếu quý vị chưa chứng ngộ, quý vị sẽ phải trả nghiệp do quý vị tạo tác từ trước, quý vị phải hoàn trả nợ. Quý vị ăn cơm, quý vị phải trả tiền cơm, quý vị mặc áo phải trả tiền may áo, ăn thịt trả tiền thịt, uống máu trả tiền máu, nợ máu trả máu. Nếu chưa chứng đạo, quý vị vẫn chìm nổi trong luân hồi, lên xuống trong vòng lục đạo, cùng nhau vay trả; quý vị vay của tôi, ngày khác quý vị sẽ trả; tôi vay của quý vị, cũng tới lúc tôi hoàn trả lại quý vị, cứ như vậy vay nợ lẫn nhau. Lại nói về vấn đề ăn thịt. Đương lúc ăn thịt quý vị thấy ngon lắm, tới khi quý vị phải trả nợ này thì quý vị sẽ cảm thấy rất là đau đớn, ý nghĩa nó là như vậy.

*Cơ phùng vương thiện bất năng san,*

*Bệnh ngộ y vương tranh đắc sai.*

*Tại dục hành thiên tri kiến lực,*

*Hỏa trung sanh liên chung bất hoại.*

*Dũng Thí phạm trọng ngộ vô sanh,*

*Tảo thời thành Phật u kim tại.*

Dịch:

*Đói gập tiệc vua không thể ăn,*

*Bệnh tránh y vương sao mạnh được?*

*Thiền trong biển đục rõ kiến lực,*

*Sen trong lửa đỏ muôn đời rực.*

*Dũng Thí phạm giới chứng vô sanh,*

*Sớm vẫn viên thành trong cõi đục.*

**Cơ phùng vương thiện bất năng san:** Chỗ này nói người nghèo khổ, tuy trong bụng rất đói, nhưng khi gặp bữa cơm thịnh soạn của vua cho lại không dám ăn.

**Bệnh ngộ y vương tranh đắc sai:** Kẻ mang bệnh thật là khổ sở lại không dám tin vào thuốc chữa do vị y vương ban cho, như vậy thì bệnh của y làm sao có thể khỏi được?

Kẻ cùng khổ thấy đồ ăn ngon mà không dám ăn, bởi vì y quá sợ, quên luôn cả đói, mà có ăn cũng không nuốt trôi. Còn người bệnh lẽ ra phải tin thầy thuốc, nay gặp được y vương lại không tin, cho nên bệnh không chữa khỏi.

Đại ý chỗ này nói rằng tự tánh của chúng ta cùng với Phật là đồng một thể. Khi gặp pháp Đại thừa lại không dám tin Đại thừa, không dám học pháp Đại thừa, thì làm sao giải trừ được căn bệnh đói pháp? Bởi căn tánh ngu si - độn căn - nên gặp được y vương mà không biết tin (y vương đây chỉ đức Phật) thì làm sao chữa khỏi được tám vạn bốn ngàn căn bệnh?

**Tại đục hành thiền tri kiến lực:** Đục là do vô minh sanh ra, chẳng biết tại sao như vậy, tuy nhiên nếu ở trong chỗ ô nhiễm mà vẫn giữ được thanh tịnh thì gọi là "tại đục hành thiền." Cũng như "*đản tri vô tâm u vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiên,*" nghĩa là, chỉ cần đối trước vạn sự mà giữ được vô tâm, thì lo gì bị hoàn cảnh quấy nhiễu. Đây là nói trạng thái vô tâm

thực sự - chẳng phải cái lối tự lừa dối mình, tở dụ quý vị chưa tới được trình độ vô tâm mà quý vị nói quý vị vô tâm, quý vị cho là quý vị không bị ưu phiền, quý vị đã vượt lên trên cảnh giới đó, thực ra đây chỉ là cách "bịt tai, cạy chuông" đi mà thôi. Nay quý vị đương ở chỗ ô nhiễm mà vẫn giữ được thanh tịnh, cái đó gọi là "tại dục hành thiền," như trường hợp của Phó Đại sĩ, của Bàng cư sĩ, của Pháp sư Cưu-ma-la-thập, chẳng hạn. Họ có tri kiến lực, tức một loại định lực, một tri kiến thật sâu sắc (chân tri chước kiến).

**Hỏa trung sanh liên chung bất hoại:** Cũng như trường hợp hoa sen sanh trong lò lửa. Nguyên lửa không thể sanh ra hoa sen, vậy thì trong cảnh dục mà hành thiền cũng tương tự như thế. Một điều không thể làm được mà quý vị lại làm được; đó là nghĩa lửa sanh hoa sen mà hoa không hủy hoại.

**Dũng Thí phạm trọng ngộ vô sanh:** Xưa có vị Tỳ-kheo tên là Dũng Thí. Ông phạm trọng tội, nhưng về sau ông sám hối sửa đổi, cho nên...

**Tảo thời thành Phật ư kim tại:** Dù đã phạm trọng tội, sau biết chân thành sám hối, thì cũng thành Phật. Thực vậy, vị Tỳ-kheo đó nay đã thành Phật. Cho nên, chúng ta đừng sợ mình có tội, chỉ sợ mình không biết hối cải. Nếu quả có thể sửa lại lỗi lầm thì không xa đường tu là bao nhiêu.

*Sư tử hồng, vô úy thuyết,*

*Thâm ta môn đồng đổng ngoan bì đát.*

*Chỉ tri phạm trọng chương bồ-đề,*

*Bất kiến Như Lai khai bí quyết.,*

Dịch:

*Sư tử hồng thuyết vô úy,*

*Thương thay ai vẫn mê mờ rồi.*

*Mảng e tội trọng lập bồ-đề,*

*Chẳng được Như Lai mở kho bí.*



**Sư tử hồng:** Sư tử là vua trong loài thú, cho nên một khi nó gầm lên, các thú đều sợ hãi.

**Vô úy thí:** Phật thuyết pháp có thể ví như sư tử rống. Các loại bàng môn ngoại đạo một khi nghe qua lời thuyết pháp vô úy của Ngài đều sợ hãi đến độ lông tóc dựng lên.

**Thâm ta mông đổng ngoan bì đất:** "Thâm ta" nghĩa là than, thở than một cách sâu xa. "Mông đổng" nghĩa là không hiểu rõ. "Ngoan bì đất" là tỷ dụ như da trâu, vừa dày vừa thô, khó mà thấm vào bên trong, tóm lại là khó nói cho hiểu.

**Chỉ tri phạm trọng chướng bồ-đề:** Người ta chỉ biết rằng các trọng tội sẽ làm chướng ngại đạo bồ đề, chướng ngại cho sự giác ngộ, đại khái như phạm các tội giết người, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Chỉ biết như vậy tức là họ chưa thông suốt pháp sám hối, cái đó làm chướng ngại cho con đường tu đạo.

**Bất kiến Như Lai khai bí quyết:** Họ không hiểu rằng trong giới luật có các pháp *phạm, giá, khai? chỉ trì, tác trì*. Nếu như hành động mà vô tâm thì vô tội, chỉ khi nào hữu tâm mới là phạm tội, đó chính là bí quyết Phật đã khai mở. Điều Phật nói đó có ý nghĩa rất bình đẳng, rất công bằng, không mảy may thiên lệch. Phật là rất công bằng chính trực, cho nên nói "*sư tử hồng vô úy thuyết*." Phần trên đã có câu: *Sư tử nhi, chúng tùy hậu, tam tuệ tiên năng đại hao hồng*, đó là nói tới oai phong của loài sư tử, và Phật thuyết pháp cũng giống như sư tử gầm rống lên vậy.

*Hữu nhị tỳ-kheo phạm dâm sát,*

*Ba-la huỳnh-quang tăng tội kết.*

*Duy-ma đại sĩ đốn trừ nghi,*

*Do như hách nhật tiêu sưng tủy.*

Dịch:

*Có hai tỳ-kheo phạm dâm sát,*

*Đóm huỳnh Ba-li thêm buộc xiết.*

*Bồ-tát Duy-ma chốc giải ngờ,*

*Như vầng dương hực tiêu sương tuyết.*

**Hữu nhị tỳ-kheo phạm dâm sát:** Xưa có hai vị tỳ-kheo ở chung một nơi, một vị phạm vào giới dâm, một vị phạm vào giới sát. Bởi đâu mà phạm giới dâm? Số là hai vị tỳ-kheo này ở trong núi, rồi tới một hôm, một vị có việc phải xuống núi, còn vị kia, ở lại trên núi, nằm ngủ. Lúc đó có một người con gái hái củi đi qua, cô này sanh lòng ô nhiễm, mới cưỡng gian vị tỳ-kheo này. Nhằm ngay lúc vị tỳ-kheo kia, sau khi xuống núi trở về, thấy cô gái đã làm tổn hại giới thể của bạn đồng tham với mình, bèn chạy đuổi bắt cô gái. Chẳng may, khi chạy trốn, cô gái lỡ chân rớt xuống khe suối chết. Một vị thì nhận đã phạm giới dâm, vì hạnh bất tịnh của cô gái, còn vị kia nhận đuổi theo cô gái khiến cho cô này sẩy chân rớt xuống khe suối mà chết, nên nhận tội đã phạm giới sát.

**Ba-la huỳnh-quang tăng tội kết:** Cả hai tìm đến Tôn-giả Ba-la Huỳnh-quang để cầu xin sám hối. Việc này giải quyết ra sao? Tôn-giả bèn bảo rằng cả hai đều phạm vào tội vô gián địa ngục, có sám hối cũng không được và cũng chẳng còn biện pháp nào để giải tội cho họ cả. Hai vị tỳ-kheo đều cảm thấy trong lòng có sự hoài nghi, họ tự nghĩ rằng: Việc phạm giới dâm chẳng phải do sự nguyện ý và phạm giới sát cũng như vậy, cả hai việc xảy ra không do cố ý, họ vô tâm, như vậy vẫn bị tội thì chẳng công bình chút nào.

**Duy-ma đại sĩ đốn trừ nghi:** Do đó hai vị này đến thỉnh giáo cư sĩ Duy-ma-cật. Cư sĩ nói với hai người rằng: "*Vô tâm vô tội,*" nghĩa là nếu quý vị không có ý phạm tội thì chẳng có tội, và từ đó giải trừ được mọi hoài nghi cho họ.

**Do như hách nhật tiêu sương tuyết:** Tỷ như ánh sáng gay gắt của mặt trời làm tan sương tuyết, đây là một loại sức mạnh giải thoát không thể nghĩ bàn.

*Bất tư nghị giải thoát lực,*

*Diệu dụng Hằng sa dã vô cực.*

*Tứ sự cúng dường cảm từ lao.*

*Vạn lượng hoàng kim diệp tiêu đấ.*

*Phấn cốt toái thân vị tức thù,*

*Nhất cú liễu nhiên siêu bách ức.*

Dịch:

*Bàn nghĩ chi sức giải thoát,*

*Diệu dụng Hằng hà như số cát.*

*Bốn sự cúng dường dầu nhọc hao,*

*Muôn lượng vàng ròng dầu tiêu hết,*

*Thịt tan xương nát chữa đẹn xong,*

*Một câu thấu suốt tiêu ngàn ức.*

**Bất tư nghị:** Không thể lấy tâm ý để nghĩ suy, không thể lấy ngôn từ để bàn luận.

**Giải thoát lực:** Một loại sức mạnh giải thoát.

**Diệu dụng Hằng sa dã vô cực:** Diệu dụng của nó đếm không xuê như số cát của sông Hằng.

**Tứ sự cúng dường cảm từ lao:** Cho nên phải lấy bốn thứ để cúng dường. Bốn thứ là ẩm thực, y phục, các vật dụng cần để nằm, thuốc thang. Sắm sửa bốn thứ này để cúng dường Tam Bảo, dầu có lao khổ cũng không suy từ.

**Vạn lượng hoàng kim diệt tiêu đắc:** Để đổi lấy sức mạnh giải thoát không thể nghĩ bàn đó thì cúng dường cả vạn lượng vàng ròng cũng đáng.

**Phân cốt toái thân vị tức thù:** Nếu quý vị có thể thấu được chỗ ảo diệu của Phật pháp thì dầu quý vị có tan xương nát thịt cũng chưa đủ báo đáp ơn của Phật, ơn của Pháp cũng như của ân sư.

**Nhất cú liễu nhiên siêu bách ức:** Nếu quả quý vị thấu hiểu minh bạch một câu cũng đủ đưa quý vị vượt qua trăm vạn a-tăng-kỳ kiếp, vô lượng vô số a-tăng-kỳ kiếp, cả một thời gian dài như vậy quý vị cũng vượt qua.

*Pháp trung vương, tối cao thắng,*

*Hằng sa Như Lai đồng cộng chứng.*

*Ngã kim giải thử như ý châu,*

*Tín thọ chi giả giai tương ứng.*

Dịch:

*Pháp này vua, là tối thắng,*

*Hàng sa Như Lai cùng chung chứng.*

*Ta nay giải vậy như ý châu,*

*Người người tin nhận đều tương ứng.*

**Pháp trung vương:** Pháp này là vua trong các pháp.

**Tối cao thắng:** Nghĩa là pháp này rất cao siêu, thù thắng, không có pháp nào sánh được.

**Hàng sa Như Lai đồng cộng chứng:** Các vị Phật nhiều như số cát sông Hằng, đều theo pháp môn này và đều chứng được Pháp thân.

**Ngã kim giải thử như ý châu:** Hôm nay tôi giải bày pháp giác ngộ này, nó như là hạt ngọc như ý, bao hàm hết thảy mọi pháp.

**Tín thọ chi giả giai tương ứng:** Nếu có người nào tin theo và phụng hành thì cũng sẽ đạt được ngang như vậy, chứng được lý thể của Pháp thân giống như của ba đời mười phương chư Phật thọ hưởng bốn đức của Niết-bàn, đó là thường, lạc, ngã, tịnh.

*Liễu liễu kiến, vô nhất vật,*

*Diệc vô nhân, diệc vô Phật.*

*Đại thiên sa giới hải trung âu,*

*Nhất thiết thánh hiền như điện phát.*

*Giả sử thiết luân đĩnh thượng triền,*

*Định huệ viên minh chung bất thất.*

Dịch:

*Suốt suốt thấy không một vật,*

*Cũng không người, cũng không Phật.*

*Thế giới ba ngàn bọ nước xao,*

*Mỗi mỗi thánh hiền như điện phát.*

*Vị phông thiết luân trên đầu chuyển,*

*Định huệ sáng tròn luôn chẳng biến.*

**Liễu liễu kiến, vô nhất vật:** Nếu quý vị chứng được pháp này, quý vị sẽ thấy không còn vật gì nữa, đó chính là: "*Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai,*" cái gì cũng chẳng còn.

**Diệc vô nhân, diệc vô Phật:** Người không còn, Phật cũng không, cho nên nói: "*Nhất pháp bất lập, vạn tượng giai không,*" một pháp cũng chẳng lập, sum la vạn tượng đều không.

**Đại thiên sa giới hải trung âu:** Cả tam thiên đại thiên thế giới trong không gian cũng chỉ là cái bọt nổi trên mặt biển lớn, một chấm nhỏ li ti, chẳng to tát gì, cho nên trong kinh Lăng Nghiêm có câu: "*Không sinh đại giác trung, như hải nhất âu phát,*" nghĩa là cái không trong đại giác tánh, cũng nhỏ như cái bọt so với biển cả vậy.

**Nhất thiết thánh hiền như điện phát:** Vào lúc đó, lúc đã *quay về gốc, trở về nguồn,* thì hết thấy mọi thứ đều như như bất động, luôn luôn tỏ sáng (như như bất động, liễu liễu thường minh). Hết thấy thánh hiền lướt qua nhanh như điện chớp, không mảy may tung tích.

**Giả sử thiết luân đỉnh thượng triền:** Giả sử vòng lửa đỏ có quay trên đầu, cũng không thiêu đốt được, chẳng hề hấn gì.

**Định huệ viên minh chung bất thất:** Nếu quý vị có được hạt ngọc như ý thì tự nhiên định huệ của quý vị sẽ phát huy động lực. Mà nếu định huệ được viên minh thì sẽ như thế nào? Xuống nước không bị chết chìm, vào lửa không bị thiêu, tức là lửa có cháy cũng không đốt được quý vị, nước có ngập cũng không nhận chìm quý vị được.

*Nhật khả lãnh, nguyệt khả nhiệt,  
Chúng ma bất năng hoại chân thuyết.,  
Tượng giá tranh vanh mạn tiến đồ,  
Thù kiến đường lang năng cự triệt.*

Dịch:

*Nguyệt dầu thành lửa, nhật thành băng,  
Ma nào phá được chân thuyết hiện.  
Xe voi dốc ngược vững đường lên,  
Sức mấy bọ tròi ngăn bước tiến.*

**Nhật khả lãnh:** Ta nói pháp này, giả sử mặt trời có nguội lạnh - mặt trời vốn nóng, không thể lạnh được - nhưng cứ giả sử nó có thể lạnh,

**Nguyệt khả nhiệt:** Mặt trăng vốn nó lạnh, không thể nóng, nhưng cứ giả sử nó có thể nóng - tức là một sự việc không thể làm nổi, không cách gì làm được mà lại hóa ra làm được, đâu có chuyện đó đi chẳng nữa, nhưng...

**Chúng ma bất năng hoại chân thuyết:** Cái pháp tối cao siêu này, vua của các pháp, không đời nào bị bọn thiên ma ngoại đạo phá hủy cho được. Bởi vậy ma không thể phá nổi lời nói thật. Những lời chân thật mà ta nói, chẳng một ai phá được, chẳng một ai hủy được.

**Tượng giá tranh vanh mạn tiến đồ:** Như cái xe voi, quý vị thấy voi đi thùng thẳng, tưởng là xe đi chậm chạp, mà kỳ thực xe đi nhanh.

**Thù kiến đường lang năng cự triệt:** Con bọ ngựa là một loài động vật nhỏ, thử hỏi sức nó có cản được xe voi chẳng? Không thể được. Cho nên, thiên ma ngoại đạo chẳng có cách nào phá hoại được chánh pháp.

*Đại tượng bất du u thổ kính,  
Đại ngộ bất câu u tiêu tiết.  
Mạc tương quân kiến bán thương thương,*

*Vị liễu ngô kim vi quân quyết.*

Dịch:

*Voi lớn đâu thềm đi dấu thỏ,*

*Ngộ lớn xá gì chút tiết nhỏ.*

*Đừng dòm trong ống biếm trời xanh,*

*Chưa tỏ, vì anh ta mở rõ.*

**Đại tượng bất du ư thỏ kính:** Voi lớn không đi trên lối đi của thỏ, nó đi trên đường lớn.

**Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết:** Những người đã ngộ đạo, đại triệt đại ngộ, thì hoàn toàn không bị câu thúc, không bị ngăn ngại, họ ở trong trạng thái không người không ta, không nệ vào các tiểu tiết. Quý vị thấy có lúc họ mắng người, có lúc họ đánh người nữa. Có sao, họ là người tu hành lại còn mắng người, đánh người vậy? Bởi vì họ đã khai ngộ, thấy rõ cơ duyên, thấy lúc nào cần đánh thì họ đánh, cần mắng thì mắng, chẳng câu nệ tiểu tiết, chẳng phải cứ khư khư giữ vẻ tao nhã lễ nghi. Họ chẳng quản gì hết.

**Mạc tương quản kiến báng thương thương:** Chúng ta không nên thấy Hòa thượng Chí-công như vậy mà đem lòng phi báng, bảo rằng ông ấy ăn thịt cày, ông ấy uống rượu, là không tốt. Sư tổ Chí-công mỗi ngày ăn hai con chim bồ câu, nhưng khi chúng được nấu chín và khi Sư tổ ăn xong, người khắc ra thì hai con đó sống trở lại. Cho nên chúng ta không nên lấy con mắt phàm phu mà nhận xét trí huệ của bậc thánh nhân, cho nên câu trên nói, đừng ngắm qua ống trúc để biết trời xanh rộng lớn chừng nào. Đó là phi báng trời, cho là trời quá nhỏ. Như vậy là không đúng.

**Vị liễu ngô kim vi quân quyết:** Nếu như quý vị vẫn chưa hiểu những điều đó, bây giờ ta làm bài ca này để cho quý vị đọc vài lần thì quý vị sẽ hiểu thấu đáo.

---o0o---

Hết